

THƯ NGỎ

Kính gửi: Quý khách hàng, Quý đối tác,

Lời đầu tiên, Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân xin trân trọng gửi lời chào và lời cảm ơn sâu sắc đến Quý khách hàng, Quý đối tác đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Được thành lập từ ngày 26/07/2013, chúng tôi tự hào là doanh nghiệp có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí công nghiệp, xây dựng hạ tầng và san lấp mặt bằng. Kế thừa nền tảng vững chắc từ Công Ty Cổ Phần Cơ Khí và Xây Dựng Công Nghiệp Quang Tuân, chúng tôi không ngừng đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực thi công nhằm mang đến các giải pháp tối ưu, dịch vụ chất lượng cao và hiệu quả vượt trội.

Với hệ thống trang thiết bị hiện đại và đội ngũ kỹ sư, công nhân giàu kinh nghiệm, chúng tôi đã triển khai thành công nhiều dự án san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt kết cấu thép và cơ khí công nghiệp. Chúng tôi cam kết mang đến cho Quý khách hàng sản phẩm chất lượng, tiến độ đảm bảo và an toàn tuyệt đối.

Với tinh thần tận tâm, chuyên nghiệp và uy tín, Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân mong muốn tiếp tục trở thành đối tác tin cậy của Quý khách hàng trong các dự án hiện tại và tương lai. Chúng tôi sẵn sàng đồng hành cùng Quý vị để kiến tạo những công trình bền vững và hiệu quả.

Một lần nữa, chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách hàng, Quý đối tác đã luôn tin tưởng và ủng hộ chúng tôi. Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và phát triển bền vững!

Trân trọng,



OPEN LETTER

Dear Valued Customers and Partners,

First and foremost, Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited would like to extend our warmest greetings and sincere gratitude to our valued customers and partners for your continuous trust and support.

Established on July 26, 2013, we take pride in having over 10 years of experience in the fields of industrial mechanics, infrastructure construction, and site preparation. Inheriting the solid foundation of Quang Tuan Industrial Mechanical and Construction Joint Stock Company, we constantly strive to innovate technology and enhance our construction capabilities, delivering optimal solutions, high-quality services, and outstanding efficiency.

With our modern equipment and a team of experienced engineers and skilled workers, we have successfully executed numerous projects in site preparation, infrastructure development, steel structure installation, and industrial mechanics. We are committed to providing our customers with top-quality products, on-time completion, and absolute safety.

With dedication, professionalism, and credibility, Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited aspires to continue being a trusted partner for our valued customers in both current and future projects. We look forward to working alongside you to build sustainable and highly efficient projects.

Once again, we sincerely appreciate your trust and support. We wish you good health, great success, and sustainable growth!

Best regards,



PHẦN I. GIỚI THIỆU

PART I : INTRODUCTION

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

I. THE PROCESS OF FORMATION AND DEVELOPMENT

Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân được thành lập vào năm 2022, kế thừa nền tảng vững chắc từ Công Ty Cổ Phần Cơ Khí và Xây Dựng Công Nghiệp Quang Tuân được thành lập vào năm 2013 – đơn vị có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí công nghiệp, xây dựng hạ tầng, san lấp mặt bằng và thi công các công trình công nghiệp, dân dụng.

Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited was established in 2022, inheriting a strong foundation from Quang Tuan Industrial Mechanical and Construction Joint Stock Company, which was founded in 2013. With over 10 years of experience in industrial mechanics, infrastructure construction, ground leveling, and the execution of industrial and civil projects, the company has built a solid reputation in the industry.

Với hơn 10 năm kinh nghiệm, công ty đã không ngừng mở rộng quy mô và nâng cao năng lực, trở thành một đối tác uy tín trong ngành. Ngay từ những ngày đầu, Quang Tuân đã tập trung vào việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, xây dựng đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường xây dựng và công nghiệp. Nhờ chiến lược phát triển đúng đắn, công ty đã khẳng định vị thế vững chắc, liên tục tham gia vào các dự án trọng điểm.

With over 10 years of experience, the company has continuously expanded its scale and enhanced its capabilities, becoming a trusted partner in the industry. From the very beginning, Quang Tuan has focused on investing in modern equipment, building a team of skilled engineers and workers to meet the growing demands of the construction and industrial market. Thanks to its sound development strategy, the company has solidified its position and consistently participated in key projects.

Trải qua hơn một thập kỷ hoạt động, Quang Tuân đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

After more than a decade of operation, Quang Tuan has achieved numerous significant milestones:

- ❖ **2012 – 2013: Nhiệt điện Vĩnh Tân I – Bình Thuận (Vinh Tan 1 Thermal Power Plant - Binh Thuan)**
 - Gia công, lắp đặt hệ thống lọc bụi cho hai tổ máy nhà máy nhiệt điện 600M (*Outsource, install two - 600MW-plant unit dust filter system*).
 - Gia công, lắp đặt hệ thống kiểm soát khói tại tổ máy số 1 (*Outsource smoke control system in Plant unit no. 1*).
- ❖ **2013 – 2015: Nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh (Duyen Hai I Thermal Power Plant – Tra Vinh)**
 - Thi công và lắp đặt hệ thống đường ống khí và hệ thống cấp than hoạt tính cho lò hơi số 1 (*Combine and install air piping and powered charcoal providing system for Steamer 1*).

- Thi công và lắp đặt hệ thống đường ống khí và hệ thống cấp than hoạt tính cho lò hơi số 2 (*Combine and install air piping and powered charcoal providing system for Steamer 2*).
- Thi công và lắp đặt hệ thống khử nitrate cho lò hơi số 1 (*Combine and install Anti-nitrate system in Steam 1*).
- Thi công, lắp đặt và tháo dỡ tôn sóng cho hệ thống đóng cửa tại Nhiệt điện Duyên Hải I (*Combine, install and wrest down corrugated iron to Duyen Hai I Closure*).
- ❖ **2015 – 2016: Nhiệt điện Duyên Hải III – Trà Vinh (*Duyen Hai III Thermal Power Plant – Tra Vinh*)**
 - Thi công và lắp đặt hệ thống đường ống khí và hệ thống cấp than cho lò hơi 2 (*Combine and install air piping and powered charcoal providing system for Steamer 2*).
 - Thi công và lắp đặt hệ thống khử nitrate cho lò hơi số 2 (*Combine and install Anti-nitrate system in Steam 2*).
- ❖ **2016 : Nhiệt điện Thái Bình I, II – Thái Bình (*Thai Binh I, II Thermal Power Plant – Thai Binh*)**
 - Lắp đặt hệ thống kho chứa than (*Installation of coal storage houses*).
 - Lắp đặt hệ thống đường ống nhà STG (*Installation of piping STG houses*).
- ❖ **2017: Nhiệt điện Vĩnh Tân IV – Bình Thuận (*Vinh Tan IV Thermal Power Plant – Binh Thuan*)**
 - Thi công căn chỉnh cực âm dương một kỳ lọc bụi (*Calibrate positive cathode a dust filter period*).
- ❖ **2017: Nhiệt điện Duyên Hải III mở rộng – Trà Vinh (*Duyen Hai III Thermal Power Plant Expansion – Tra Vinh*)**
 - Gia công, lắp đặt hệ thống lọc bụi cho hai tổ máy 600MW (*Outsource, install two- 600MW-plant unit dust filter system*).
- ❖ **2018: Nhiệt điện Long Phú I – Sóc Trăng (*Long Phu I Thermal Power Plant – Soc Trang*)**
 - Gia công, lắp đặt hệ thống kết cấu thép sàn, lan can, cầu thang và hệ thống gió (*Install Steel structure of floors, railings, staircases and wind system*).
- ❖ **2019: Nhiệt điện Sông Hậu I – Hậu Giang (*Song Hau I Thermal Power Plant – Hau Giang*)**
 - Lắp đặt hệ thống đường ống BOP (*Installation of BOP pipe system*).
- ❖ **2024: Nhà máy Thép Hòa Phát Dung Quất (*Hoa Phat Dung Quat Steel Plant*)**
 - Lắp đặt lò hơi (*Installation of boilers*).

Trong tương lai, Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân cam kết tiếp tục phát triển theo chiến lược bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng quy mô và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Với tinh thần trách nhiệm cao

và cam kết chất lượng vượt trội, Quang Tuấn sẽ tiếp tục đồng hành cùng khách hàng và đối tác, góp phần vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

In the future, Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited is committed to continuing its sustainable development strategy, constantly improving service quality, expanding its scale, and applying advanced technology. With a strong sense of responsibility and a commitment to superior quality, Quang Tuan will continue to accompany customers and partners, contributing to the sustainable development of Vietnam.

II. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

II. LEGAL ENTITY

Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân được thành lập theo đăng ký kinh doanh số: 3703042513 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2022 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13/12/2023.

Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited was established under business registration number: 3703042513 issued by the Department of Planning and Investment of Binh Duong Province, first registered on March 9, 2022, and amended for the second time on December 13, 2023.

- Địa chỉ trụ sở chính: 3A/47A đường N1, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Main Headquarter's Address: 3A/47A N1 Street, Binh Phuoc B Quarter, Binh Chuan Ward, Thuan An City, Binh Duong Province.

- Đại diện pháp luật: Ông Trần Văn Định Chức vụ: Giám đốc
Legal representative: Mr. Tran Van Dinh Position: Director

- Điện thoại/ Telephone: 0936.239.568 – 0354.646.888

- Email: quangtuanxaylap@gmail.com

- Mã số thuế/ Tax code: 3703042513

- Tài khoản số: 114613076868 mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Bình Dương, Phòng giao dịch An Phú.

Account number: 114613076868 opened at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank) – Binh Duong Branch, An Phu Transaction Office.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3703042513

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 03 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 13 tháng 12 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẤP XÂY
DỰNG CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0936.239568; 0354.646888

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: **TRẦN VĂN ĐỊNH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *02/09/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031074002510*

Ngày cấp: *05/11/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về
Trật Tự Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 3, Xã Thuy Triều, Huyện Thuy Nguyên, Thành phố Hải
Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Số: HCM-00078593

(Ban hành kèm theo Quyết định số 363/QĐ-SXD-QLNGĐXD ngày 08/3/2024)

**Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẤP XÂY DỰNG CƠ KHÍ
CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3703042513

Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 09/3/2022;

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương;

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Trần Văn Định

Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0936239568 - 0354646888

Số fax:

Email:

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp dầu khí: Hạng III;
2. Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp dầu khí: Hạng III.

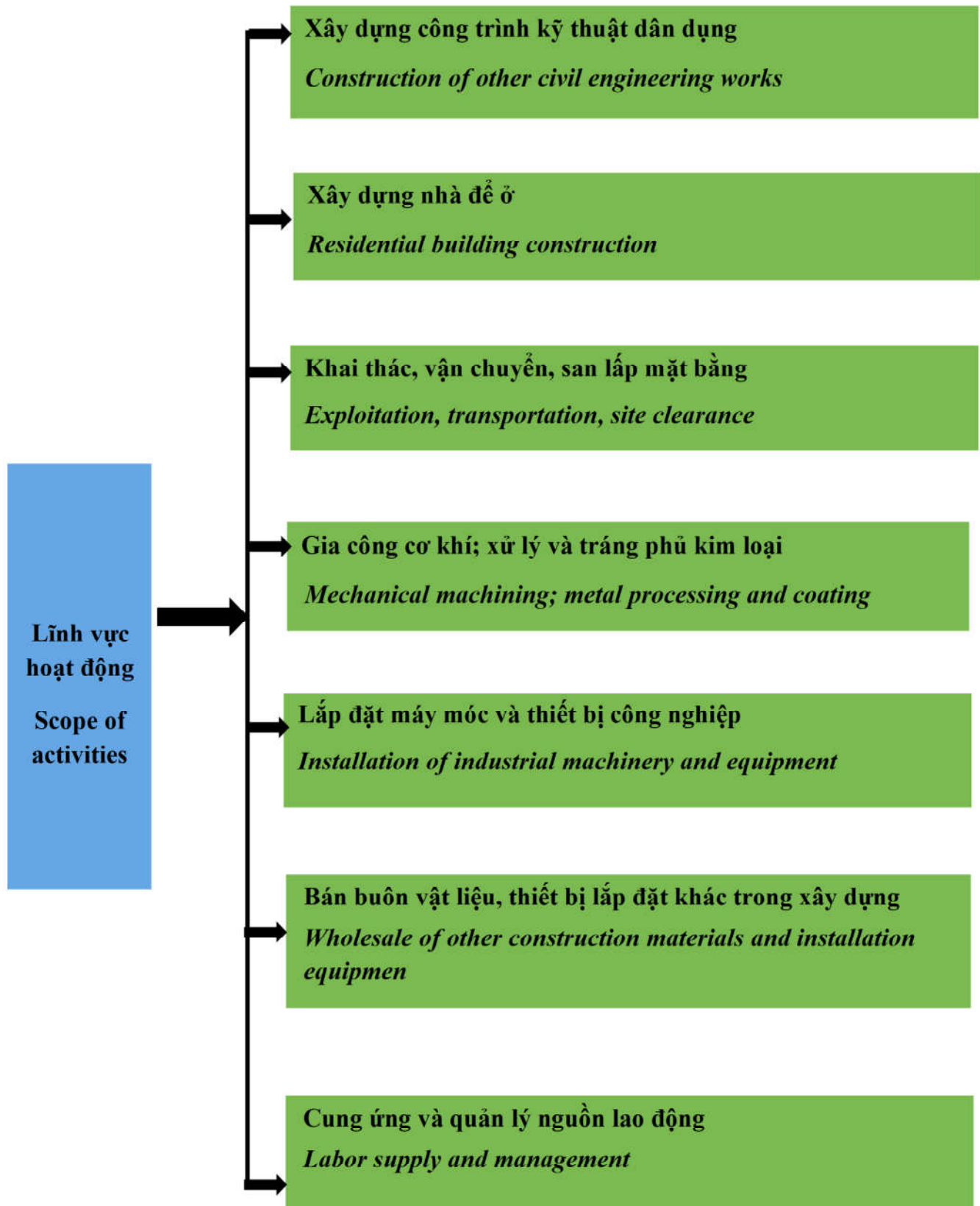
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 08/3/2034./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

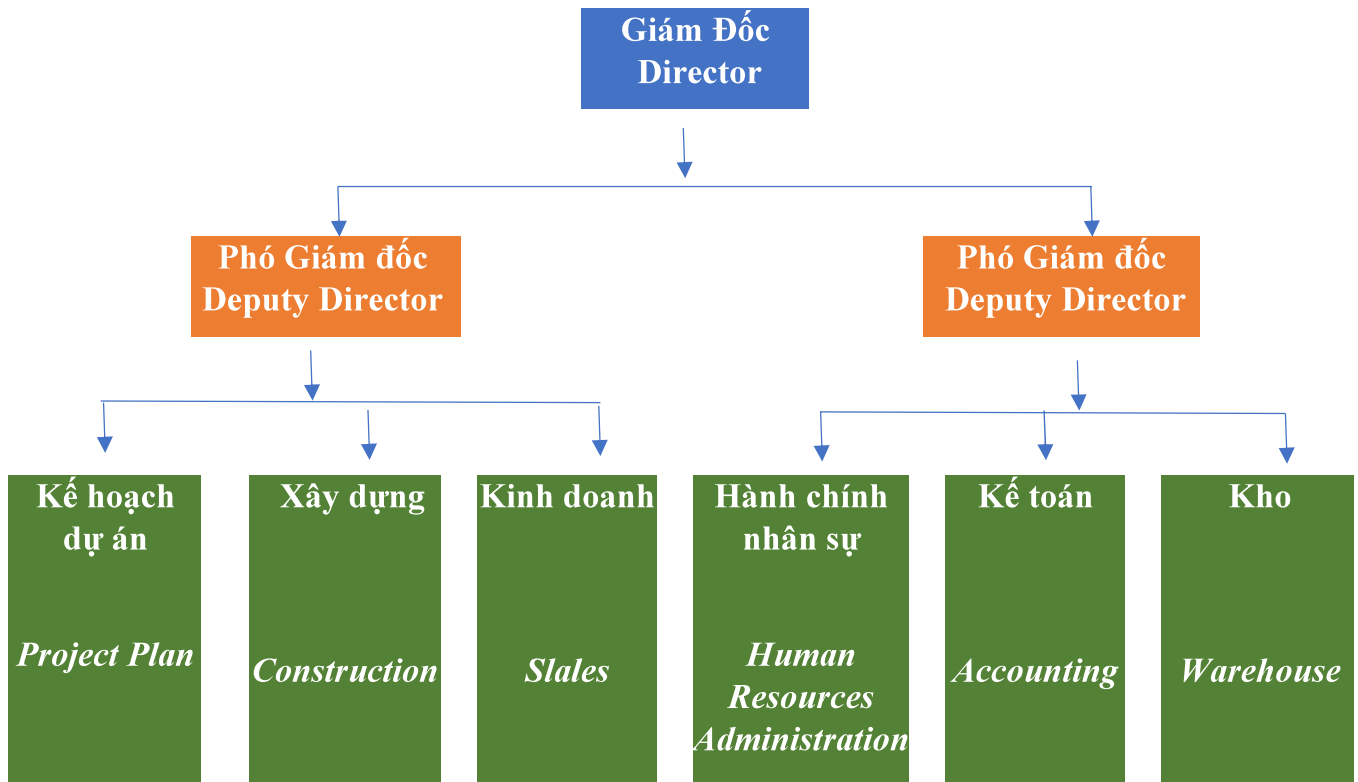

Nguyễn Thanh Xuyên

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (*SCOPE OF ACTIVITIES*)



IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC (*ORGANIZATION CHART*)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



STT No	Tên Phòng Department Name	Số lượng người Quantity	Trình độ Level
1	Kế hoạch dự án <i>Project plan</i>	05	Kỹ sư (Engineers)
2	Xây dựng <i>Construction</i>	48	05 Kỹ sư (Engineers) 05 Đội trưởng (Captain) 38 lao động phổ thông (Unskilled worker)
3	Kinh doanh <i>Sales</i>	03	Cử nhân (Bachelor)
4	Hành chính nhân sự <i>Human Resources Administration</i>	02	Cử nhân (Bachelor)
5	Kế toán <i>Accounting</i>	04	Cử nhân (Bachelor)
6	Kho <i>Warehouse</i>	03	Cao đẳng (college)

Cơ cấu tổ chức của Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân là một hệ thống rõ ràng và khoa học, giúp công ty duy trì hiệu quả trong quản lý và

triển khai các dự án. Sơ đồ tổ chức của công ty bao gồm 02 Phó Giám đốc cùng với 06 Phòng chủ chốt, mỗi phòng được giao nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, giúp tối ưu hóa các quy trình công việc và mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

The organizational structure of Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited is clear and systematic, enabling the company to maintain efficiency in management and project implementation. The company's organizational chart includes 2 Deputy Directors along with 6 key departments, each assigned specific professional tasks, optimizing workflows and ensuring the highest level of customer satisfaction.

Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm chung về tất cả các hoạt động của công ty. Giám đốc sẽ đưa ra các chiến lược phát triển dài hạn, giám sát việc thực hiện các dự án lớn và đảm bảo công ty duy trì được sự phát triển ổn định và bền vững.

The Director is the executive responsible for overseeing and managing all activities of the company. The Director will develop long-term development strategies, supervise the implementation of major projects, and ensure that the company maintains stable and sustainable growth.

Phó Giám đốc phụ trách quản lý 03 Phòng gồm: Phòng Kế hoạch dự án, Phòng Xây dựng và Phòng Kinh doanh. Phó Giám Đốc sẽ là người đầu mối quan trọng để tối ưu hóa các quy trình, quản lý tiến độ và chất lượng của dự án, đồng thời phát triển và duy trì mối quan hệ khách hàng hiệu quả. Điều này sẽ giúp công ty nhanh chóng mở rộng thị phần, đáp ứng yêu cầu khách hàng và phát triển bền vững.

The Deputy Director is responsible for managing three departments: the Project Planning Department, the Construction Department, and the Sales Department. The Deputy Director will be a key point of contact to optimize processes, manage project progress and quality, as well as develop and maintain effective customer relationships. This will help the company quickly expand its market share, meet customer demands, and achieve sustainable development.

Phó Giám Đốc phụ trách quản lý 03 Phòng gồm: Phòng Kế toán, Phòng Hành chính nhân sự và Kho. Phó Giám Đốc sẽ đảm bảo công ty luôn duy trì tình trạng tài chính ổn định, đội ngũ nhân sự được phát triển và quản lý tốt, và kho bãi được vận hành hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động xây dựng và kinh doanh.

The Deputy Director is responsible for managing three departments: the Accounting Department, the Human Resources Department, and the Warehouse. The Deputy Director will ensure that the company maintains stable financial status, the workforce is well-developed and effectively managed, and the warehouse operations run efficiently to support construction and business activities.

Phòng Kế hoạch dự án: Phòng này phụ trách lên kế hoạch chi tiết cho từng dự án, bao gồm cả việc phân tích, khảo sát và lên lịch thi công cho từng giai đoạn. Phòng Kế hoạch dự án đảm bảo rằng tất cả các dự án đều được thực hiện đúng tiến độ và trong ngân sách.

Project Planning Department: This department is responsible for creating detailed plans for each project, including analysis, surveys, and scheduling for each phase of construction. The Project Planning Department ensures that all projects are carried out on time and within the allocated budget.

Phòng Xây dựng: Đây là bộ phận trực tiếp thi công các công trình xây dựng. Phòng xây dựng chịu trách nhiệm giám sát công trường, kiểm tra chất lượng thi công và đảm bảo an toàn lao động tại các dự án.

Construction Department: This department is directly responsible for executing construction projects. The Construction Department oversees the construction sites, inspects the quality of work, and ensures workplace safety on all projects.

Phòng Kinh doanh: Chịu trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, phát triển các mối quan hệ hợp tác mới, quảng bá dịch vụ của công ty và đóng góp vào việc tăng trưởng doanh thu.

Sales Department: The Sales Department is responsible for acquiring new customers, developing new partnership opportunities, promoting the company's services, and contributing to revenue growth.

Phòng Hành chính nhân sự: Hỗ trợ các công việc hành chính văn phòng và quản lý các vấn đề về nhân sự, từ tuyển dụng đến đào tạo, phát triển nhân viên.

Human Resources and Administration Department: The Human Resources and Administration Department supports office administrative tasks and manages personnel matters, from recruitment to training and employee development.

Phòng Kế toán: Quản lý kế toán, tài chính công ty, đảm bảo công ty tuân thủ quy định pháp lý về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.

Accounting Department: The Accounting Department manages the company's accounting and finances, ensuring compliance with legal regulations regarding taxes and other financial obligations.

Kho: Quản lý kho gồm các vật tư, trang thiết bị, máy móc và tài sản của công ty, đảm bảo cung cấp đầy đủ trang thiết bị, vật tư, máy móc thi công cho các dự án.

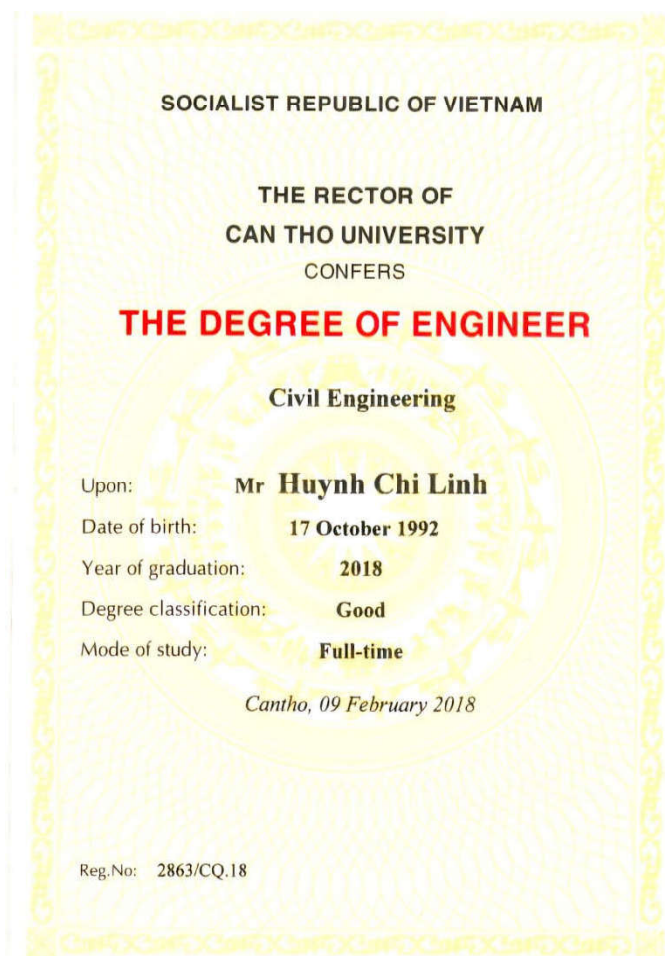
Warehouse: The Warehouse manages the inventory of materials, equipment, machinery, and company assets, ensuring that all necessary construction tools, materials, and machinery are available and supplied for the projects.

Dựa trên cơ cấu tổ chức đã xây dựng, Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân xác định rõ ràng các định hướng phát triển trong tương lai, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng thị trường. Công ty tiếp tục duy trì chiến lược phát triển bền vững, chú trọng vào việc nâng cao chất lượng công trình, tối ưu hóa quy trình làm việc và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Công ty Quang Tuân xác định con người là yếu tố quan trọng nhất trong sự phát triển bền vững. Công ty sẽ không ngừng đầu tư vào đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự, xây dựng một môi trường làm việc sáng tạo và chuyên nghiệp, nhằm mang lại sự phát triển nghề nghiệp và giữ chân nhân tài.

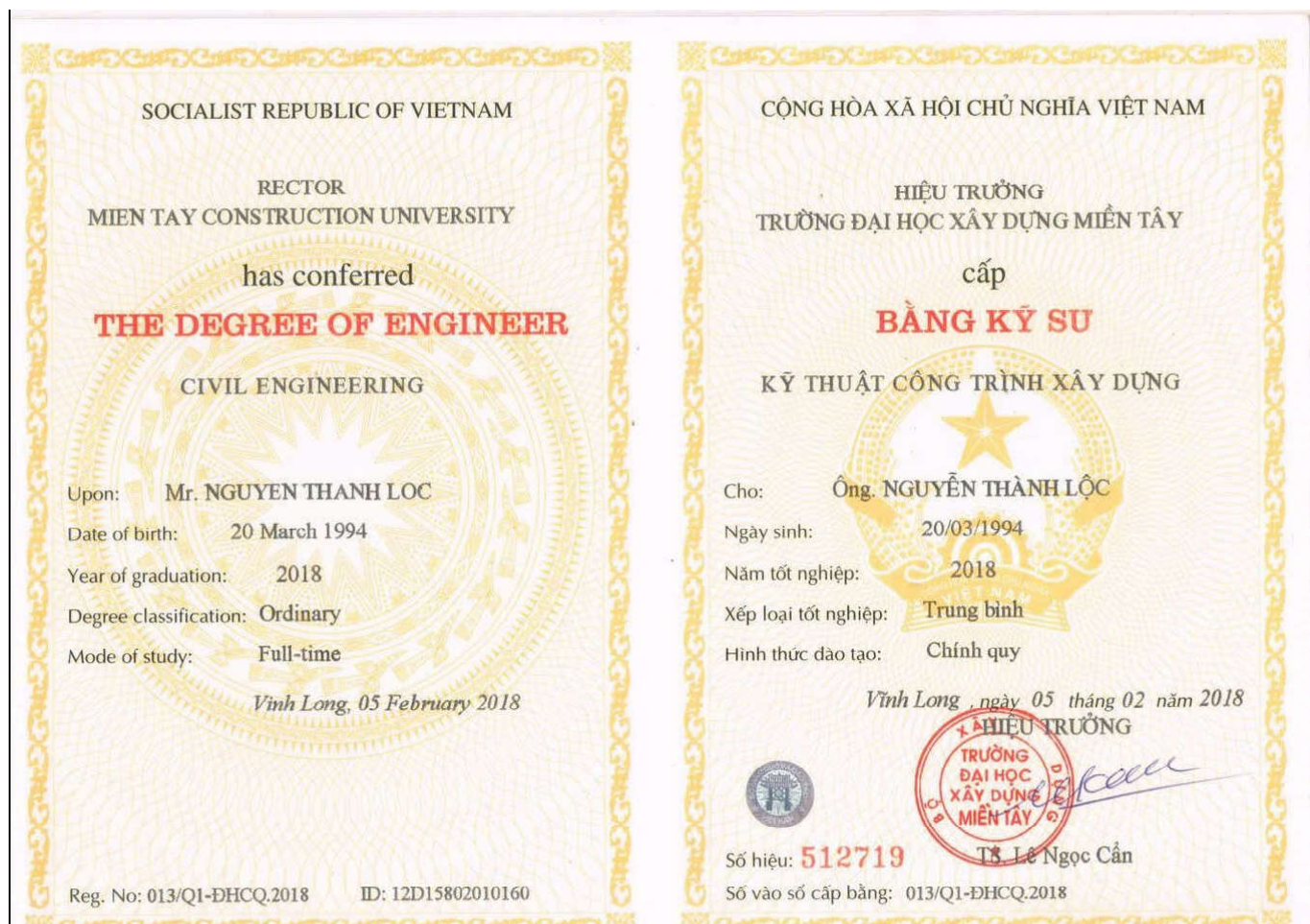
Based on the established organizational structure, Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited clearly defines its future development directions, aiming to continuously improve service quality and expand its market reach. The company will maintain its sustainable development strategy, focusing on improving the quality of projects, optimizing working processes, and efficiently utilizing resources. Quang Tuan Company recognizes that people are the most important factor in sustainable development. The company will continuously invest in training and developing its workforce, creating an innovative and professional working environment to foster career growth and retain talent.

V. HỒ SƠ NHÂN VIÊN

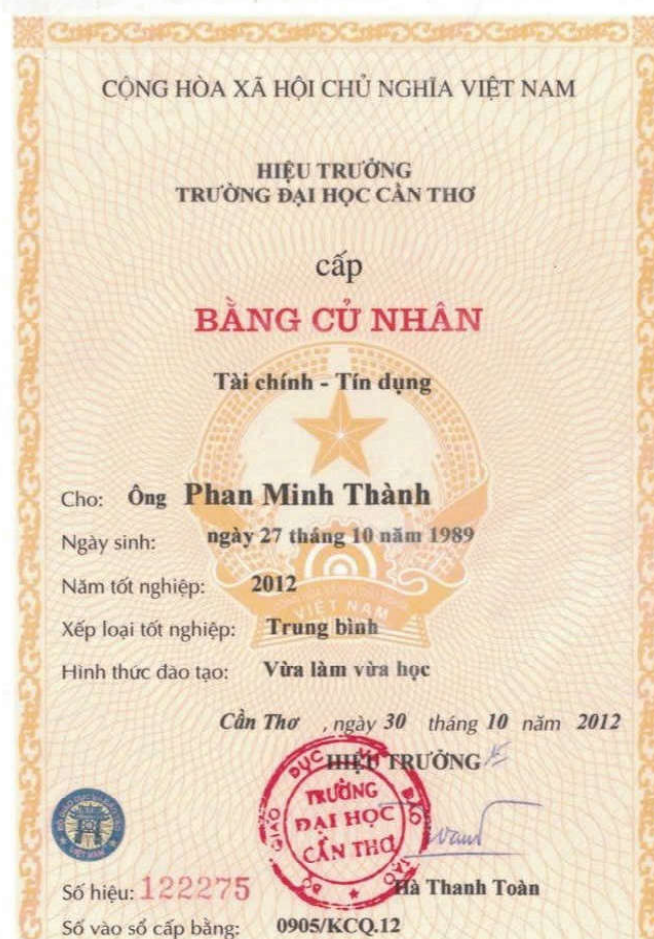
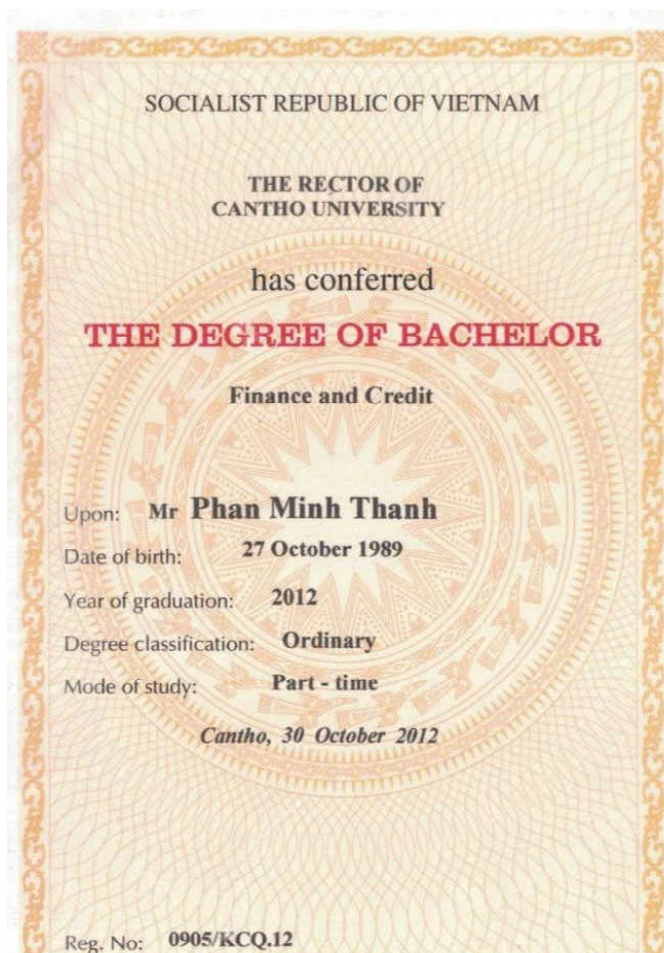
- a. Họ và tên: Huỳnh Chí Linh
Full name: Huynh Chi Linh
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kỹ thuật công trình xây dựng
Profession: Civil Engineering
- c. Ngày tháng năm sinh: 17/10/1992
Date of birth: 17/10/1992



- a. Họ và tên: Nguyễn Thành Lộc
Full name: Nguyen Thanh Loc
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kỹ thuật công trình xây dựng
Profession: Civil Engineering
- c. Ngày tháng năm sinh: 20/03/1994
Date of birth: 20/03/1994



- d. Họ và tên: Phan Minh Thành
Full name: Phan Minh Thanh
- e. Nghề nghiệp chuyên môn: Tài chính – Tín dụng
Profession: Finance and Credit
- f. Ngày tháng năm sinh: 27/10/1989
Date of birth: 27/10/1989



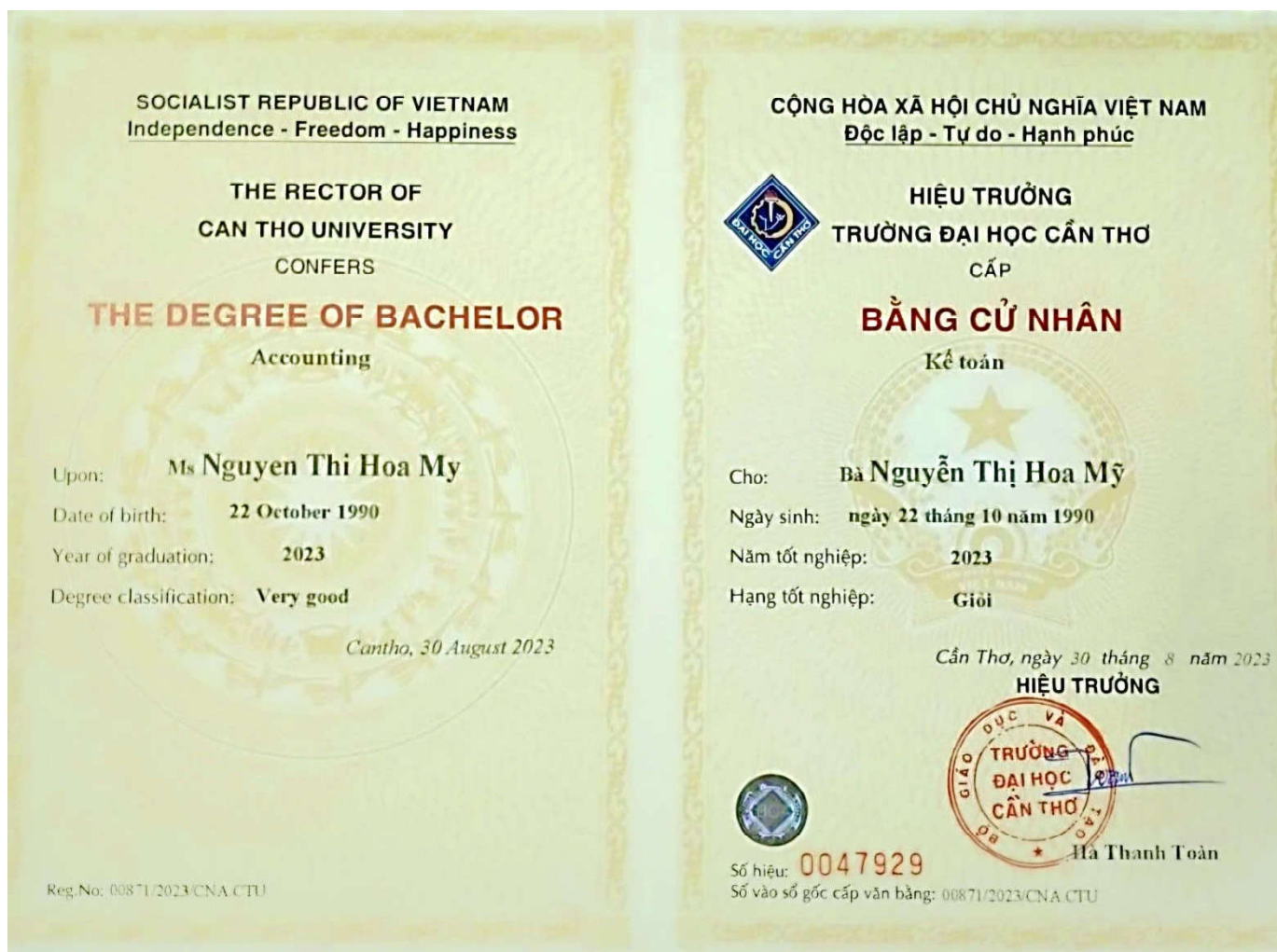
- a. Họ và tên: Huỳnh Hải An
Full name: Huynh Hai An
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kỹ thuật xây dựng
Profession: Civil Engineering
- c. Ngày tháng năm sinh: 19/12/2000
Date of birth: 19/12/2000



- a. Họ và tên: Phạm Minh Tân
 Full name: Pham Minh Tan
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kỹ thuật xây dựng
 Profession: Civil Engineering
- c. Ngày tháng năm sinh: 30/09/2001
 Date of birth: 30/09/2001



- a. Họ và tên: Nguyễn Thị Hoa Mỹ
Full name: Nguyen Thi Hoa My
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kế toán
Profession: Accounting
- c. Ngày tháng năm sinh: 22/10/1990
Date of birth: 22/10/1990



- d. Họ và tên: Trần Thị Cẩm
Full name: Tran Thi Cam
- e. Nghề nghiệp chuyên môn: Tài chính – Ngân hàng
Profession: Banking and Finance
- f. Ngày tháng năm sinh: 15/06/1993
Date of birth: 15/06/1993



- a. Họ và tên: Lê Thị Bé Trọng
Full name: Le Thi Be Trong
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kế toán
Profession: Accounting
- c. Ngày tháng năm sinh: 08/05/1995
Date of birth: 08/05/1995



- a. Họ và tên: Lưu Thị Minh Thu
Full name: Luu Thi Minh Thu
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Tài chính – Ngân hàng
Profession: Finance and Banking
- c. Ngày tháng năm sinh: 04/01/1998
Date of birth: 04/01/1998



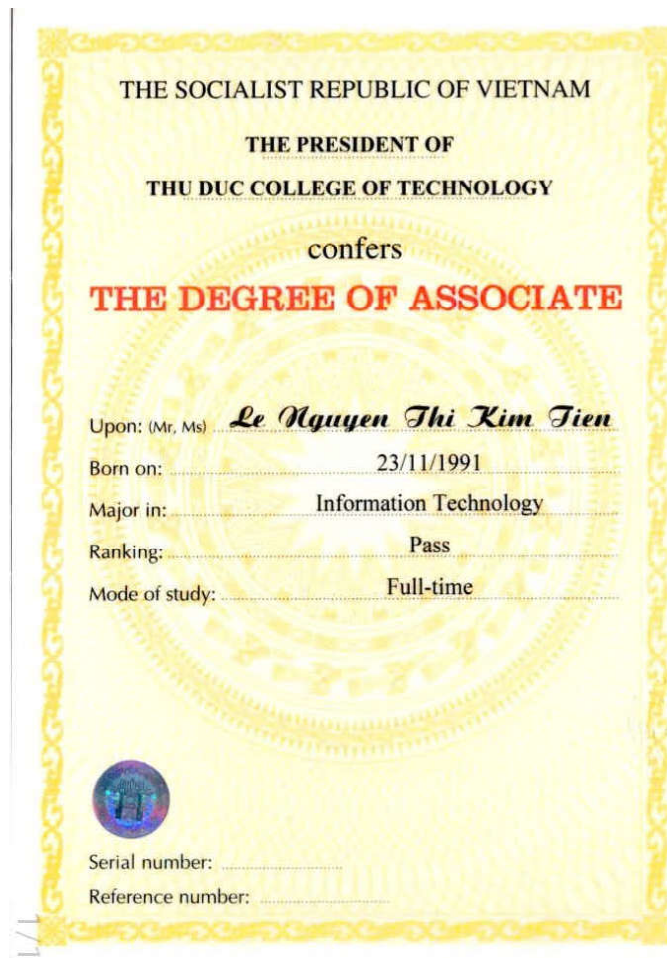
- a. Họ và tên: Huỳnh Hòa Nhất
Full name: Huynh Hoa Nhat
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kế toán
Profession: Accounting
- c. Ngày tháng năm sinh: 30/5/1986
Date of birth: 30/5/1986



- a. Họ và tên: Lê Thị Thùy Dương
Full name: Le Thi Thuy Duong
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Kinh tế
Profession: Economics
- c. Ngày tháng năm sinh: 25/08/2001
Date of birth: 25/08/2001



- a. Họ và tên: Lê Nguyễn Thị Kim Tiền
Full name: Le Nguyen Thi Kim Tien
- b. Nghề nghiệp chuyên môn: Công nghệ thông tin
Profession: Information Technology
- c. Ngày tháng năm sinh: 23/11/1991
Date of birth: 23/11/1991



VI. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

VI. FINANCIAL ABILITY

Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng)

Charter capital : 10.000.000.000 VNĐ (By word: ten billion dong)

VII. MÁY MÓC – THIẾT BỊ

VII. MACHINE – EQUIPMENT

DANH MỤC MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG **CATALOG OF EXECUTING MACHINE AND EQUIPMENT**

STT No	Tên Name	Số lượng Quantity	Sở hữu/Thuê Owned/Tenant	Xuất xứ Origin Country
1	Ô tô Car	02	Sở hữu Owned	Nhật Bản, Hàn Quốc Japan, Korea
2	Xe tải (1-3 tấn) Truck (1-3 tons)	02	Sở hữu Owned	Việt Nam Vietnam
3	Cầu tự hành (10 tấn) Auto crane (10 tons)	01	Sở hữu Owned	Hàn Quốc Korea
4	Máy kéo Tractor	01	Thuê Tenant	Mỹ USA
5	Cầu 50T Crane 50T	02	Thuê Tenant	Hàn Quốc Korea
6	Cầu 250T Crane 250T	01	Thuê Tenant	Hàn Quốc Korea
7	Cầu 500T Crane 500T	01	Thuê Tenant	Hàn Quốc Korea
8	Máy hàn điện, TIG Electric solderer, tig	50	Sở hữu Owned	Trung Quốc, Hàn Quốc China, Korea
9	Máy mài Φ180 Φ180 Grinder	20	Sở hữu Owned	Nhật Bản Japan
10	Máy mài Φ150 Φ150 Grinder	40	Sở hữu Owned	Nhật Bản Japan
11	Máy mài Φ100 Φ100 Grinder	72	Sở hữu Owned	Nhật Bản Japan
12	Máy khoan bê tông Concrete borer	10	Sở hữu Owned	Nhật Bản Japan
13	Máy toàn đạc, máy thủy bình	02	Sở hữu	Nhật Bản

	<i>Theodolite, leveler</i>		<i>Owned</i>	<i>Japan</i>
14	Máy cắt <i>Cutter</i>	02	Sở hữu <i>Owned</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>
15	Cáp điện 2-3 pha <i>2-3 phase electric cable</i>	200m	Sở hữu <i>Owned</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>
16	Máy nén khí <i>Air- compressor</i>	01	Sở hữu <i>Owned</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>
17	Máy siết bu lông <i>Bolt tightener</i>	02	Sở hữu <i>Owned</i>	Nhật Bản <i>Japan</i>
18	Container (40 feet)	01	Sở hữu <i>Owned</i>	-

PHẦN II. NHỮNG CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

PART II. SYMBOLIZE PROJECT

I. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH TỪ NĂM 2012 - 2019

II. LIST OF COMPLETED PROJECTS FROM 2012 – 2019

STT No	Tên công trình xây dựng <i>Name of bullding construction</i>	Hạng mục thi công <i>Construction items</i>	Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Vốn đầu tư VNĐ <i>Invested Capical</i>	Thời gian <i>Time</i>
1	Nhiệt điện Vĩnh Tân I – Bình Thuận <i>Vinh Tan I Thermal Power Plant - Binh Thuan</i>	Gia công, lắp đặt hệ thống lọc bụi cho hai tổ máy 600MW <i>Outsource, install two - 600MW-plant unit dust filter system</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	11.800.000.000	16/07/2022
2	Nhiệt điện Vĩnh Tân I – Bình Thuận <i>Vinh Tan I Thermal Power Plant - Binh Thuan</i>	Gia công hệ thống kiểm soát khói tại tổ máy số 1 <i>Outsource smoke control system in Plant unit no. 1</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	4.800.000.000	10/09/2012
3	Nhiệt điện Duyên Hải I - Trà Vinh <i>Duyen Hai I Thermal Power Plant - Tra Vinh</i>	Thi công và lắp đặt hệ thống đường ống khí và hệ thống cấp than hoạt tính cho lò hơi số 1 <i>Combine and install air piping and powered charcoal providing system for Steamer 1</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	7.308.000.000	01/08/2013
4	Nhiệt điện Duyên Hải I - Trà Vinh <i>Duyen Hai I Thermal Power Plant - Tra Vinh</i>	Thi công và lắp đặt hệ thống đường ống khí và hệ thống cấp than hoạt tính cho lò hơi số 1 <i>Combine and install air piping and powered charcoal providing</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	7.644.000.000	18/10/2013

		<i>system for Steamer 1</i>			
5	Nhiệt điện Duyên Hải I - Trà Vinh <i>Duyen Hai I Thermal Power Plant - Tra Vinh</i>	Thi công và lắp đặt hệ thống khử nitrate cho lò hơi số 1 <i>Combine and install Anti-nitrate system in Steam 1</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN- Vietnam Electricity</i>	3.037.000.000	20/03/2014
6	Nhiệt điện Duyên Hải I - Trà Vinh <i>Duyen Hai I Thermal Power Plant - Tra Vinh</i>	Thi công, lắp đặt và tháo dỡ tôn sóng cho hệ thống đóng cửa tại Nhiệt điện Duyên Hải I <i>Combine, install and wrest down corrugated iron to Duyen Hai I Closure</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN- Vietnam Electricity</i>	6.398.000.000	10/09/2014
7	Nhiệt điện Duyên Hải III - Trà Vinh <i>Duyen Hai III Thermal Power Plant - Tra Vinh</i>	Thi công và lắp đặt hệ thống đường ống khí và hệ thống cấp than cho lò hơi 2 <i>Combine and install air piping and powered charcoal providing system for Steamer 2</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN- Vietnam Electricity</i>	7.360.000.000	10/06/2015
8	Nhiệt điện Duyên Hải III - Trà Vinh <i>Duyen Hai III Thermal Power Plant - Tra Vinh</i>	Thi công và lắp đặt hệ thống khử nitrate cho lò hơi số 2 <i>Combine and install Anti-nitrate system in Steam 2</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN- Vietnam Electricity</i>	16.250.000.000	10/04/2015
9	Nhiệt điện Thái Bình I – Thái Bình <i>Thai Binh I Thermal Power Plant – Thai Binh</i>	Lắp đặt hệ thống kho chứa than <i>Installation of coal storage houses</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN- Vietnam Electricity</i>	4.700đ/Kg	25/01/2016
10	Nhiệt điện Thái Bình I – Thái Bình <i>Thai Binh I</i>	Lắp đặt hệ thống đường ống nhà STG <i>Installation of piping</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	20.481.000.000	30/10/2016

	<i>Thermal Power Plant – Thai Binh</i>	<i>STG houses</i>	<i>EVN-Vietnam Electricity</i>		
11	Nhiệt điện Thái Bình II – Thái Bình <i>Thai Binh II Thermal Power Plant – Thai Binh</i>	Lắp đặt hệ thống đường ống nhà STG <i>Installation of piping STG houses</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	17.280.000.000	30/10/2016
12	Nhiệt điện Vĩnh Tân IV – Bình Thuận <i>Vinh Tan IV Thermal Power Plant – Binh Thuan</i>	Thi công căn chỉnh cực âm dương một kỳ lọc bụi <i>Calibrate positive cathode a dust filter period</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	3.640.000.000	25/03/2017
13	Nhiệt điện Duyên Hải III mở rộng – Trà Vinh <i>Duyen Hai III Thermal Power Plant Expansion – Tra Vinh</i>	Gia công, lắp đặt hệ thống lọc bụi cho hai tổ máy 600MW <i>Outsource, install two-600MW-plant unit dust filter system</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	40.420.000.000	01/05/2017
14	Nhiệt điện Long Phú I – Sóc Trăng <i>Long Phu I Thermal Power Company - Soc Trang</i>	Gia công, lắp đặt hệ thống kết cấu thép sàn, lan can, cầu thang và hệ thống gió <i>Install Steel structure of floors, railings, staircases and wind system</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	20.482.000.000	16/09/2018
15	Nhiệt điện Sông Hậu I – Hậu Giang <i>Song Hau I Thermal Power Plant – Hau Giang</i>	Lắp đặt hệ thống đường ống BOP <i>Installation of BOP pipe system</i>	EVN - Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>EVN-Vietnam Electricity</i>	11.767.800.000	02/08/2018

II. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TỪ NĂM 2024

II. LIST OF PROJECTS FROM 2024

STT No	Tên công trình xây dựng Name of bullding construction	Hạng mục thi công Construction items	Chủ đầu tư Investor	Vốn đầu tư VNĐ Invested Capical	Thời gian Time
1	Nhà máy Thép Hòa Phát Dung Quất <i>Hoa Phat Dung Quat Steel Plant</i> Hợp đồng số: SCESS-COV-JY- 2024-0191 Contract No: SCESS-COV-JY- 2024-0191	Gói thầu A: Công trình Lắp đặt lò hơi dự án phát điện từ nhiệt dư 4x60MW <i>Package A: Boiler Installation Project for Power Generation from 4x60MW Residual Heat</i>	Chi nhánh PowerChina Sichuan Engineering Corporation Limited Tại Việt Nam <i>The branch of Power China Sichuan Engineering Corporation Limited in Vietnam</i>	26.809.680.000	04/03/2024
2	Nhà máy Thép Hòa Phát Dung Quất <i>Hoa Phat Dung Quat Steel Plant</i> Hợp đồng số: SCESS-COV-JY- 2024-1180 Contract No: SCESS-COV-JY- 2024-1180	Gói thầu B: Công trình Lắp đặt lò hơi dự án phát điện từ nhiệt dư 4x60MW <i>Package B: Boiler Installation Project for Power Generation from 4x60MW Residual Heat</i>	Chi nhánh PowerChina Sichuan Engineering Corporation Limited Tại Việt Nam <i>The branch of Power China Sichuan Engineering Corporation Limited in Vietnam</i>	12.606.560.000	05/12/2024

III. HÌNH ẢNH THI CÔNG VÀ HỢP ĐỒNG

III. CONSTRUCTION IMAGES AND CONTRACT

❖ Nhiệt điện Vĩnh Tân I - Bình Thuận

Vinh Tan I Thermal Power Company - Binh Thuan



❖ **Nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh**

Duyen Hai I Thermal Power Plant – Tra Vinh



Lắp đặt hệ thống ống gió từ SCR ra lọc bụi tĩnh điện lò hơi 1# nhà máy nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh



Vận chuyển và lắp đặt hệ thống đường gió nối giữa lọc bụi tĩnh điện với ống khói lò hơi 1# nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立-自由-幸福

Trà Vinh, 10/07/2013

茶荣省, 2013/07/10

15#-2013 Hợp đồng giao thầu Duyên Hải, Việt Nam

越南沿海分包合同 2013 年 15#

Duyen Hai I 2 × 622MW Power Plant Project

Construction Contract of

Human Resource Subcontracting for the Air Duct and PC Pipe of 1# Boiler

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THI CÔNG

Đường gió, cấp bột than của Lò hơi 1#

thuộc Dự án Nhiệt Điện 2 x 622MW Duyên Hải Việt Nam

越南沿海一期 2×622MW 火电工程

#1 锅炉烟道劳务分包施工合同

Party A: Cong ty Sichuan No.3 Electric Power Construction Company
(hereafter referred to as Party A)

Bên A: CÔNG TY SICHUAN NO.3 ELECTRIC POWER CONSTRUCTION COMPANY(Dưới đây gọi là Bên A)

甲方: 四川电力建设三公司越南沿海项目部 (以下简称甲方)

Representative : Mr. Jiang Zhiqi Position : Vice General Manager
Người đại diện : Ông **JIANG ZHI QI** Chức vụ : **Phó tổng giám đốc**
代表人 : 蒋治其 先生 职位 : 副总经理

Address: Mu U Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai District, Tra Vinh
Province, Vietnam

Địa chỉ : Ấp Mù U, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

地址 : 茶荣省,沿海县,民成社,慕瑜邑

Tel : 074.3923162

Fax : 074.3923162

Điện thoại : 074.3923162

Số Fax : 074.3923162

电话 : 074.3923162

传真 : 074.3923162

Tax No. : 2100493183

Mã số thuế : 2100493183

税号 : 2100493183

Party B: (Hereafter referred to as Party B)

Bên B: (dưới đây gọi là Bên B)

乙方: 光询股份有限公司 (以下简称乙方)

Address:

Địa chỉ : SO 89, TRAN HUNG DAO,SAO DO ,CHI LINH,HAI

DUONG

地址 : 海阳省, 致灵, 红星, 陈兴道路, 89 号.

Representative : chenwending Position : Managing Director

Đại diện : **TRANVANDINH** Trung Chức vụ : Giám đốc

代表人 : 陈文定先生 职务 : 经理

Tel : 01654646888

Điện thoại : 01654646888

电话 : 01654646888

Tax Code : 0801036696

Mã số thuế : 0801036696

税号 : 0801036696

账户 : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH

Tài khoản : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH

This contract is signed on:july 10th, 2013

Hợp đồng này được ký kết vào ngày 10 tháng 07 năm 2013

合同订立时间: 2013 年 07 月 10 日

This contract is signed at : Construction site of Duyen Hai 1 2x622MW Thermal
Power Plant Project, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa điểm ký hợp đồng: Hiện trường thi công Nhà máy nhiệt điện 2x622MW Duyên
Hải I, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Representative of Party A
Đại diện Bên A
甲方代表



JIANG ZHI QI

Date:
Ngày 10 tháng 07 năm 2013
日期: 2013 年 07 月 10 日

Representative of Party B
Đại diện Bên B
乙方代表



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

Date:
Ngày 10 tháng 07 năm 2013
日期: 2013 年 07 月 10 日

❖ **Nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh**

Duyen Hai I Thermal Power Plant – Tra Vinh



*Gia công, hoàn thiện và chuẩn bị biện pháp cầu lắp đường gió nóng cấp 1 lò hơi 2# nhà máy
Nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立-自由-幸福

Trà Vinh, 13/10/2013

茶荣省, 2013/ 10/ 13

28#-2013 Hợp đồng giao thầu Duyên Hải, Việt Nam

越南沿海分包合同 2013 年 28#

Duyên Hải I 2 × 622MW Power Plant Project

Construction Contract of

Human Resource Subcontracting for the Air Duct and PC Pipe of 2# Boiler

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THI CÔNG

Đường ống gió, ống cấp bột than của Lò hơi 2#

thuộc Dự án Nhiệt Điện 2 x 622MW Duyên Hải Việt Nam

越南沿海一期 2×622MW 火电工程

#2 锅炉风道、煤粉管道劳务分包施工合同

Party A: Công ty Sichuan No.3 Electric Power Construction Company
(hereafter referred to as Party A)

Bên A: CÔNG TY SICHUAN NO.3 ELECTRIC POWER CONSTRUCTION
COMPANY(Dưới đây gọi là Bên A)

甲方: 四川电力建设三公司越南沿海项目部 (以下简称甲方)

Representative : Mr. Jiang Zhiqi Position : Vice General Manager

Người đại diện : Ông JIANG ZHI QI Chức vụ : Phó tổng giám đốc

代表人 : 蒋治其 先生 职位 : 副总经理

Address: Mu U Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai District, Tra Vinh

Province, Vietnam

Địa chỉ : Ấp Mù U, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

地址 : 茶荣省,沿海县,民成社,蒋瑜邑

Tel : 074.3923162

Fax : 074.3923162

Điện thoại : 074.3923162

Số Fax : 074.3923162

电话 : 074.3923162

传真 : 074.3923162

Tax No. : 2100493183

Mã số thuế : 2100493183

税号 : 2100493183

Party B: (Hereafter referred to as Party B)

Bên B: (dưới đây gọi là Bên B)

乙方: 光询股份有限公司 (以下简称乙方)

Address:

Địa chỉ : SO 89, TRAN HUNG DAO,SAO DO ,CHI LINH ,HAI

DUONG.

地址 : 海阳省,致灵,红星,陈兴道路,89号.

Representative : chenwending Position : Managing Director

Đại diện : TRANVANDINH Chức vụ : Giám đốc

代表人 : 陈文定先生 职务 : 经理

Tel : 01654646888

Điện thoại : 01654646888

电话 : 01654646888

Tax Code : 0801036696

Mã số thuế : 0801036696

税号 : 0801036696

Account : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH.

Tài khoản : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH.

账户 : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH.

This contract is signed on:October 13th, 2013

Hợp đồng này được ký kết vào ngày 13 tháng 10 năm 2013

合同订立时间: 2013 年 10 月 13 日

This contract is signed at : Construction site of Duyen Hai 1 2x622MW Thermal
Power Plant Project, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa điểm ký hợp đồng: Hiện trường thi công Nhà máy nhiệt điện 2x622MW Duyên

第十九条 其他

19.1 The contract price and any amount in this contract shall be paid in the currency of RMB.

19.1 Toàn bộ tiền tệ liên quan của hợp đồng là Nhân dân tệ (RMB).

19.1 本合同所涉及所有金额为人民币。

19.2 This contract is in quadruplicate with both parties holding two copies respectively.

19.2 Hợp đồng này lập 1 mẫu 4 bộ, Bên A 2 bộ, Bên B 2 bộ.

19.2 本合同一式四份, 甲方二份, 乙方二份。

19.3 For any issues not mentioned herein, party A and party B shall negotiate additional agreement(s) with the same effect and being as valid as this contract.

19.3 Những nội dung chưa đề cập hết, Hai bên sẽ bàn bạc bổ sung các điều khoản riêng, và sẽ có hiệu lực như trong hợp đồng này.

19.3 其他未尽事宜, 双方另行协商补充条款, 与本合同具同等效力。

Representative of Party A

Đại diện Bên A

甲方代表



HANG ZHI QI

Date:

Ngày 13 tháng 10 năm 2013

日期: 2013 年 10 月 13 日

Representative of Party B

Đại diện Bên B

乙方代表



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

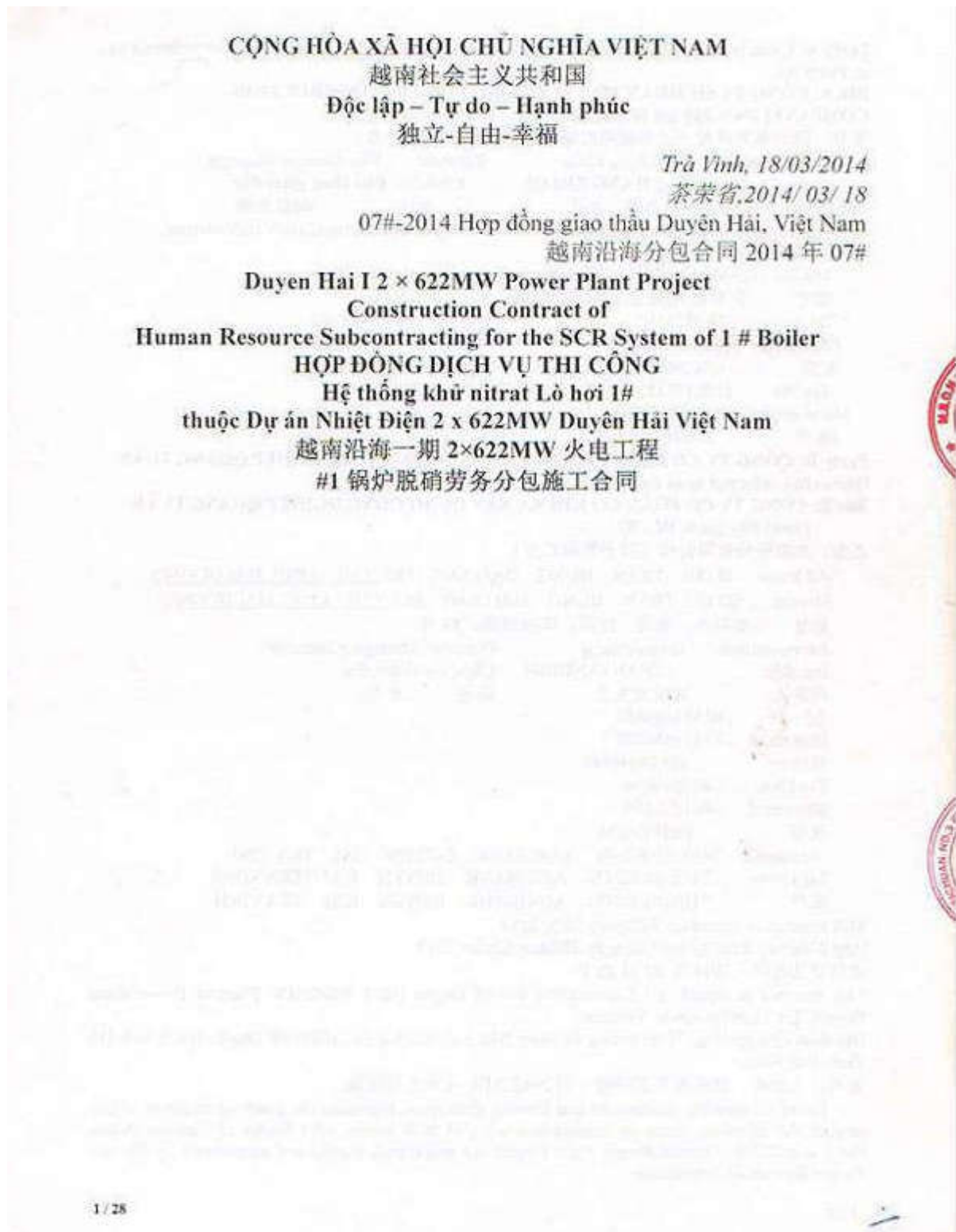
Date:

Ngày 13 tháng 10 năm 2013

日期: 2013 年 10 月 13 日

❖ **Nhiệt điện Duyên Hải I – Trà Vinh**

Duyen Hai I Thermal Power Plant – Tra Vinh



Party A: Công ty Sichuan No.3 Electric Power Construction Company (hereafter referred to as Party A)

Bên A: CÔNG TY SICHUAN NO.3 ELECTRIC POWER CONSTRUCTION COMPANY(Dưới đây gọi là Bên A)

甲方: 四川电力建设三公司越南沿海项目部 (以下简称甲方)

Representative : Mr. Jiang Zhiqi Position : Vice General Manager

Người đại diện : Ông JIANG ZHI QI Chức vụ: Phó tổng giám đốc

代表人 : 蒋治其 先生 职位 : 副总经理

Address: Mu U Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai District, Tra Vinh Province,

Vietnam

Địa chỉ : Ấp Mù U, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

地址 : 茶荣省,沿海县,民成社,幕瑜邑

Tel : 074.3923162

Fax : 074.3923162

Điện thoại : 074.3923162

Số Fax : 074.3923162

电话 : 074.3923162

传真 : 074.3923162

Tax No. : 2100493183

Mã số thuế : 2100493183

税号 : 2100493183

Party B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (Hereafter referred to as Party B)

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (dưới đây gọi là Bên B)

乙方: 光询股份有限公司 (以下简称乙方)

Address: SO 89, TRAN HUNG DAO, SAO DO, CHI LINH, HAI DUONG.

Địa chỉ : SO 89, TRAN HUNG DAO, SAO DO, CHI LINH, HAI DUONG.

地址 : 海阳省, 致灵, 红星, 陈兴道路, 89号.

Representative : chenwending Position : Managing Director

Đại diện : TRANVANDINH Chức vụ: Giám đốc

代表人 : 陈文定先生 职务 : 经理

Tel : 01654646888

Điện thoại : 01654646888

电话 : 01654646888

Tax Code : 0801036696

Mã số thuế : 0801036696

税号 : 0801036696

Account : 7410201002476 AGRIBANK DUYEN HAI TRA VINH

Tài khoản : 7410201002476 AGRIBANK DUYEN HAI TRA VINH

账户 : 7410201002476 AGRIBANK DUYEN HAI TRA VINH

This contract is signed on: February 28th, 2014

Hợp đồng này được ký kết vào ngày 28 tháng 02 năm 2013

合同订立时间: 2014 年 02 月 28 日

This contract is signed at : Construction site of Duyen Hai 1 2x622MW Thermal Power Plant Project, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa điểm ký hợp đồng: Hiện trường thi công Nhà máy nhiệt điện 2x622MW Duyên Hải 1, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

合同订立地点: 越南茶荣省沿海一期 2x622MW 火电工程现场

Based on equality, voluntaries and honesty principles, regarding the practical situation of this project, the following items on construction work of SCR system of 1# Boiler of Vietnam Duyen Hai 1 2x622MW Thermal Power Plant Project are negotiated, agreed and established by the two Parties for mutual compliance.

19.3 其他未尽事宜，双方另行协商补充条款，与本合同具同等效力。

甲方代表

JIANG ZHI QI

Date: _____

Ngày 18 tháng 03 năm 2014

日期: 2014 年 03 月 18 日

Representative of Party B

Đang cập nhật

FRANVANDINH

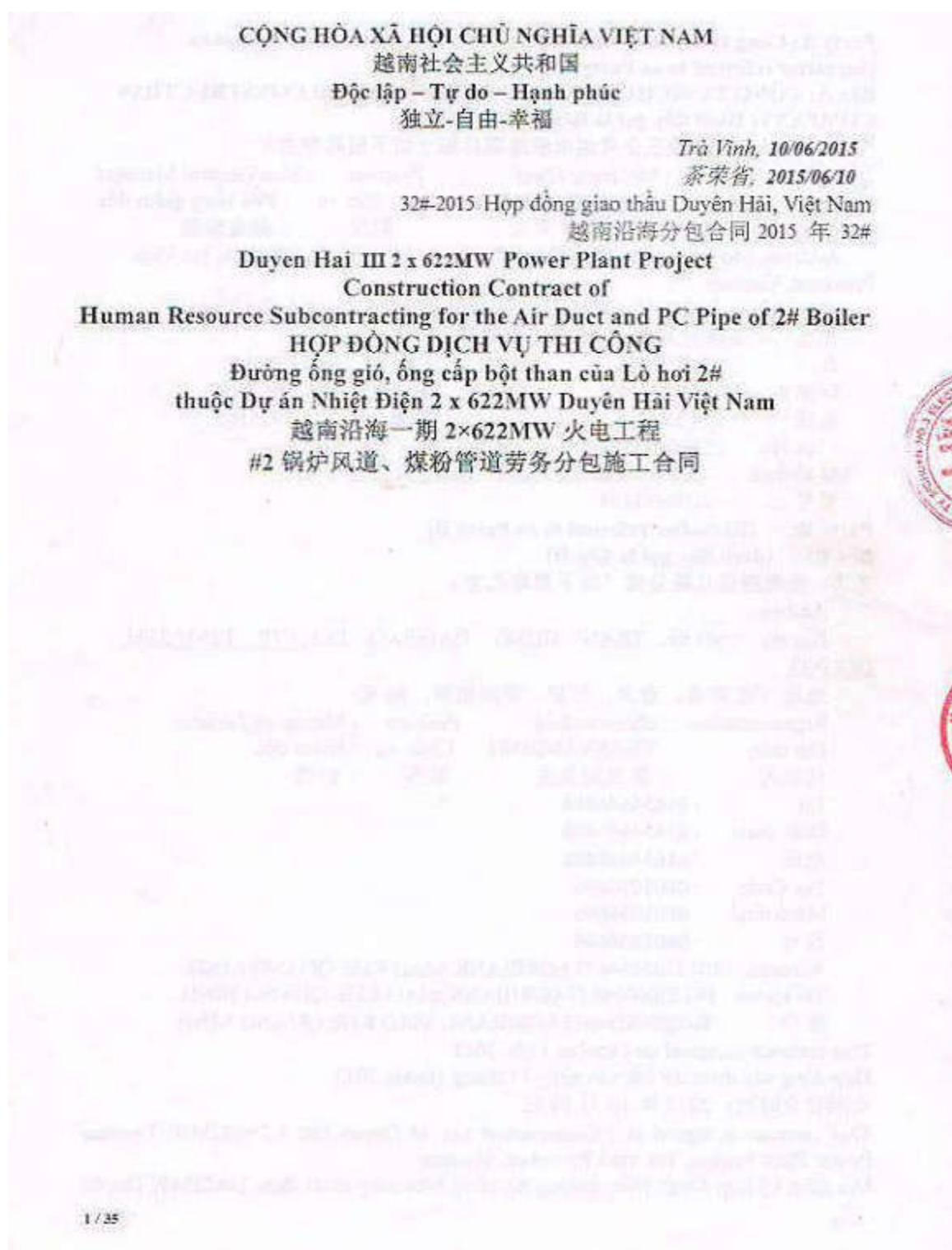
Date: _____

Ngày 18 tháng 03 năm 2013

日期: 2014 年 03 月 18 日

❖ **Nhiệt điện Duyên Hải III - Trà Vinh**

Duyen Hai III Thermal Power Plant - Tra Vinh



Party A: Cong ty Sichuan No.3 Electric Power Construction Company
(hereafter referred to as Party A)

Bên A: CÔNG TY SICHUAN NO.3 ELECTRIC POWER CONSTRUCTION COMPANY(Dưới đây gọi là Bên A)

甲方：四川电力建设三公司越南沿海项目部（以下简称甲方）

Representative : Mr. Jiang Zhiqi Position : Vice General Manager

Người đại diện : Ông JIANG ZHI QI Chức vụ : Phó tổng giám đốc

代表人 : 蒋治其 先生 职位 : 副总经理

Address: Mu U Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai District, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa chỉ : Ấp Mù U, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

地址 : 茶荣省,沿海县,民成社,募瑜邑

Tel : 074.3923162

Fax : 074.3923162

Điện thoại : 074.3923162

Số Fax : 074.3923162

电话 : 074.3923162

传真 : 074.3923162

Tax No. : 2100493183

Mã số thuế : 2100493183

税号 : 2100493183

Party B: (Hereafter referred to as Party B)

Bên B: (dưới đây gọi là Bên B)

乙方：光询股份有限公司（以下简称乙方）

Address:

Địa chỉ : SO 89, TRAN HUNG DAO,SAO DO ,CHI LINH ,HAI

DUONG.

地址 : 海阳省,致灵,红星,陈兴道路, 89 号.

Representative : chenwendong

Position : Managing Director

Đại diện : TRANVANDINH

Chức vụ : Giám đốc

代表人 : 陈文定先生

职务 : 经理

Tel : 01654646888

Điện thoại : 01654646888

电话 : 01654646888

Tax Code : 0801036696

Mã số thuế : 0801036696

税号 : 0801036696

Account : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH.

Tài khoản : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH.

账户 : 8012205054673AGRIBANK:MAO KHE QUANG NINH.

This contract is signed on:

Hợp đồng này được ký kết vào ngày 10 tháng 06 năm 2015

合同订立时间: 2015 年 06 月 10 日

This contract is signed at : Construction site of Duyen HaiIII2x622MW Thermal Power Plant Project, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa điểm ký hợp đồng: Hiện trường thi công Nhà máy nhiệt điện 2x622MW Duyên

第十九条 其他

19.1 The contract price and any amount in this contract shall be paid in the currency of RMB.

19.1 Toàn bộ tiền tệ liên quan của hợp đồng là Nhân dân tệ (RMB).

19.1 本合同所涉及所有金额为人民币。

19.2 This contract is in quadruplicate with both parties holding two copies respectively.

19.2 Hợp đồng này lập 1 mẫu 4 bộ, Bên A 2 bộ, Bên B 2 bộ.

19.2 本合同一式四份, 甲方 二 份, 乙方 二 份。

19.3 For any issues not mentioned herein, party A and party B shall negotiate additional agreement(s) with the same effect and being as valid as this contract.

19.3 Những nội dung chưa đề cập hết, Hai bên sẽ bàn bạc bổ sung các điều khoản riêng, và sẽ có hiệu lực như trong hợp đồng này.

19.3 其他未尽事宜, 双方另行协商补充条款, 与本合同具同等效力。

Representative of Party A

Đại diện Bên A

甲方代表



JIANG ZHI QI

Date:

Ngày 10 tháng 06 năm 2015

日期: 2015 年 06 月 10 日

Representative of Party B

Đại diện Bên B

乙方代表



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

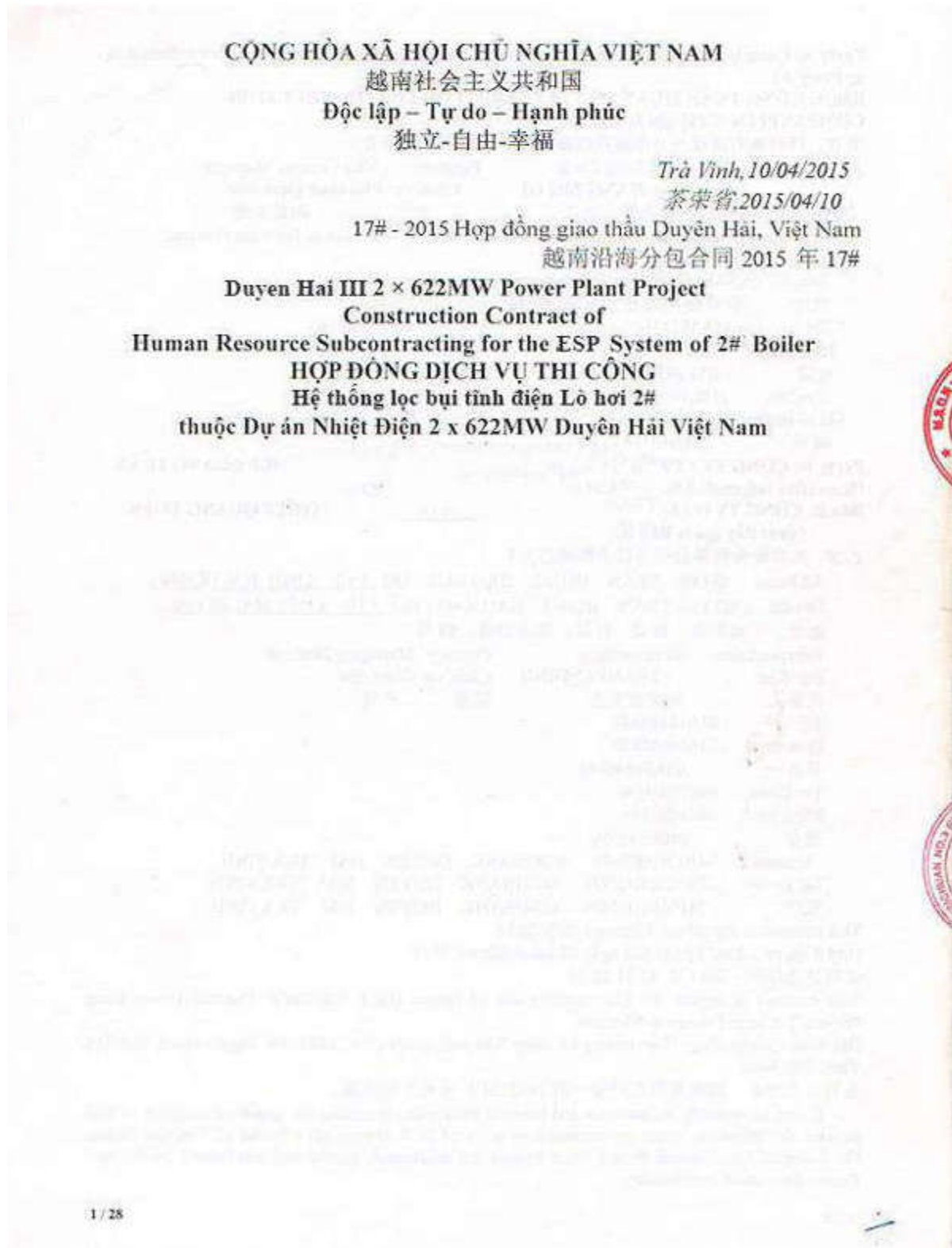
Date:

Ngày 10 tháng 06 năm 2015

日期: 2015 年 06 月 10 日

❖ **Nhiệt điện Duyên Hải III - Trà Vinh**

Duyen Hai III Thermal Power Plant - Tra Vinh



Party A: Công ty Sichuan No.3 Electric Power Construction Company (hereafter referred to as Party A)

Bên A: CÔNG TY SICHUAN NO.3 ELECTRIC POWER CONSTRUCTION COMPANY(Dưới đây gọi là Bên A)

甲方: 四川电力建设三公司越南沿海项目(以下简称甲方)

Representative : Mr. Jiang Zhiqi Position : Vice General Manager

Người đại diện : Ông JIANG ZHI QI Chức vụ: Phó tổng giám đốc

代表人 : 蒋治其 先生 职位 : 副总经理

Address: Mu U Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai District, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa chỉ : Ấp Mù U, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

地址 : 茶荣省, 沿海县, 民成社, 幕瑜邑

Tel : 074.3923162

Fax : 074.3923162

Điện thoại : 074.3923162

Số Fax : 074.3923162

电话 : 074.3923162

传真 : 074.3923162

Tax No. : 2100493183

Mã số thuế : 2100493183

税号 : 2100493183

Party B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (Hereafter referred to as Party B)

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (dưới đây gọi là Bên B)

乙方: 光询股份有限公司(以下简称乙方)

Address: SO 89, TRAN HUNG DAO, SAO DO, CHI LINH, HAI DUONG.

Địa chỉ : SO 89, TRAN HUNG DAO, SAO DO, CHI LINH, HAI DUONG.

地址 : 海阳省, 致灵, 红星, 陈兴道路, 89 号.

Representative : chenwendong Position : Managing Director

Đại diện : TRANVANDINH Chức vụ: Giám đốc

代表人 : 陈文定先生 职务 : 经理

Tel : 01654646888

Điện thoại : 01654646888

电话 : 01654646888

Tax Code : 0801036696

Mã số thuế : 0801036696

税号 : 0801036696

Account : 7410201002476 AGRIBANK DUYEN HAI TRA VINH

Tài khoản : 7410201002476 AGRIBANK DUYEN HAI TRA VINH

账户 : 7410201002476 AGRIBANK DUYEN HAI TRA VINH

This contract is signed on: April 10th, 2015

Hợp đồng này được ký kết vào ngày 10 tháng 04 năm 2015

合同订立时间: 2015 年 04 月 10 日

This contract is signed at : Construction site of Duyen Hai III 2x622MW Thermal Power Plant Project, Tra Vinh Province, Vietnam

Địa điểm ký hợp đồng: Hiện trường thi công Nhà máy nhiệt điện 2x622MW Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

合同订立地点: 越南茶荣省沿海一期 2x622MW 火电工程现场

Based on equality, voluntaries and honesty principles, regarding the practical situation of this project, the following items on construction work of ESP system of 2# Boiler of Vietnam Duyen Hai III 2x622MW Thermal Power Plant Project are negotiated, agreed and established by the two Parties for mutual compliance.

2/28

19.3 其他未尽事宜，双方另行协商补充条款，与本合同具同等效力。

Representative of Party A

Dại diện Bên A

甲方代表



JIANG ZHIQI

Date:

Ngày 10 tháng 04 năm 2015

日期: 2015 年 04 月 10 日

Representative of Party B

Đại diện Bên B



PHANVANDINH

Date:

Ngày 10 tháng 04 năm 2015

日期: 2015 年 04 月 10 日

❖ **Nhiệt điện Thái Bình I – Thái Bình**

Thai Binh I Thermal Power Plant – Thai Binh



Công nhân đang thi công nhà than dự án nhiệt điện Thái Bình I

- Người đại diện : **ÔNG TRAN VAN DINH**
- Chức vụ : Giám Đốc
- Địa chỉ : 89 Trần Hưng Đạo, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.
- Điện thoại : 03203.585 456
- Fax :

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên liên quan đến Hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản, theo địa chỉ nêu trong hợp đồng và được hai bên thống nhất thì coi là phụ lục bắt buộc kèm theo Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 06 bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

❖ **Nhiệt điện Thái Bình I – Thái Bình**

Thai Binh I Thermal Power Plant – Thai Binh



Công nhân đang thi công ống STG tại nhiệt điện Thái Bình 1 và Thái Bình 2



Cán bộ đi kiểm tra kỹ, mỹ thuật thi công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự Do- Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 25 /2016/HĐKT/LILAMA69.1-QT
V/v: Thi công hệ thống ống công nghệ nhà STG
Dự án: Nhiệt điện Thái Bình 1 (2x600MW)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc Hội khoá 11 ban hành ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 1/1/2006.
- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 18/6/2014 có hiệu lực từ ngày 1/1/2015.
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 26/11/2016 có hiệu lực từ ngày 1/7/2014.
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 26/6/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 30327 ký ngày 8/4/2015 giữa Jurong engineering Limited với Công ty Cổ phần LILAMA 69-1.
- Căn cứ vào báo giá của công ty cổ phần cơ khí và xây dựng công nghiệp QUANG TUÂN.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thỏa thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2016 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần LILAMA 69-1 chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1 (Gọi tắt là Bên A)

- Người đại diện : **ÔNG PHẠM THẾ KIÊN**
- Chức vụ : Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : Số 17 Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Điện thoại : 0241.382 1212
- Fax : 0241.382 0584
- Tài khoản : 102010000231387 tại Ngân hàng TMCP Công thương Bắc Ninh.
- Mã số Thuế : 2300102253.

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (Gọi tắt là bên B)

- Người đại diện : **ÔNG TRẦN VĂN ĐỊNH**
- Chức vụ : Giám Đốc
- Địa chỉ : 89 Trần Hưng Đạo, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.
- Điện thoại : 03203.585 456
- Fax :



Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên liên quan đến Hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản, theo địa chỉ nêu trong Hợp đồng và được hai bên thống nhất thì coi là phụ lục bắt buộc kèm theo Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 06 bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Kiên

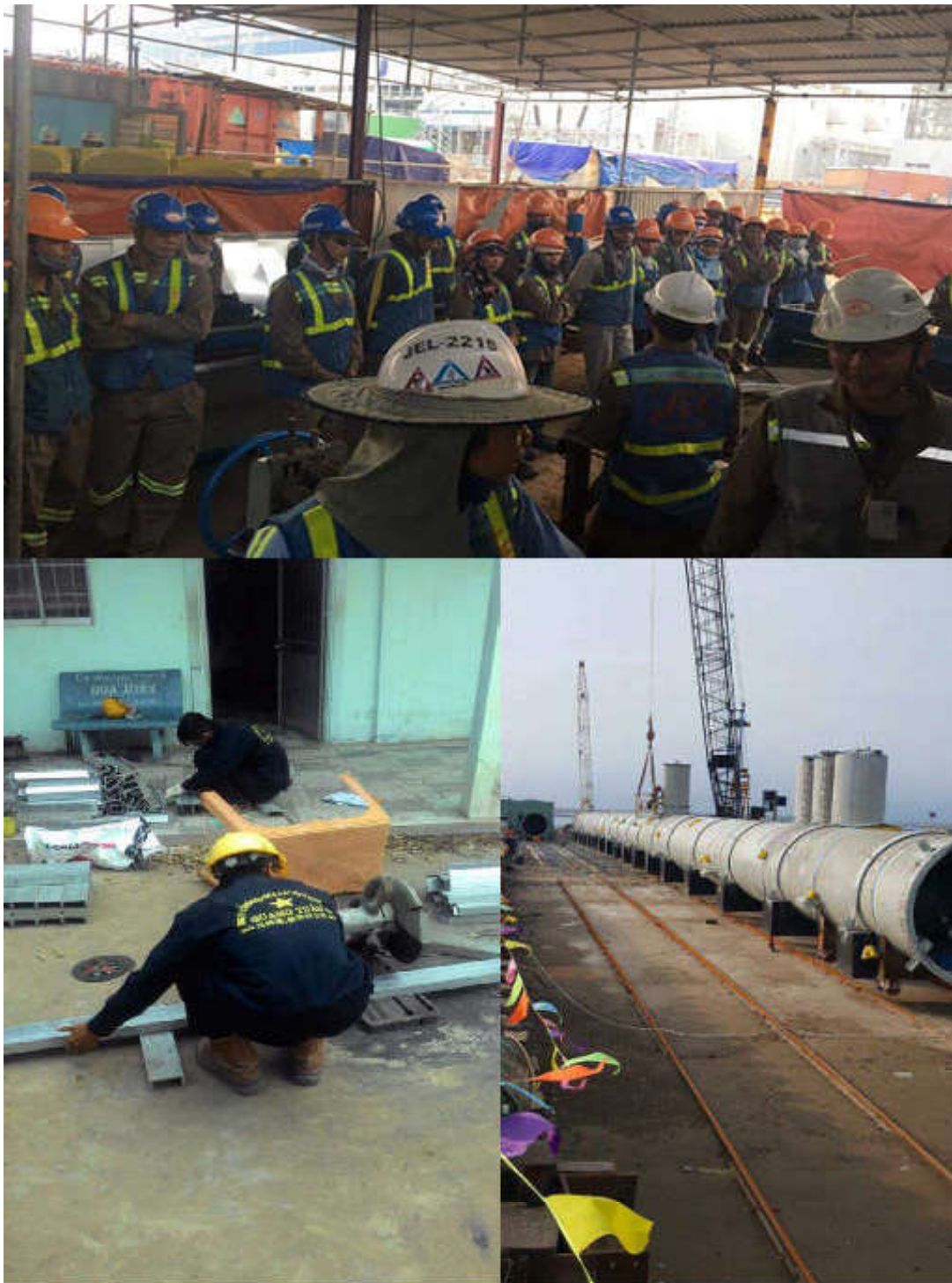
ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

❖ **Nhiệt điện Thái Bình I – Thái Bình**

Thai Binh I Thermal Power Plant – Thai Binh



Phổ biến kỹ thuật và thi công giá đỡ ống

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự Do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2510/2016/HĐKT/LILAMA69.1-QT
V/v: Thi công hệ thống ống công nghệ nhà STG
Dự án: Nhiệt điện Thái Bình 2 (2x600MW)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc Hội khoá 11 ban hành ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 1/1/2006.
- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 18/6/2014 có hiệu lực từ ngày 1/1/2015.
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 26/11/2016 có hiệu lực từ ngày 1/7/2014.
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 26/6/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 091014/Lilama-Lilama69-1 ký ngày 9/10/2014 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần LILAMA 69-1.
- Căn cứ vào báo giá của công ty cổ phần cơ khí và xây dựng công nghiệp QUANG TUẦN.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thỏa thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2016 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần LILAMA 69-1 chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1 (Gọi tắt là Bên A)

- Người đại diện : **ÔNG PHẠM THẾ KIẾN**
- Chức vụ : Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : Số 17 Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Điện thoại : 0241.382 1212
- Fax : 0241.382 0584
- Tài khoản : 102010000231387 tại Ngân hàng TMCP Công thương Bắc Ninh.
- Mã số Thuế : 2300102253.

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUẦN (Gọi tắt là bên B)

- Người đại diện : **ÔNG TRẦN VĂN ĐỊNH**
- Chức vụ : Giám Đốc
- Địa chỉ : 89 Trần Hưng Đạo, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.
- Điện thoại : 03203.585 456
- Fax :



* Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay bằng thư tín cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng (7) ngày.

+ Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, hai bên sẽ họp bàn giải quyết và các vấn đề phát sinh ngoài quy định của Hợp đồng sẽ được lập thành Phụ lục hợp đồng. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ngôn ngữ trong hợp đồng là tiếng Việt.

Hợp đồng này cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

Việc thực hiện hợp đồng này phù hợp với Hợp đồng tổng thầu, các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và ràng buộc theo các điều khoản của Hợp đồng Tổng thầu.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các điều khoản trên và tạo điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Nếu một trong hai bên đơn phương thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho bên kia theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên liên quan đến Hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản, theo địa chỉ nêu trên hợp đồng và được hai bên thống nhất thì coi là phụ lục bắt buộc kèm theo Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 06 bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY
DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

❖ **Nhiệt điện Vĩnh Tân IV – Bình Thuận**

Vinh Tan IV Thermal Power Plant – Binh Thuan



Tập trung cán bộ công nhân viên phổ biến an toàn và công việc hàng ngày



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự Do- Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 001/2017/HĐKT/LILAMA5-QT

V/v: Thi công căn chỉnh cực âm dương một kỳ lộc bụi

Dự án: Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (2x600MW)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc Hội khoá 11 ban hành ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 1/1/2006.
- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 18/6/2014 có hiệu lực từ ngày 1/1/2015.
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 26/11/2016 có hiệu lực từ ngày 1/7/2014.
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 26/6/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thỏa thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2017 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần LILAMA 5 chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5 (Gọi tắt là Bên A)

- Người đại diện : **ÔNG PHẠM ĐÌNH SAN**
- Chức vụ : Tổng giám đốc
- Địa chỉ : 179 Trần Phú, Bim Sơn, Thanh Hóa.
- Điện thoại : 037 3824.421
- Fax : 037 3824.220
- Tài khoản : 505.10.00.000003-6 Ngân hàng đầu tư Bim Sơn – Thanh Hoá
- Mã số Thuế : 2800233448

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (Gọi tắt là bên B)

- Người đại diện : **ÔNG TRẦN VĂN ĐỊNH**
- Chức vụ : Giám Đốc
- Địa chỉ : 89 Trần Hưng Đạo, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.
- Điện thoại : 03203.585 456
- Tài khoản : 7571100486868 tại Ngân hàng MB Thái Thụy – Thái Bình.
- Mã số thuế : 0801036696.



+ Thông báo ngay bằng thư tin cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng (7) ngày.

+ Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, hai bên sẽ họp bàn giải quyết và các vấn đề phát sinh ngoài quy định của Hợp đồng sẽ được lập thành Phụ lục hợp đồng. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ngôn ngữ trong hợp đồng là tiếng Việt.

Hợp đồng này cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

Việc thực hiện hợp đồng này phù hợp với Hợp đồng tổng thầu, các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và ràng buộc theo các điều khoản của Hợp đồng Tổng thầu.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các điều khoản trên và tạo điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Nếu một trong hai bên đơn phương thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho bên kia theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên liên quan đến Hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản, theo địa chỉ nêu trên hợp đồng và được hai bên thống nhất thì coi là phụ lục bắt buộc kèm theo Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 06 bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

❖ **Nhiệt điện Duyên Hải III mở rộng – Trà Vinh**

Duyen Hai III Thermal Power Plant Expansion – Tra Vinh



Một số hình ảnh thi công lọc bụi tĩnh điện tại dự án điện Duyên Hải 3 Mở rộng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 05/2017/HĐKT/LILAMA 69-1-QT

V/v: Thi công lắp đặt hệ thống lọc bụi tĩnh điện

Dự án: Dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng (1x688 MW)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc Hội khoá 11 ban hành ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 1/1/2006.
- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 18/6/2014 có hiệu lực từ ngày 1/1/2015.
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc Hội khoá 13 thông qua ngày 26/11/2016 có hiệu lực từ ngày 1/7/2014.
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 26/6/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: Job 30331 ký ngày 21/07/2015 giữa Jurong Engineering Limited và Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 về việc "Erection of Steel Structure Coal Bunkers, ESP, HP/HL Heater, Deaerators, CW piping, BOP, Fire Fighting system, Insulation & Painting Subcontract Works" – Dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng (1x688MW).
- Căn cứ vào báo giá của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công nghiệp QUANG TUÂN.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thỏa thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2017 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần LILAMA 69-1 chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1 (Gọi tắt là Bên A)

- Người đại diện : **ÔNG PHẠM THẾ KIẾN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Số 17 Lý Thái Tổ, Phường Suối Hoa TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Điện thoại : 0241.382 1212
- Fax : 0241.382 0584
- Tài khoản : 102010000231387 tại Ngân hàng TMCP Công thương Bắc Ninh.
- Mã số Thuế : 2300102253.

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (Gọi tắt là bên B)

- Người đại diện : **ÔNG TRẦN VĂN DỊNH**
- Chức vụ : Giám Đốc
- Địa chỉ : 89 Trần Hưng Đạo, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương.

tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền.

* Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay bằng thư tín cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng (7) ngày.

+ Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, hai bên sẽ hợp tác giải quyết và các vấn đề phát sinh ngoài quy định của Hợp đồng sẽ được lập thành Phụ lục hợp đồng. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ngôn ngữ trong hợp đồng là tiếng Việt.

Hợp đồng này cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

Việc thực hiện hợp đồng này phù hợp với Hợp đồng tổng thầu, các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và ràng buộc theo các điều khoản của Hợp đồng Tổng thầu.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các điều khoản trên và tạo điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Nếu một trong hai bên đơn phương thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho bên kia theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên liên quan đến Hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản, theo địa chỉ nêu trên hợp đồng và được hai bên thống nhất thì coi là phụ lục bắt buộc kèm theo Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 06 bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN B
C.TY CP CƠ KHÍ VÀ XDCN QUANG TUÂN

GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

❖ **Nhiệt điện Long Phú I – Sóc Trăng**

Long Phu I Theral Power Company - Soc Trang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: P028-L003-G-18-0000/TP6

Về việc: "Lắp đặt kết cấu thép sàn, lan can, cầu thang và hệ thống khói, gió"
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1

- Căn cứ vào Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 4;
- Căn cứ vào Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 10;
- Căn cứ vào Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ vào Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ vào báo giá của Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng công nghiệp Quang Tuân;
- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 140618/LILAMA-LL69.1 giữa Tổng công ty lắp máy Việt Nam và công ty cổ phần Lilama69-1 về việc "Lắp đặt lò hơi tổ máy số 02 – Dự án Nhiệt điện Long Phú 1";
- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 09 năm 2018, tại Văn phòng Công ty cổ phần Lilama 69-1, chúng tôi gồm:

BÊN A CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 1

Người đại diện : Ông **PHẠM THẾ KIẾN** - Tổng Giám đốc
Địa chỉ : 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại/Fax : 02222 382 1212 Fax: 0222 382 0584
Mã số thuế : 2300.102.253
Số tài khoản : 105 000 011 090
Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Bắc Ninh.

BÊN B CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN

Người đại diện : Ông **TRẦN VĂN ĐỊNH** - Giám đốc
Địa chỉ : Số 89 Trần Hưng Đạo, P. Sao Đỏ, TX. Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.
Điện thoại : 0983 856 872 / 01654 646 888

P028-L003-G-18-0000/TP6


Trang 1/6

Mã số thuế : 0801036696
Số tài khoản : 7571100486868
Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Thụy –
Thái Bình

Sau khi bàn bạc, hai bên nhất trí ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

- Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ “Lắp đặt kết cấu thép sàn, lan can, cầu thang và hệ thống khói gió” Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1.
- Phạm vi công việc bao gồm việc cung cấp vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ, máy móc, nhân lực Lắp đặt kết cấu thép sàn, lan can, cầu thang và hệ thống khói gió theo khối lượng được giao.
- Địa điểm thực hiện: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.
- Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu của Bên A và tiến độ của dự án.

ĐIỀU 2: HÌNH THỨC VÀ ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Hình thức hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Giá trị hợp đồng tạm tính: (chưa bao gồm VAT 10%): 18,620,131,868 đồng.
- Thuế GTGT (10%): 1,862,013,187 đồng.
- Giá trị hợp đồng tạm tính: (đã bao gồm VAT 10%): **20,482,145,055** đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng).

- Giá Hợp đồng trên là tạm tính trên cơ sở khối lượng tạm tính và đơn giá như được quy định tại Phụ lục 2 của Hợp đồng. Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm tất cả doanh thu, lợi nhuận, chi phí, các loại thuế, phí..., mà Bên B được hưởng hay gánh chịu khi thực hiện dịch vụ.
- Đơn giá hợp đồng là cố định không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, giá trị thanh toán hàng tháng sẽ dựa vào khối lượng thực tế bên B thực hiện (có xác nhận của hai bên theo biên bản nghiệm thu) nhân với đơn giá đã quy định trong hợp đồng.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

3.2. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

3.3. Quy trình thanh toán

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B mười phần trăm (10%) giá trị Hợp đồng tạm tính (trước thuế) trong vòng mười lăm (15) kể từ ngày Bên A nhận được từ Bên B hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị tạm ứng thể hiện đầy đủ thông tin về tài khoản của Bên B;

P028-L003-G-18-0000/TP6


Trang 2/4

- Trong trường hợp hủy bỏ Hợp đồng do lỗi của Bên A, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị tương đương với khối lượng mà Bên B đã thực hiện được nghiệm thu hợp lệ tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng theo đơn giá đã quy định.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng này, mọi thay đổi và điều chỉnh sẽ được hai bên thoả thuận bằng văn bản.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có bất kỳ tranh chấp, vướng mắc nào nảy sinh, các Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và được giải quyết trước tiên bằng biện pháp thương lượng trên tinh thần hợp tác.
- Sau ba mươi (30) ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà hai Bên không đạt được thoả thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án kinh tế Bắc Ninh theo Luật định. Quyết định của Tòa án kinh tế được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện chịu toàn bộ án phí.
- Hợp đồng này được ràng buộc, hiệu và diễn giải theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thế Hiền



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN ĐỊNH



❖ **Nhiệt điện Sông Hậu I – Hậu Giang**

Song Hau I Thermal Power Company – Hau Giang





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: P022-L003-G-17-1110/TP5

Về việc: "Lắp hệ thống ống BOP"

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

- Căn cứ vào Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 4;
- Căn cứ vào Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 10;
- Căn cứ vào Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ vào Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ vào bảo giá của Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng công nghiệp Quang Tuấn;
- Căn cứ vào nội dung công việc tại hợp đồng số: 021116/LILAMA-L1.69.1 giữa Tổng công ty lắp máy Việt Nam và công ty cổ phần Lilama69-1 về việc "Thực hiện các công việc lắp đặt – Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1";
- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 08 năm 2018, tại Văn phòng Công ty cổ phần Lilama 69-1, chúng tôi gồm:

BÊN A CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 1

Người đại diện : Ông PHẠM THẾ KIÊN - Tổng Giám đốc
Địa chỉ : 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa – TP. Bắc Ninh – T. Bắc Ninh
Điện thoại/Fax : 02222 382 1212 Fax: 0222 382 0584
Mã số thuế : 2300.102.253
Số tài khoản : 105 000 011 090
Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)
– Chi nhánh Bắc Ninh.

BÊN B CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN

Người đại diện : Ông TRẦN VĂN ĐỊNH - Giám đốc
Địa chỉ : Số 89 Trần Hưng Đạo, P. Sao Đỏ, TX. Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.
Điện thoại : 0983 856 872 / 01654 646 888

P022-L003-G-17-1110/TP5

Trang 1/5

Mã số thuế : 0801036696

Số tài khoản : 7571100486868

Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Thụy – Thái Bình

Sau khi bàn bạc, hai bên nhất trí ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

- Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ “Lắp đặt ống BOP” Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.
- Phạm vi công việc bao gồm việc cung cấp vật tư tiêu hao, nhân lực lắp đặt hoàn thiện hệ thống ống BOP theo khối lượng được giao.
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
- Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu của Bên A và tiến độ của dự án.

ĐIỀU 2: HÌNH THỨC VÀ ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Hình thức hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Giá trị hợp đồng tạm tính: (chưa bao gồm VAT 10%): 10.698.000.000 đồng.
- Thuế GTGT: 1.069.800.000 đồng.
- Giá trị hợp đồng tạm tính: (chưa bao gồm VAT 10%): **11.767.800.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

- Giá trị trên đã là tạm tính trên cơ sở khối lượng tạm tính và đơn giá cố định (Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm). Giá trị hợp đồng tạm tính trên bao gồm thuế GTGT bao gồm tất cả doanh thu, lợi nhuận, chi phí, các loại thuế, phí, thuế thu nhập cá nhân... mà Bên B được hưởng hay gánh chịu khi thực hiện dịch vụ.
- Đơn giá trên là cố định không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. giá trị thanh toán hàng tháng sẽ dựa vào khối lượng thực tế bên B thực hiện (có xác nhận của hai bên theo biên bản nghiệm thu) nhân với đơn giá đã quy định trong hợp đồng.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. *Hình thức thanh toán:* Chuyển khoản

3.2. *Đồng tiền thanh toán:* Đồng Việt Nam

3.3. *Quy trình thanh toán*

- Thanh toán theo khối lượng hoàn thành hàng tháng:

Trên cơ sở khối lượng thực hiện và đơn giá Hợp đồng bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành hàng tháng (được bên A nghiệm thu chấp nhận) trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được từ Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

yêu cầu giải quyết các tranh chấp đồ qua Tòa án kinh tế Bắc Ninh theo Luật định. Quyết định của Tòa án kinh tế được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện chịu toàn bộ án phí.

- Hợp đồng này được ràng buộc, hiểu và diễn giải theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Kiên



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐỊNH

❖ Nhà máy Thép Hòa Phát Dung Quất

Hoa Phat Dung Quat Steel Plant





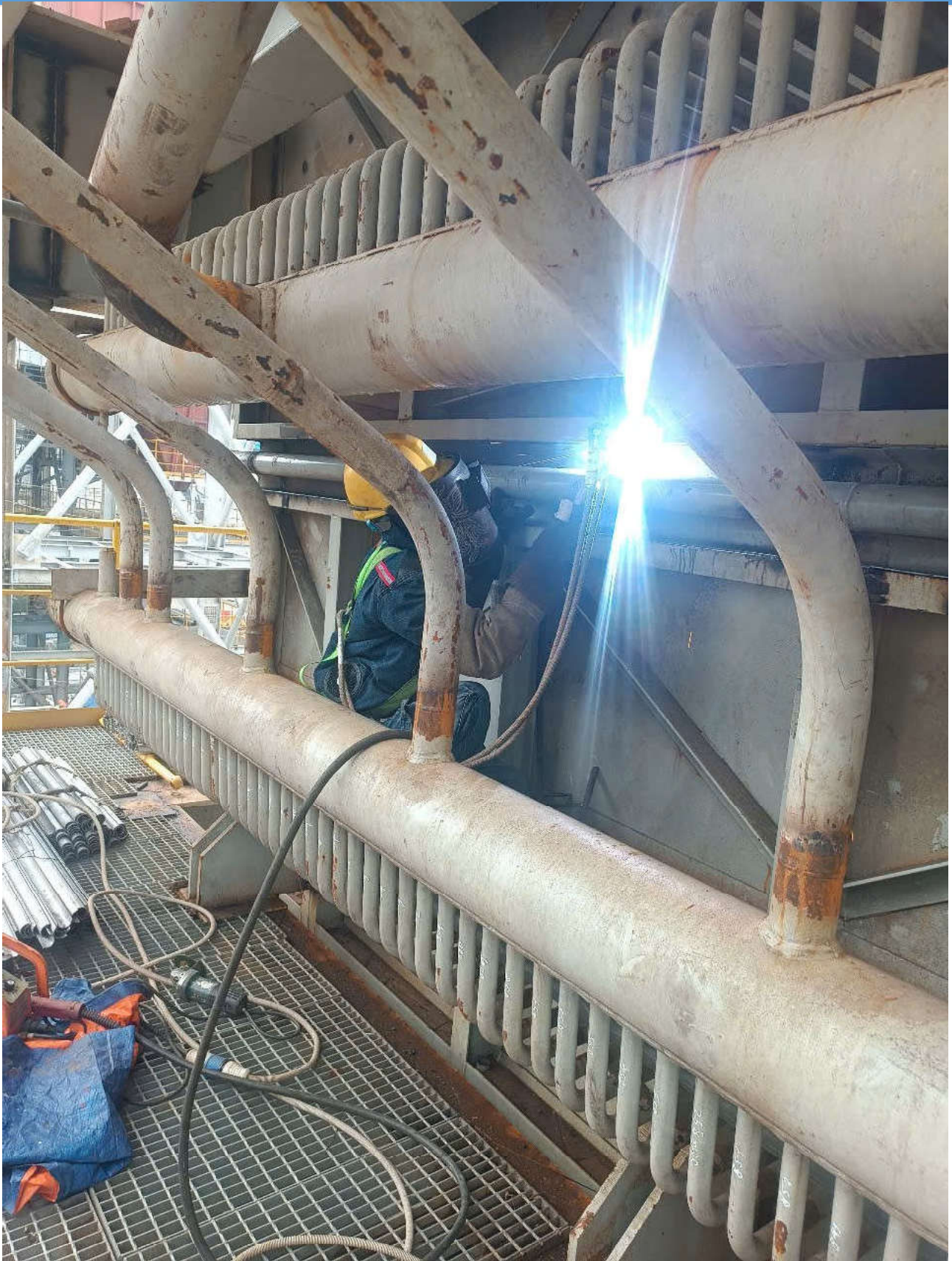


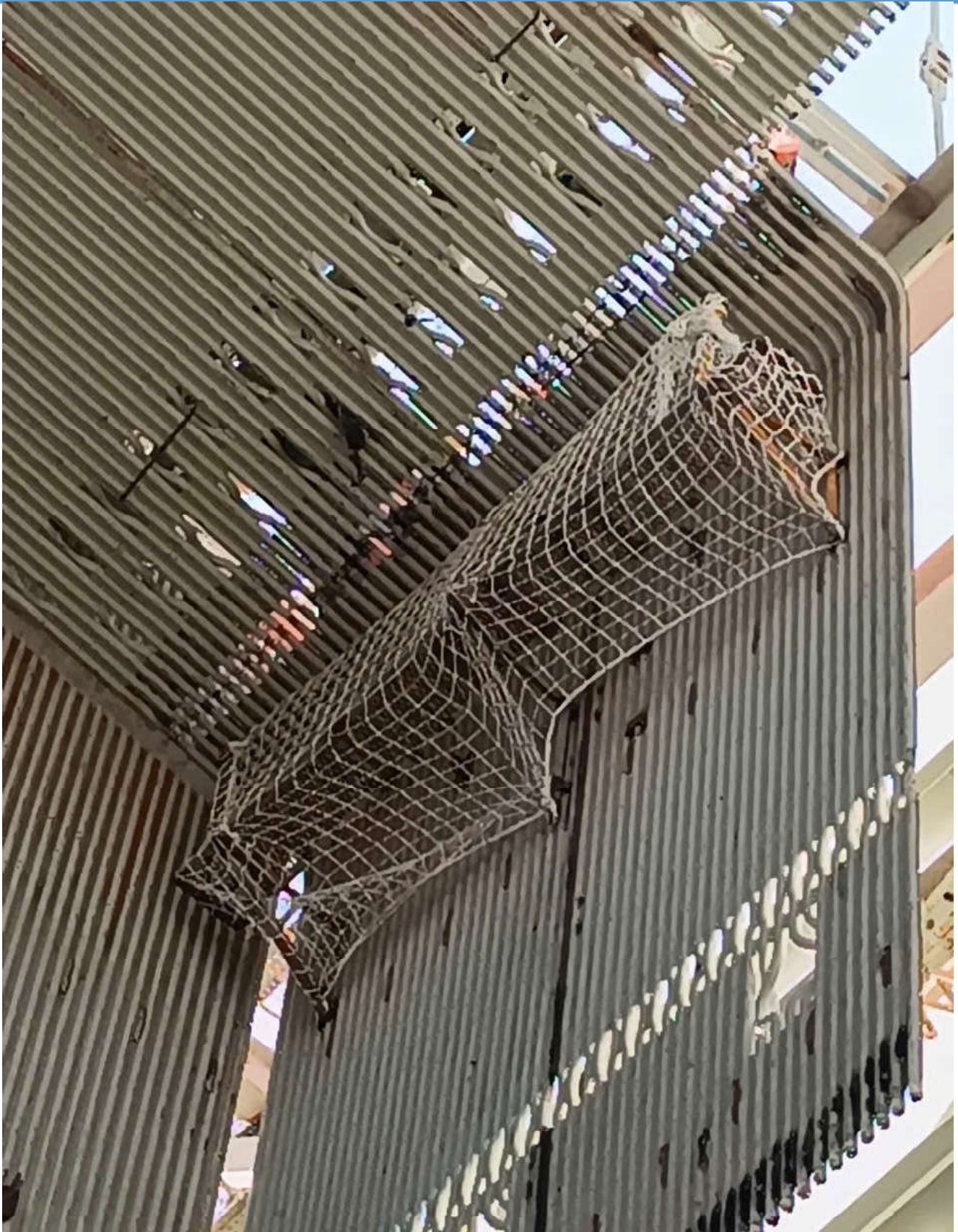
















越南社会主义共和国
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
独立-自由-幸福
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

广西省 / / /
Tỉnh Quảng Ngãi, / /
合同编号: SCCEC-CON-JY-[2024]-0191
Số hợp đồng:

越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 A 标分包合同
HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU A CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN
PHÁT ĐIỆN TỬ NHIỆT ĐƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG
QUẤT VIỆT NAM

越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 A 标分包合同

**HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU A CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN
PHÁT ĐIỆN TỪ NHIỆT ĐƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG
QUẤT VIỆT NAM**

本合同于 2014/3/17 日由以下双方签订:

Hợp đồng này được hai bên ký kết vào ngày tháng năm

中国电建集团四川工程有限公司越南分公司（以下简称“甲方”）是根据越南法律注册的公司，公司注册地址为越南、胡志明市、平盛郡、第 22 坊、阮友景路 92 号、Topaz 1 大厦夹层、PF-01 间。

CHI NHÁNH POWERCHINA SICHUAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED TẠI VIỆT NAM (Dưới đây gọi là Bên A); chi nhánh công ty này được đăng ký theo luật pháp Việt Nam, nơi đăng ký chi nhánh công ty có địa chỉ: Gian hàng PF-01, tầng lửng tòa nhà Topaz 1, 92 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

和， và

光南工业机械建设回填开发有限公司（以下简称“乙方”），公司注册地址为：越南平阳省顺安市平川区平福 B 区 N1 街 37A/47A。

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẬP XÂY DỰNG CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (sau đây gọi là “Bên B”), nơi đăng ký công ty có địa chỉ: 3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

甲、乙双方依据平等、自愿、诚实信用的原则，结合本工程实际情况，经过友好协商，就越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 A 标分包合同达成如下一致意见，订立以下条款，以资双方共同信守：

Cả hai bên A và B, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện và trung thực tín nhiệm, kết hợp với tình hình thực tế của dự án, thông qua cuộc đàm phán thân thiện, đã đạt được sự đồng thuận về Hợp đồng thầu phụ gói thầu A công trình lắp đặt lò hơi dự án phát điện từ nhiệt đư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam. Dưới đây là các điều khoản được lập ra, nhằm đảm bảo cả hai bên tuân thủ chung:

1. 合同目标

1.1 Mục tiêu của Hợp đồng

1.1 乙方将根据本合同规定的条件和规范，在越南社会主义共和国执行越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 A 标分包合同。乙方承担越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 A 标分包合同的实施、竣工移交及缺陷修补等与分包工程有关的所有合同责任和一切风险。

Bên B sẽ tuân thủ theo các điều kiện và tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng này, thực hiện Hợp đồng thầu phụ gói thầu A công trình lắp đặt lò hơi dự án phát điện từ nhiệt đư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam, theo quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Bên B chịu trách nhiệm về việc thực hiện, hoàn thành và chuyển giao công trình, cũng như khắc phục mọi lỗi liên

Điều IV. Trách nhiệm vi phạm thỏa thuận.

甲乙双方及双方工作人员应切实遵守本合同条款，如查实任何一方有违反合同约定的行为，即视为违约。

Công nhân viên của cả hai bên, Bên A và Bên B đều phải thiết thực tuân thủ các điều khoản của hợp đồng này. Nếu bất kỳ bên nào bị phát hiện vi phạm điều khoản, thì sẽ bị coi là có hành vi vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

发现一方在经营活动中有违规、违纪、违法行为的，另一方应及时提醒对方，情节严重的，应向上级主管部门或纪检监察机构检举。

Nếu phát hiện một bên vi phạm các quy định, kỷ luật hoặc luật trong hoạt động kinh doanh của mình, thì cần kịp thời nhắc nhở bên kia. Nếu trường hợp nghiêm trọng, sẽ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan giám sát có chức năng cao hơn.

对一方的检举行为，另一方不得打击报复，否则一经查实，视为违约。

Việc truy tố một bên sẽ được thực hiện và bên kia sẽ không được trả đũa, nếu không khi xác minh ra sẽ bị coi là vi phạm điều khoản thỏa thuận.

如一方发生违约情况，另一方有权终止经济合同，由此造成的经济损失由违约方完全承担。

Trong trường hợp một bên vi phạm điều khoản thỏa thuận, thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng kinh tế và mọi thiệt hại kinh tế gây ra sẽ do bên vi phạm hoàn toàn gánh chịu.

本合同作为经济合同附件，与经济合同同时签订，双方签字后立即生效。

Điều V. Bản hợp đồng này là phụ lục của bản hợp đồng kinh tế, cùng được ký kết cùng lúc với bản hợp đồng kinh tế, sau khi hai bên ký kết sẽ lập tức có hiệu lực.

甲方（盖章）：

Party A (seal) :

甲方法人代表：

Legal representative:

日期：

Date:



乙方（盖章）：

Party B (seal) :

乙方法人代表（或授权代表人）：

Legal representative:

(or authorized representative)

日期：

Date:



越南社会主义共和国
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
独立-自由-幸福
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

广义省, [/ /]
Tỉnh Quảng Ngãi, / /
合同编号:
Số hợp đồng: S/ECC-COV-JY-L2024]-1/80

越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 B 标分包合同
HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU B CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN
PHÁT ĐIỆN TỬ NHIỆT DƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG
QUẢNG VIỆT NAM



越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 B 标分包合同**HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU B CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN PHÁT ĐIỆN TỬ NHIỆT DƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT VIỆT NAM**

本合同于2024年12月15日由以下双方签订:

Hợp đồng này được hai bên ký kết vào ngày 15 tháng 12 năm 2024

中国电建集团四川工程有限公司越南分公司（以下简称“甲方”）是根据越南法律注册的公司，公司注册地址为越南、胡志明市、平盛郡、第 22 坊、阮友景路 92 号、Topaz 1 大厦夹层、PF-01 间。

CHI NHÁNH POWERCHINA SICHUAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED TẠI VIỆT NAM (Dưới đây gọi là Bên A), chi nhánh công ty này được đăng ký theo luật pháp Việt Nam, nơi đăng ký chi nhánh công ty có địa chỉ: Gian hàng PF-01, tầng lửng tòa nhà Topaz 1, 92 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

和， và

光荷工业机械建设回填开发有限公司（以下简称“乙方”），公司注册地址为：越南平阳省顺安市平川区平福 B 区 N1 街 37A/47A。

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẬP XÂY DỰNG CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (sau đây gọi là "Bên B"), nơi đăng ký công ty có địa chỉ: 3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

甲、乙双方依据平等、自愿、诚实信用的原则，结合本工程实际情况，经过友好协商，就越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 B 标分包合同达成如下一致意见，订立以下条款，以资双方共同信守：

Cả hai bên A và B, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện và trung thực tín nhiệm, kết hợp với tình hình thực tế của dự án, thông qua cuộc đàm phán thân thiện, đã đạt được sự đồng thuận về Hợp đồng thầu phụ gói thầu B công trình lắp đặt lò hơi dự án phát điện tử nhiệt dư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam. Dưới đây là các điều khoản được lập ra, nhằm đảm bảo cả hai bên tuân thủ chung:

1. 合同目标**1. Mục tiêu của Hợp đồng**

1.1 乙方将根据本合同规定的条件和规范，在越南社会主义共和国执行越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 B 标分包合同，乙方承担越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 B 标分包合同的实施、竣工移交及缺陷修补等与分包工程有关的所有合同责任和一切风险。

Bên B sẽ tuân thủ theo các điều kiện và tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng này, thực hiện Hợp đồng thầu

Từ Xuyên, [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân.] Đồng thời cam kết: Sau khi biết rằng các cơ quan thực thi hoặc quản lý, cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, cơ quan giao dịch chứng khoán hoặc tổ chức phi chính phủ đang tiến hành điều tra liên quan đến luật chống tham nhũng, cho dù hành vi đó có có liên quan đến thỏa thuận này, Bên xây dựng điện lực Từ Xuyên sẽ được thông báo ngay lập tức.

同属于本协议定义部分或上述条款的内容:

Bao gồm trong Phần Định nghĩa của Thỏa thuận hoặc nội dung điều khoản nêu trên:

公职人员: 指政府或其下属职能部门 (包括国有或国家控制公司)、政党、国际公共机构或公共职务候选人的高级管理人员、董事、代理、代表、员工、政府官员, 或以政府、国际公共机构、政党或公职候选人名义开展工作的人士。

Nhân viên công chức: là đề cập đến các nhà quản lý cấp cao, giám đốc, đại lý, đại diện, nhân viên, quan chức chính phủ của chính phủ hoặc các bộ phận chức năng cấp dưới của chính phủ (bao gồm các công ty nhà nước hoặc do nhà nước kiểm soát), các đảng phái chính trị, các tổ chức công quốc tế hoặc các ứng cử viên cho các vị trí công, hoặc Một người làm việc dưới danh nghĩa của một tổ chức công, đảng phái chính trị, hoặc ứng cử viên vào chức vụ công.

甲方 (盖章):

Party A (seal):



甲方法人代表:

Legal representative:

日期:

Date:

乙方 (盖章):

Party B (seal):



Legal representative:

(for and on behalf of representative)

日期:

Date:

2024/11/08

PHẦN III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ MỤC TIÊU TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030

PART III. DEVELOPMENT STRATEGY AND TARGET FROM NOW TO 2030

I. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

I. DEVELOPMENT STRATEGY

Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững và vươn tới những thành công lớn trong tương lai, Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân đã xác định một chiến lược phát triển rõ ràng, toàn diện và có tính lâu dài. Các chiến lược chính bao gồm:

To achieve sustainable development goals and reach greater success in the future, Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited has defined a clear, comprehensive, and long-term development strategy. The main strategies include:

Nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm: Công ty sẽ luôn đặt chất lượng lên hàng đầu trong mọi công đoạn của quá trình từ thiết kế, thi công cho đến bảo trì công trình. Chúng tôi sẽ tập trung vào việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời cập nhật và triển khai các công nghệ hiện đại trong tất cả các dự án. Các công trình của Quang Tuân sẽ luôn đạt được độ bền cao, đáp ứng mọi yêu cầu về tiến độ và an toàn lao động.

Improving service and product quality: The company will always prioritize quality in every stage of the process, from design and construction to project maintenance. We will focus on applying international standards while updating and implementing modern technologies in all projects. The projects of Quang Tuan will consistently achieve high durability, meet all requirements for progress, and ensure occupational safety.

Mở rộng thị trường và lĩnh vực hoạt động: Để đạt được sự phát triển bền vững, công ty sẽ tập trung mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Mở rộng hoạt động không chỉ giúp công ty gia tăng doanh thu mà còn giúp xây dựng thương hiệu mạnh mẽ hơn trên thị trường quốc tế. Công ty cũng sẽ chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực mới như năng lượng tái tạo, công nghệ xanh và các dự án công nghiệp công nghệ cao.

Expanding market and areas of operation: To achieve sustainable development, the company will focus on expanding its market both domestically and internationally. Expanding operations will not only help increase revenue but also strengthen the company's brand in the international market. The company will also prioritize investment in new fields such as renewable energy, green technologies, and high-tech industrial projects.

Đầu tư vào công nghệ và đổi mới sáng tạo: Trong kỷ nguyên số hóa và công nghiệp 4.0, việc áp dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất và quản lý sẽ là yếu tố quyết định thành công. Quang Tuân cam kết sẽ tiếp tục đầu tư vào các công nghệ tiên tiến, từ phần mềm quản lý dự án cho đến các thiết bị thi công hiện đại. Công ty sẽ không ngừng cải tiến quy trình làm việc, tối ưu hóa năng suất lao động và giảm thiểu chi phí sản xuất.

Investment in technology and innovation: In the era of digitalization and Industry 4.0, the application of new technologies in production and management processes will be a key factor in success. Quang Tuan is committed to continuing its investment in advanced technologies, from project management software to modern construction equipment. The company will continuously improve working processes, optimize labor productivity, and reduce production costs.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Con người là yếu tố quyết định trong sự phát triển

của công ty. Để đạt được những mục tiêu lớn, công ty sẽ đầu tư mạnh mẽ vào công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên. Các khóa đào tạo về kỹ năng chuyên môn, quản lý dự án và an toàn lao động sẽ được tổ chức thường xuyên. Mục tiêu là xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo và nhiệt huyết, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

Training and human resource development: People are the decisive factor in the company's growth. To achieve these ambitious goals, the company will make strong investments in training and developing its workforce. Regular training programs will be organized, focusing on specialized skills, project management, and occupational safety. The goal is to build a professional, creative, and passionate team, capable of meeting the increasing demands of the job.

Tăng cường các mối quan hệ đối tác và hợp tác quốc tế: Trong những năm tới, công ty sẽ tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo và công nghệ xanh. Việc xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược sẽ giúp công ty mở rộng mạng lưới khách hàng, chia sẻ công nghệ, cũng như học hỏi kinh nghiệm từ các thị trường phát triển.

Strengthening partnerships and international cooperation: In the coming years, the company will actively seek opportunities for collaboration with international partners, particularly in the fields of renewable energy and green technology. Building strategic partnerships will help the company expand its customer network, share technology, and learn from the experiences of developed markets.

II. MỤC TIÊU

II. TARGET

Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân đã đặt ra những mục tiêu cụ thể để đạt được trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, bao gồm:

Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited has set specific goals to achieve in the period leading up to 2030, including:

Tăng trưởng doanh thu: Mục tiêu tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 15-20%, đồng thời đa dạng hóa các nguồn thu từ các dự án mới.

Revenue growth: The goal is to achieve annual revenue growth of 15-20%, while also diversifying revenue sources from new projects.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến: Đầu tư vào các công nghệ mới để tối ưu hóa quy trình làm việc, từ đó nâng cao hiệu quả công việc và giảm chi phí sản xuất.

Application of advanced technology: Invest in new technologies to optimize workflows, thereby improving work efficiency and reducing production costs.

Đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự: Đảm bảo rằng đội ngũ nhân sự của công ty được đào tạo bài bản, phát triển các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng chuyên môn và đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng khắt khe.

Training and development of human resources: Ensure that the company's workforce is well-trained, develops leadership skills, professional expertise, and meets the increasingly stringent job requirements.

Thực hiện các dự án năng lượng tái tạo: Tham gia vào các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió và các công nghệ xanh, góp phần vào việc phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Implement renewable energy projects: Participate in renewable energy projects such as solar power, wind energy, and green technologies, contributing to sustainable development and environmental protection.

Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuân sẽ tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, đồng thời triển khai những chiến lược phát triển dài hạn, bền vững. Với những mục tiêu rõ ràng và sự quyết tâm không ngừng, công ty tin tưởng sẽ là một đối tác tin cậy, góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam.

Quang Tuan Industrial Mechanical Construction Exploitation Company Limited will continue to build on its achievements and implement long-term, sustainable development strategies. With clear objectives and unwavering determination, the company is confident that it will remain a reliable partner, contributing to the overall development of Vietnam's economy.

越南社会主义共和国
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
独立-自由-幸福
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

广义省, [/ /]
Tỉnh Quảng Ngãi, / /
合同编号: SCECC-CON-JY[2015]-084
Số hợp đồng:

越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同
HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN
PHÁT ĐIỆN TỪ NHIỆT DƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG
QUẤT VIỆT NAM

目录 Mục lục

1	定义 Định nghĩa	8
2	解释 Giải thích	13
3	总则 Tổng quát	13
3.1	适用法律 Luật áp dụng	13
3.2	语言 Ngôn ngữ	13
3.3	通知和通讯 Thông báo và thông tin	14
3.4	保密 Bảo mật	15
3.5	协议的唯一性 Tính duy nhất của thỏa thuận	15
3.6	赔偿 Đền bù	15
4	主要责任 Trách nhiệm chính	15
4.1	甲方的主要责任 Trách nhiệm chính của Bên A	15
4.2	乙方的主要责任 Trách nhiệm chính của Bên B	16
4.3	保险 Bảo hiểm	19
4.4	质量控制 Kiểm soát chất lượng	19
4.5	转让或转包 Chuyển nhượng hoặc chuyển gói thầu	19
4.6	工程量清单和要求 Danh mục khối lượng công trình và yêu cầu	19
5	开工和完工 Khởi công và hoàn công	20
5.1	开工时间 Khởi công	20
5.2	工期和完工日期 Thời gian thi công và thời gian hoàn công	20
5.3	工期延误造成的延工 Lỗi tiến độ thi công dẫn đến kéo dài thời gian thi công	20
5.4	工期延误的考核 Xử phạt chậm tiến độ thi công	21
6	价格和付款 Giá cả và chi trả	21
6.1	合同价格 Giá cả trong hợp đồng	21
6.2	付款条件 Điều kiện thanh toán	22

7	保证金 Tiền đảm bảo thực hiện	24
7.1	履约保证金 Tiền đảm bảo thực hiện	24
7.2	HSE 保证金 Tiền bảo lãnh về an toàn HSE	25
7.3	雇员工资保证金 Khoản tiền đảm bảo chi trả tiền lương cho nhân viên	25
7.4	质量保证金 Tiền đảm bảo chất lượng	25
8	质保 Bảo hành chất lượng	26
9	暂停和终止 Tạm dừng và chấm dứt	26
9.1	暂停 Tạm dừng	26
9.2	终止 Chấm dứt	26
10	不可抗力 Bất khả kháng	27
11	争议的解决 Giải quyết tranh chấp	28
11.1	解决 Giải quyết	28
11.2	仲裁 Trọng tài	28
	价格表 Bảng giá	26
	廉政合同 HỢP ĐỒNG LIÊM CHÍNH	44
	反腐败合同条款 ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG CHỐNG THAM NHŨNG	47

越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN PHÁT ĐIỆN TỪ NHIỆT DƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT VIỆT NAM

本合同于 2015 年 8 月 日由以下双方签订:

Hợp đồng này được hai bên ký kết vào ngày tháng năm .

中国电建集团四川工程有限公司越南分公司（以下简称“甲方”）是根据越南法律注册的公司，公司注册地址为越南，胡志明市，盛美西坊，阮友景街 92 号，Topaz 1 大厦夹层，PF-01 间。

CHI NHÁNH POWERCHINA SICHUAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED TẠI VIỆT NAM (Dưới đây gọi là Bên A), chi nhánh công ty này được đăng ký theo luật pháp Việt Nam, nơi đăng ký chi nhánh công ty có địa chỉ: Gian hàng số PF-01, Tầng lửng, Tòa nhà Topaz 1, 92 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

和, và

光荻工业机械建设回填开发有限公司（以下简称“乙方”），公司注册地址为：越南胡志明市安富坊平福 B 区 N1 街 37A/47A。

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẤP XÂY DỰNG CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN (sau đây gọi là "Bên B"), nơi đăng ký công ty có địa chỉ: 3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường An Phú, TP HCM Việt Nam

甲、乙双方依据平等、自愿、诚实信用的原则，结合本工程实际情况，经过友好协商，就越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同达成如下一致意见，订立以下条款，以资双方共同信守：

Cả hai bên A và B, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện và trung thực tín nhiệm, kết hợp với tình hình thực tế của dự án, thông qua cuộc đàm phán thân thiện, đã đạt được sự đồng thuận về HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN phát điện từ nhiệt dư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam. Dưới đây là các điều khoản được lập ra, nhằm đảm bảo cả hai bên tuân thủ chung:

1. 合同目标

1. Mục tiêu của Hợp đồng

1.1 乙方将根据本合同规定的条件和规范，在越南社会主义共和国执行越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同，乙方承担越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同的实施、竣工移交及缺陷修补等与分包工程有关的所有合同责任和一切风险。

Bên B sẽ tuân thủ theo các điều kiện và tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng này, thực hiện HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN phát điện từ nhiệt dư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam, theo quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Bên B chịu trách nhiệm về việc thực hiện, hoàn thành và chuyển giao công trình, cũng như khắc phục mọi lỗi liên quan đến HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN phát điện từ nhiệt dư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam và chịu mọi rủi ro liên quan đến dự án phụ.

1.2 乙方需严格遵守项目所在国法律、法规，包括反腐、公司注册与治理、税务、人员准入、海关和货物进出口、劳动用工、安全生产、职业健康、资源开采、环境和动植物保护等方面的法律法规，以及“国际法”和适用项目所在国、区域的国际条约、国际惯例，了解合同争议解决机制及仲裁方面的法律、条例、公约，做到遵纪守法、合规从业。

Bên B phải nghiêm chỉnh tuân thủ luật pháp và quy định của quốc gia nơi có dự án, bao gồm chống tham nhũng, đăng ký và quản trị công ty, tiền thuế, quản lý nhân viên, hải quan và xuất nhập khẩu hàng hóa, sử dụng lao động, an toàn sản xuất, sức khỏe nghề nghiệp, khai thác tài nguyên, môi trường, bảo vệ động thực vật, v.v ... Các luật và quy định cũng như "luật quốc tế" và các điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế của quốc gia và khu vực có dự án, hiểu rõ cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng và luật, quy định và công ước về trọng tài, để tuân thủ luật pháp và thực tiễn.

1.3 乙方工程质量和检查验收以合同中规定的标准、规程、规范和越南相关标准为依据，满足业主、现场监理工程师及甲方现场代表对质量和检查验收要求。

Việc nghiệm thu chất lượng và kiểm tra công trình của Bên B phải dựa trên các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và các tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan được quy định trong hợp đồng để đáp ứng các yêu cầu nghiệm thu về chất lượng và kiểm tra của chủ đầu tư, kỹ sư giám sát công trường và đại diện của Bên A tại công trường.

1.4 乙方应遵守项目所在国（地区）HSE管理相关法律法规和合同规定的HSE标准及要求；若所在国或合同无相关规定和要求时，乙方应从维护甲方利益的高度开展分包工程的HSE管理工作，执行标准不得低于中国相关法律法规和标准的要求。

Bên B phải tuân thủ các luật và quy định liên quan về quản lý an toàn HSE tại quốc gia (khu vực) nơi đặt dự án cũng như các tiêu chuẩn và yêu cầu HSE được quy định trong hợp đồng; nếu không có quy định và yêu cầu liên quan tại quốc gia hoặc hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện việc quản lý HSE đối với dự án được thầu phụ từ mức độ cao nhất để bảo vệ lợi ích của Bên A.

2. 合同文件

2.1. Hồ sơ trong hợp đồng

以下文件应被视为形成并被阅读和解释为本协议的一部分，如果它们之间存在差异，则应遵守下文所述的优先顺序。甲方有权对这样的含糊和/或歧义向乙方发布任何指示加以解释和校正，且此类指示具有优先解释效力。

Các tài liệu sau đây dùng để đọc và giải thích, được coi là một phần không thể tách rời của bản hợp đồng này. Nếu giữa các phần tài liệu nếu có sự khác biệt, thì sẽ ưu tiên theo thứ tự được mô tả dưới đây cần được tuân theo.

(1) 合同协议;

Hợp đồng thỏa thuận

(2) 合同条件;

Điều kiện trong hợp đồng

(3) 附表1: 价格表

Phụ lục 1: Biểu báo giá

(4) 附件2: 合同责任划分表;

Phụ lục 2: Biểu Phân Chia Trách Nhiệm Trong Hợp Đồng Thầu Phụ;

(5) 附件 3: 廉政合同

Phụ lục 3: HỢP ĐỒNG LIÊM CHÍNH

(6) 附件 4: 反腐败合同条款

Phụ lục 4 đính kèm :Điều khoản hợp đồng chống tham nhũng

3.合同价格

3.Giá trị của hợp đồng

本合同价格为 **15,352,500,000 VND** (不含 VAT 税)。合同价格包括为实施项目工程而发生的一切费用。合同价格和付款条件在合同条款中详述。合同执行期间, 不含税单价保持不变。

Giá trị của hợp đồng là **15,352,500,000VND** (chưa bao gồm thuế VAT). Giá trị hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí phát sinh cho việc thực hiện dự án. Giá trị hợp đồng và điều kiện thanh toán được mô tả chi tiết trong các điều khoản hợp đồng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị không bao gồm thuế giữ nguyên.

4.合同的有效性

4.Hiệu lực của hợp đồng

4.1合同自双方法定代表人或其授权代表签字且加盖公司公章之日起生效。

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được người đại diện theo pháp luật của hai bên hoặc người đại diện theo ủy quyền của hai bên ký và đóng dấu chính thức của công ty.

4.2 当合同中的所有义务由乙方履行或合同由双方根据合同条件终止时，合同应视为已完成并到期。

Khi tất cả các nghĩa vụ trong hợp đồng được thực hiện bởi Bên B hoặc hợp đồng bị chấm dứt bởi cả hai bên theo các điều khoản của hợp đồng, hợp đồng sẽ được coi là hoàn thành và hết hạn.

4.3 本合同签订，一式四（4）份，甲方保留两（2）份正本，乙方保留两（2）份正本。

Hợp đồng này được ký thành bốn (4) bản, Bên A giữ hai (2) bản chính, Bên B giữ hai (2) bản chính.

甲方:

Bên A:

甲方代表:

Đại diện Bên A:

年 月 日

Ngày tháng năm



乙方代表:

Đại diện Bên B:

Trần Văn Định

年 月 日

Ngày tháng năm

2025

越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同条件

ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN PHÁT ĐIỆN TỪ NHIỆT DƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẮT VIỆT NAM

1 Định nghĩa

在这些情况下，除非上下文另有要求，否则均为如下解释：

Trong những trường hợp sau: Trừ khi là có yêu cầu riêng bằng văn bản, còn nếu không sẽ được giải thích như sau:

根据协议第 2 条，“合同”是指合同文件以及所有附表和附件。

Theo Điều 2 trong thỏa thuận, "Hợp đồng" Đề cập đến các tài liệu hợp đồng và tất cả các biểu đính kèm và phụ lục đính kèm

(a) 开始日期：以甲方通知时间为准。

Ngày khởi công : Thời gian do Bên A thông báo được ưu tiên áp dụng.

(b) 完成时间：暂定完成时间：2026 年 2 月 20 日，具体完工时间以甲方正式通知为准。

Thời gian hoàn thành dự kiến: ngày 20 tháng 2 năm 2026, thời gian hoàn thành cụ thể tùy theo thông báo chính thức của Bên A

(c) 合同方式：固定单价

Phương thức Hợp đồng: Đơn giá cố định

(d) 合同方：甲方或乙方。

Các bên trong hợp đồng: Bên A hoặc Bên B

(e) 项目：越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同

Dự án: HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN PHÁT ĐIỆN TỪ NHIỆT DƯ 4×60MW TẠI NHÀ MÁY THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẮT VIỆT NAM

(f) 地点：项目现场位于越南广义省。

Địa điểm: Dự án được thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

(g) 分包工程承包范围：越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标，工作

内容包括但不限于以下内容:

Phạm vi thầu dự án phụ: Gói thầu C công trình lắp đặt lò hơi dự án phát điện từ nhiệt dư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam; Nội dung công việc bao gồm nhưng không giới hạn trong các nội dung sau đây:

(1)本工程合同范围内的安装工程,包括:锅炉系统、热处理及焊接、防腐、油漆、上述系统的所有管线制作及安装。

Các công việc lắp đặt trong phạm vi hợp đồng dự án này bao gồm: hệ thống lò hơi, xử lý nhiệt và hàn, chống ăn mòn, sơn và sản xuất, lắp đặt toàn bộ đường ống của các hệ thống trên.

(2) 锅炉本体分部试验及试运,包括水压试验、风压试验、烘炉、煮炉、化学清洗、严密性试验等,包括本阶段所使用的消耗品的供应;

Thí nghiệm và chạy thử thân lò hơi, bao gồm: thử thủy lực, thử áp suất gió, sấy lò, hâm lò, tẩy rửa hóa học, thử độ kín... đồng thời bao gồm cả việc cung cấp các vật tư tiêu hao sử dụng trong giai đoạn này;

(3) 上述系统之间或设备本体之间的管道、管件、阀门等的安装、内外防腐、冲洗、水压试验及无损检验;

Lắp đặt đường ống, phụ kiện, van giữa các hệ thống nêu trên hoặc giữa các thiết bị chính; bao gồm chống ăn mòn trong và ngoài, súc rửa, thử thủy lực và kiểm tra không phá hủy.

(4) 设备及材料的供应: 除本合同附件 1 规定的由业主和甲方供货的设备(或材料)外,其它用于本合同工程所有系统的设备及材料供应;

Cung cấp vật tư và thiết bị: Ngoại trừ các thiết bị (hoặc vật tư) do Chủ đầu tư và Bên A cung cấp theo quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng này, toàn bộ các thiết bị và vật tư khác sử dụng cho tất cả các hệ thống thuộc phạm vi công trình theo hợp đồng sẽ do bên thi công cung cấp;

(5) 所有机电设备的单体调试(包括机械的调试),包括设备消缺和设备维护等,如设备的加药、加水、加油、防护、解体检查、整改(非设备质量的问题)、吊装、组装、临时管道或设施的装拆;

Thực hiện chạy thử đơn thể cho toàn bộ thiết bị cơ điện (bao gồm cả thiết bị cơ khí), bao gồm xử lý khiếm khuyết và bảo trì thiết bị, như: hóa chất, cấp nước, thêm dầu, bảo vệ thiết bị, kiểm tra tháo rời, khắc phục (không phải do vấn đề chất lượng thiết bị), nâng hạ, lắp đặt và tháo dỡ các đường ống hoặc công trình tạm thời.

(6) 施工单位配合分系统调试和施工单位配合全厂联合调试,包括系统消缺、现场清理及成品保护等;

Đơn vị thi công phối hợp chạy thử từng phân hệ và phối hợp chạy thử liên hợp toàn nhà máy, bao gồm xử lý khiếm khuyết hệ thống, dọn dẹp hiện trường và bảo vệ thành phẩm, v.v;

(7) 配合全厂 72+24 小时试运行、系统指标测试、考核验收工作以及质量保证期内出现的缺陷修复;

Phối hợp chạy thử vận hành toàn nhà máy trong 72+24 giờ, kiểm tra chỉ tiêu hệ thống, công tác đánh giá nghiệm thu và sửa chữa các khiếm khuyết phát sinh trong thời gian bảo hành chất lượng

(8) 上述工程范围内涉及的各种消耗品及填充料的供应, 如机械设备补充的润滑油 (脂) 等;

Cung cấp các loại vật tư tiêu hao và vật liệu bổ sung liên quan trong phạm vi công trình nêu trên, chẳng hạn như dầu (mỡ) bôi trơn bổ sung cho thiết bị cơ khí;

(9) 设备安装除设备本体组装就位外, 还包括随设备本体提供的各种连接管道、附属系统等; 涉及的按规范由施工单位配合进行的报批、报监和送检, 如压力容器和压力管道报监、吊车报监(厂家安装的吊车除外)等; 以及材料检验和设备校验;

Việc lắp đặt thiết bị ngoài việc lắp ráp thiết bị chính còn bao gồm các đường ống kết nối, hệ thống phụ trợ đi kèm theo thiết bị chính; các thủ tục phê duyệt, giám sát và gửi kiểm tra theo quy định mà đơn vị thi công phải phối hợp thực hiện, chẳng hạn như giám sát báo cáo bình áp suất và đường ống áp suất, giám sát báo cáo xe cầu (trừ xe cầu do nhà sản xuất lắp đặt), cũng như kiểm tra vật liệu và hiệu chuẩn thiết bị;

(10) 业主和甲方所供应设备 (或材料、填料、能源介质等) 的现场卸车、存放保管, 并保证运输通道的畅通, 堆放设备的防护, 规范和相关规定的文明施工要求, 建设场地内设备安装的临时通行措施;

Hạ hàng tại hiện trường, lưu kho và bảo quản các thiết bị (hoặc vật tư, vật liệu bổ sung, môi chất năng lượng, v.v.) do Chủ đầu tư và Bên A cung cấp; đồng thời bảo đảm thông đường của tuyến vận chuyển, thực hiện biện pháp bảo vệ thiết bị lưu kho, tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về thi công văn minh, cũng như triển khai các biện pháp lưu thông tạm thời trong khu vực lắp đặt thiết bị tại công trường;

(11) 部分图纸设备和材料清单未开列, 而设备本体未配套的连接管线、法兰及紧固件、填料、电器开关等材料的供货;

Cung cấp các vật tư như đường ống kết nối, mặt bích và bu lông ốc vít, vật liệu bổ sung, công tác điện... đi kèm với thiết bị chính nhưng không được liệt kê trong danh sách thiết bị và vật tư trên bản vẽ;

(12) 各种非标设备如水箱、油箱等的制作、安装、防腐, 包括甲方现场安排的附属设施的供应及全部设施的安装, 如液位计、法兰及连接件等;

Chế tạo, lắp đặt và chống ăn mòn cho các thiết bị phi tiêu chuẩn như thùng nước, thùng dầu, v.v.; bao gồm cả việc cung cấp và lắp đặt toàn bộ các hạng mục phụ trợ do Bên A bố trí tại hiện trường, chẳng hạn như đồng hồ đo mức, mặt bích và các chi tiết nối...

(13) 按国家、行业、地方或业主规定, 乙方安装调试范围内的设备及材料的配合检验及检测 (包括压力容器、压力管道、高压设备、仪器仪表、起重设备、各类材料等);

Thực hiện phối hợp kiểm tra và kiểm nghiệm các thiết bị và vật tư nằm trong phạm vi lắp đặt chạy thử của bên B theo quy định nhà nước, ngành, địa phương hoặc chủ đầu tư (bao gồm bình áp suất, ống áp suất, thiết bị cao áp, thiết bị đo lường, thiết bị nâng hạ, các vật liệu khác, v.v)

(14)临时设施的建设、使用和管理,乙方保管现场材料,场地大小及租用时间等必须满足现场项目的需求。

Việc xây dựng, sử dụng, quản lý cơ sở tạm, việc bảo quản vật liệu tại hiện trường của Bên B, diện tích mặt bằng, thời gian thuê... phải đáp ứng nhu cầu của dự án tại hiện trường.

(15) 利旧设备的拆卸、运输、保管、安装等,并保证搬迁后利旧设备无损伤、无泄漏、能正常运作。

Tháo dỡ, vận chuyển, bảo quản, lắp đặt các thiết bị tận dụng lại, đồng thời đảm bảo sau khi di chuyển thiết bị tận dụng lại không bị hư hỏng, không rò rỉ và có thể vận hành bình thường.

(16) 因设备供货商造成的设备质量问题,在设备返修后,乙方应无条件安装;

Nếu vấn đề về chất lượng thiết bị do nhà cung cấp thiết bị gây ra, Bên B phải lắp đặt thiết bị vô điều kiện sau khi thiết bị được trả lại để sửa chữa;

(17) 甲方所供应设备、材料、能源介质的现场卸车、库存保管、二次及多次运输等;

Đỡ hàng tại chỗ, lưu trữ, vận chuyển thứ cấp và nhiều lần các thiết bị, vật liệu và phương tiện năng lượng do Bên A cung cấp;

(18) 不包括: ①联合试运转、分系统调试、整套启动费用以及 72 小时试运行期间-试运中消耗的能源介质和一次填充料; ②所有保温工程; ③建筑物给排水和照明, 厂区砼排水及各类井池, 砼排水管施工; ④所有设备及配套的法兰及紧固件(含阀门); ⑤火灾报警安装及调试;

Không bao gồm: 1. Chi phí cho chạy thử liên hợp, chạy thử từng phân hệ, khởi động toàn bộ hệ thống cũng như môi chất năng lượng, vật liệu bổ sung tiêu hao trong thời gian chạy thử 72 giờ; 2. Tất cả công trình bảo ôn; 3. Hệ thống cấp thoát nước và chiếu sáng của kiến trúc, hệ thống thoát nước bê tông trong nhà máy và các loại hồ giếng, thi công ống thoát nước bê tông; 4. Toàn bộ thiết bị, mặt bích, bulong, ốc vít đi kèm (bao gồm cả van); 5. Lắp đặt và chạy thử hệ thống báo cháy;

(19) 负责为完成工程所需的所有必要的服务工作。负责获得工程所需的各类许可和审批 (包括获得必要的批文、执照、许可证及相关的报监、竣工验收等) 以及相应的保险。

Chịu trách nhiệm tất cả các nhiệm vụ công việc cần thiết để hoàn thành công trình. Chịu trách nhiệm tất cả các công việc xin cấp các loại giấy phép làm việc và phê duyệt (bao gồm văn bản phê duyệt, giấy phép làm việc, chứng chỉ và các thủ tục báo cáo giám sát, nghiệm thu hoàn thành, v.v) cũng như các bảo hiểm liên quan.

(20) 工程竣工时,竣工图纸和资料的交付、现场的余料和垃圾清除等。本合同范围包括但不限于由甲方提供的施工蓝图图幅中的内容,以及合同附件 1《合同价格组成表》中的内容。

Khi công trình hoàn thành, phải bàn giao bản vẽ hoàn thành và hồ sơ liên quan, đồng thời thu dọn vật tư thừa và rác thải tại hiện trường. Phạm vi của hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn trong nội dung thể hiện trên các bản vẽ thi công do Bên A cung cấp, cũng như các nội dung ghi trong Phụ lục 1 'Bảng cấu thành giá hợp đồng'.

(21) 甲方有权随时调整乙方承担的上述合同范围, 可以根据不时的需要决定将与本工程有关的、本合同范围以外的工作量委托给乙方进行施工, 双方可单独签订补充合同, 也可以在工程完工后一并结算, 但所有新增加的工作量必须按本合同的价格水平执行。

Bên A có quyền điều chỉnh phạm vi hợp đồng nêu trên của bên B bất cứ lúc nào, có thể căn cứ vào thực tế quyết định ủy thác cho Bên B thực hiện các khối lượng công việc liên quan đến công trình nhưng nằm ngoài phạm vi hợp đồng hiện tại. Hai bên có thể ký hợp đồng bổ sung riêng biệt hoặc thanh toán đồng thời sau khi công trình hoàn thành, nhưng tất cả các công việc phát sinh mới đều phải được thực hiện theo mức giá của hợp đồng này.

(22) 合同执行过程中, 因实际需要, 甲方有权将本合同中的任何项目分包给其他分包商, 并相应扣减本合同价格。

Trong quá trình tiến hành hợp đồng, do nhu cầu thực tế, bên A có quyền giao bất kỳ hạng mục nào trong hợp đồng cho nhà thầu phụ khác thi công, đồng thời được quyền khấu trừ tương ứng giá trị hợp đồng.

(23) 钢结构及设备二次灌浆 (含灌浆料): 每台锅炉 14 根钢柱, 柱脚进行二次灌浆。

Bê tông cấu trúc và thiết bị, nạp chất kết dính lần 2 (bao gồm vật liệu kết dính): Mỗi cái lò hơi có 14 cột thép, chân cột được thực hiện kết dính lần 2.

(24) 其它内容: 投标方应完成上述工作的各项措施、成品保护、协调各方关系的工作。投标方还需完成验收工作并完善相关资料的编制和签章手续。

Nội dung khác: Bên thầu cần thực hiện các biện pháp, bảo vệ sản phẩm, điều phối mối quan hệ giữa các bên như đã mô tả ở trên. Bên thầu cũng cần hoàn thành công việc kiểm tra và hoàn thiện thủ tục biên soạn và ký kết các tài liệu liên quan.

(25) 保险: 乙方负责购买乙方人员及所有机具的保险。

Bảo hiểm: Bên B có trách nhiệm mua bảo hiểm cho nhân sự và toàn bộ thiết bị của Bên B.

(26) 如在乙方合同范围内, 乙方拒绝施工或进度、质量、安全等无法满足甲方要求的, 甲方有权将该部分分包给其他分包商, 费用按甲方分包价从乙方合同价格中扣除, 乙方还需按甲方分包价金额的 50% 向甲方支付违约金。同时, 如因上述原因导致甲方向业主承担违约责任的, 甲方有权一并从乙方合同价格中扣除; 不足扣除部分, 甲方有权要求乙方另行支付。

Nếu trong phạm vi hợp đồng của bên B mà bên B từ chối thi công hoặc tiến độ, chất lượng, an toàn, v.v không đáp ứng được yêu cầu của bên A, bên A có quyền giao phần công việc đó cho nhà thầu phụ khác thi công, chi phí sẽ được khấu trừ dựa theo giá trị hợp đồng của bên B theo đơn giá bên A đã ký với thầu phụ. Đồng thời bên B còn phải thanh toán cho bên A khoản tiền vi phạm hợp đồng tương đương 50%

đơn giá thầu phụ mà bên A đã ký. Trong trường hợp các nguyên nhân nêu trên dẫn đến bên A phải chịu trách nhiệm với chủ đầu tư, bên A có quyền tiếp tục khấu trừ khoản này vào trong hợp đồng của bên B; nếu không đủ phần khấu trừ, bên A có quyền yêu cầu bên B thanh toán bổ sung.

(27)上述工作区域由甲方现场指定,乙方还包括对上述工作的成品保护。同时,乙方须保证和当地政府、当地居民保持良好的关系,便于现场施工顺利进行。除上述范围的工作外,乙方还应配合甲方与总承包方、监理、业主的验收工作,并做好相关资料并保存,如:ITP资料编制签字完善、不合格项的修复工作等。

Tất cả các vị trí công việc được miêu tả ở trên đây do Bên A chỉ định tại hiện trường, công việc của Bên B còn bao gồm cả việc bảo vệ thành phẩm. Đồng thời bên B phải đảm bảo có mối quan hệ tốt với chính quyền và cư dân địa phương, Tạo điều kiện thuận lợi cho tiến độ thi công tại hiện trường được diễn ra suôn sẻ. Ngoài phạm vi công việc nêu trên, Bên B còn phải phối hợp với bên A về công tác nghiệm thu với EPC, giám sát và chủ đầu tư, lập tài liệu có liên quan và lưu giữ. như: biên soạn hồ sơ ITP và ký hoàn thiện, sửa chữa các hạng mục không đạt tiêu chuẩn, v.v.

2 解释 Giải thích

乙方或双方的词语应包括公司和企业以及任何具有法律行为能力的组织。

Các từ ngữ bên nhận thầu hoặc song phương bao gồm công ty, doanh nghiệp và bất kỳ tổ chức nào có năng lực pháp lý.

合同条件中的标题和边注不应视为其中的一部分或在其解释或构造或合同中予以考虑。

Tiêu đề và ghi chú không nên được coi là một phần trong điều khoản của hợp đồng hoặc trong cách giải thích khác hoặc cấu tạo hoặc được xem xét trong hợp đồng

3 总则 Tổng quát

3.1 适用法律 Luật áp dụng

合同应受项目所在地法律管辖并按其解释。如果乙方因法律变更而产生额外费用,包括但不限于公司所得税、增值税和与工程业绩有关的其他税收的增加,乙方应承担相关费用。

Hợp đồng sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật tại địa phương của dự án. Nếu Bên B phát sinh thêm chi phí do thay đổi luật chính sách, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc tăng thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác liên quan đến việc thực hiện công trình, thì Bên B sẽ phải gánh chịu chi phí này.

3.2 语言 Ngôn ngữ

合同的语言为中文和越文,当中文与越南文描述出现不一致的时候,甲、乙双方同意以中文描述为准。

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Trung và tiếng Việt, khi có sự khác biệt giữa phần mô tả bằng

tiếng Trung và tiếng Việt thì Bên A và Bên B thống nhất lấy phần mô tả bằng tiếng Trung làm chuẩn.

3.3 通知和通讯 Thông báo và thông tin

根据本合同，双方之间发出的任何通知、请求、同意或其他通信均应采用书面形式，并且应当在亲自交付给任何一方的通信指定的授权代表时，或向甲方在本合同中指定的地址发送电传、电报、电子邮件，或通过挂号邮件发送一周后视为已送达。

Theo bản hợp đồng này mọi thông báo, yêu cầu, sự đồng ý hoặc thông tin liên lạc khác giữa đôi bên sẽ được thể hiện bằng hình thức văn bản và Cần được giao tận tay cho đại diện của bất cứ bên nào được ủy quyền theo thông tin chỉ định. Hoặc gửi telex, điện tín, thư điện tử đến địa chỉ do Bên A chỉ định trong hợp đồng này. Hoặc thông qua Mail đã đăng ký và sẽ được coi là đã được gửi đến bên nhận sau một tuần .

(a) 甲方信息：中国电建集团四川工程有限公司越南分公司

Thông tin Bên A: CHI NHÁNH POWERCHINA SICHUAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED TẠI VIỆT NAM

地址：越南，胡志明市，盛美西坊，阮友景街 92 号，Topaz 1 大厦夹层，PF-01 间

Địa chỉ: Gian hàng số PF-01, Tầng lửng, Tòa nhà Topaz 1, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

联系人：唐体春

Người liên hệ: TANG TICHUN

电话/ Call: 0084 0789627366

电子邮件/E-mail: tang.tc@sepcoco.net.cn

(b) 乙方信息：光荀工业机械建设回填开发有限公司

Thông tin Bên B: Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn

地址：南胡志明市安富坊平福 B 区 N1 街 37A/47A

Địa chỉ: 3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường An Phú, TP HCM Việt Nam

联系人：陈文定

Người liên hệ: Trần Văn Định

电话/Call : 0354.646.888

电子邮件/E-mail: quangtuanxaylap@gmail.com

3.4 保密 Bảo mật

双方应将其在合同范围内获得的所有商业敏感信息保密，未经另一方书面许可不得泄露。

Cả hai bên cần giữ bí mật mọi thông tin nhạy cảm kinh doanh trong phạm vi hợp đồng và Nếu không có sự cho phép bằng văn bản của bên kia thì không được để lộ ra ngoài.

3.5 协议的唯一性 Tính duy nhất của thỏa thuận

合同构成双方之间合作的唯一协议，其中未包含的任何陈述均不具有任何效力。除非由双方书面签字，否则任何修改都不具有任何效力。

Việc hợp tác giữa hai bên để cấu thành hợp đồng là thỏa thuận duy nhất, Bất kỳ tuyên bố nào không có trong đó đều không có hiệu lực. Trừ khi có chữ ký của cả hai bên, nếu không bất kỳ sửa đổi gì cũng sẽ không có hiệu lực.

3.6 赔偿 Đền bù

乙方应赔偿甲方因乙方、其分包商、代理人或服务人员的疏忽、侵犯知识产权或合法权利或违反法定义务，或由因乙方材料不合格或工艺质量问题而引起的一切相关诉讼、索赔、要求、收费和费用。乙方造成的环境破坏或造成的甲方设备、材料损坏等，由乙方赔偿所有相关费用。

Bên B sẽ bồi thường cho Bên A về tất cả các vụ kiện có liên quan, gây ra bởi sự sơ suất của Bên B, các nhà thầu phụ, đại lý hoặc nhân viên phục vụ của Bên B hoặc chất lượng của tay nghề. Khiếu nại, yêu cầu, phí và chi phí. Đối với những thiệt hại về môi trường do Bên B gây ra hoặc thiệt hại về thiết bị, vật tư của Bên A ... thì Bên B sẽ phải bồi thường mọi chi phí liên quan.

在本合同的履约过程中，由于非乙方原因（不可抗力除外）导致乙方窝工，乙方工期可以顺延，甲方优先采用本项目周边其他类似项目进行资源调配，避免乙方窝工。如不能避免乙方窝工，乙方由此产生的费用甲、乙双方友好协商解决。

Trong thời gian thực hiện bản hợp đồng này, nếu không phải là nguyên nhân của Bên B (trừ trường hợp bất khả kháng) thì có thể gia hạn thời gian thi công của bên B. Bên A sẽ ưu tiên sử dụng các công trình tương tự khác xung quanh dự án để bố trí nguồn nhân lực, tránh việc Bên B thiếu lao động. Nếu Bên B không tránh khỏi việc thiếu hụt lao động, thì các chi phí phát sinh của Bên B sẽ được giải quyết thông qua bản bạc hữu hảo giữa Bên A và Bên B.

4 主要责任 Trách nhiệm chính

4.1 甲方的主要责任 Trách nhiệm chính của Bên A

甲方应从合同生效之日起按照合同约定承担以下责任：

Bên A chịu các trách nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày ký như sau:

按合同要求及时向乙方付款。

Căn cứ theo yêu cầu trong hợp đồng để chi trả tiền cho Bên B kịp thời.

(b) 向乙方提供附件 2 中甲供设备、材料及对应的文件资料。

Bên A cung cấp cho Bên B các tài liệu, giấy tờ liên quan đến thiết bị và vật tư theo Phụ lục 2.

(c) 向乙方提供工作范围内的施工图纸。

Cung cấp cho Bên B các bản vẽ thi công trong phạm vi công việc.

(d) 向乙方提供工作范围所需的施工场地(交接工程的坐标点, 标高和边界点)。

Cung cấp cho Bên B mặt bằng thi công theo yêu cầu của phạm vi công việc. (Bàn giao điểm tọa độ, cốt cao độ, chỉ giới mốc của công trình).

(e) 约定现场代表, 协调处理相关现场事务。

Chỉ định Người đại diện hiện trường, thương thảo và xử lý các sự việc liên quan tại công trường.

4.2 乙方的主要责任 Trách nhiệm chính của Bên B

乙方应从合同签订之日起按照合同约定承担以下责任:

Bên B phải chịu các trách nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng như sau:

乙方应为在甲方工地工作的乙方人员提供并管理所有设备、机械、工具和个人防护用品。

Bên B sẽ cung cấp nhân sự và quản lý tất cả các thiết bị, máy móc, dụng cụ và trang bị phòng hộ cá nhân cho công nhân làm việc trên công trường của Bên A.

(b) 乙方应组织足够的技术人员和劳动力按照甲方的要求执行工作, 并在合同规定的期限内保质保量地完成所有工作, 使甲方满意。

Bên B có trách nhiệm tổ chức đủ nhân viên kỹ thuật và nguồn lao động để thực hiện công việc theo yêu cầu của Bên A, hoàn thành tất cả công việc trong thời hạn quy định trong hợp đồng với chất lượng và số lượng đảm bảo cho Bên A hài lòng.

(c) 乙方应当认真勤勉地按照合同规定和甲方的指示, 完成工程并修补其中的任何缺陷。只要工作内容是在合同中规定的或为完成合同必须的, 乙方应按其提供完成工程或修补缺陷所必需的劳工、辅助材料、装置, 乙方设备以及所有资源。

Bên B sẽ tận tâm để hoàn thành công trình và sửa chữa mọi khiếm khuyết của công trình theo quy định của hợp đồng và sự hướng dẫn của Bên A. Miễn là nội dung công việc được quy định trong hợp đồng hoặc Cần thiết để hoàn thành hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp nhân công, vật tư phụ, trang thiết bị và mọi nguồn lực cần thiết để hoàn thành công trình hoặc sửa chữa các khiếm khuyết trong đó.

(d) 乙方应确保工作范围按照甲方提供和批准的图纸进行。任何不符合标准的, 乙方必须对其进



行维修和重做直至甲方接受。

Bên B phải đảm bảo phạm vi công việc được thực hiện theo đúng bản vẽ do Bên A cung cấp và chấp thuận. Những gì không phù hợp tiêu chuẩn Bên B phải sửa chữa và làm lại cho đến khi được Bên A chấp nhận.

(e) 乙方应自行安排所有劳务人员的工作和工资、社会福利、保险、住房、膳食和交通，所有内容都必须符合甲方相关规定。

Bên B tự thu xếp công việc, tiền lương, phúc lợi xã hội, bảo hiểm, nhà ở, ăn uống, phương tiện đưa đón người lao động, mọi nội dung đều phải phù hợp theo quy định có liên quan của Bên A.

(f) 乙方应解决法律和秩序问题，以确保其工作范围的顺利执行。

Bên B cần giải quyết các vấn đề pháp lý và trật tự để đảm bảo thực hiện suôn sẻ phạm vi công việc của mình.

(g) 乙方应提交详细的申报表，内容包括：申报之日前在乙方工作的所有员工的数量和详细信息，现场乙方所有监管人员的联系人姓名，自上次申报之日起，乙方在项目和工作现场的员工的变更情况。申报应以甲方可能规定的形式和时间间隔提交。

Bên B phải nộp một bản kê khai chi tiết, nội dung bao gồm: Số lượng và thông tin chi tiết của tất cả nhân viên làm việc tại Bên B, gồm họ tên, phương thức liên lạc và tất cả các giám sát viên của Bên B trên công trường, kể từ ngày khai báo lần trước, trường hợp thay đổi nhân viên của Bên B làm việc trong dự án và tại hiện trường. Bản khai sẽ được nộp theo hình thức và khoảng thời gian mà Bên A có thể quy định.

(h) 乙方应在审查合同或执行合同工程时，及时通知甲方有关合同工程的设计或规范中的任何错误、遗漏、失误或其他缺陷。

Bên B cần thông báo kịp thời cho Bên A về bất kỳ sai sót, sơ xuất, hoặc các khiếm khuyết khác trong thiết kế hoặc trong phạm vi qui định của công trình trong hợp đồng khi thẩm tra hợp đồng hoặc thực hiện hợp đồng công trình.

(i) 乙方应遵守越南当地的法律、法规，不得携带武器、毒品和其他非法危险物品进入现场。

Bên B không được mang vũ khí, ma túy và các vật phẩm nguy hiểm bất hợp pháp khác vào trong hiện trường.

(j) 乙方应采取预防和保护的的安全措施，防止其现场人员和劳动者发生危险或事故，并承担由此引起的结果（如有）。乙方员工受伤或死亡的全部责任由乙方承担。乙方及其工作人员必须严格遵守甲方的要求。否则，乙方将面临甲方的考核。

Bên B phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ an toàn để ngăn ngừa nguy hiểm hoặc sự cố tai nạn xảy ra cho nhân viên và công nhân tại hiện trường và phải chịu hậu quả do việc này gây ra (nếu có). Bên B phải chịu mọi trách nhiệm về thương tích hoặc thương vong của nhân viên Bên B và nhân viên của mình phải tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu của Bên A. Nếu không Bên B sẽ phải đối mặt với sự xử phạt của

Bên A.

(k) 乙方应在现场指定一名具有全职的、合格的专职 HSE 管理人员（50 人以下至少配备一名 HSE），负责其员工的 HSE 表现。如果甲方认为乙方的 HSE 管理人员不能满足甲方和现场的要求，甲方保留随时要求免费更换 HSE 管理人员的权利。

Bên B sẽ chỉ định một người phụ trách chuyên về an toàn, kỹ sư HSE phù hợp yêu cầu quản lý công nhân, chịu trách nhiệm về việc biểu hiện về an toàn HSE của công nhân viên. Nếu Bên A cho rằng người phụ trách quản lý về an toàn HSE của Bên B không thể đáp ứng các yêu cầu của Bên A tại hiện trường thì Bên A có quyền yêu cầu thay đổi vô điều kiện người quản lý về an toàn HSE vào bất cứ lúc nào.

(l) 乙方必须为其员工提供符合适当的个人防护用品，包括安全帽、绝缘手套、绝缘鞋、救生衣、安全带和套装。当员工从事需要护目镜，焊接罩和护罩以及面罩的工作时，也应佩戴安全帽。

Bên B phải cung cấp cho nhân viên của mình trang bị bảo vệ cá nhân thích hợp, bao gồm mũ an toàn cứng, giày bảo hộ và quần áo bảo hộ. Khi nhân viên làm công việc cần phải phục tùng đeo kính bảo hộ, khẩu trang, mặt nạ hàn, bảo hộ hàn khi làm việc và nên đeo quai đội mũ an toàn. Công nhân bên B luôn đi giày an toàn khi vào công trường.

(m) 为了遵守越南法规，乙方住在越南广义省榕桔经济区附近，必须申请并执行其临时居住的提交和登记程序，并与当地政府保持良好的关系。

Để tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, bên B sống tại khu vực kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, cần phải đăng ký và thực hiện các thủ tục tạm trú, đồng thời duy trì mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương.

(n) 乙方负责所属员工（中国派遣和越南地招）越南当地的住宿和管理、治安等问题，甲方不承担任何责任。

Bên B chịu trách nhiệm về việc quản lý và chỗ ăn ở tại địa phương, trị an và các vấn đề khác của nhân viên bên mình (sự điều động của phía Trung Quốc và tuyển dụng tại địa phương Việt Nam). Bên A sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì.

(o) 乙方未履行上述条款规定的责任时，乙方应自行整改并达到甲方的满意，如果甲方因此发生任何损失，乙方应当予以赔偿。

Khi Bên B không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định tại các điều khoản trên, thì Bên B sẽ tự chỉnh sửa, để đạt được sự hài lòng của Bên A. Nếu Bên A do việc này mà phải chịu bất kỳ tổn thất nào, thì Bên B cần phải bồi thường.

(p) 乙方在合同履行期间，如果甲方认为乙方的实际工作进度不满足甲方的进度计划的要求，自甲方向乙方发出整改函后 7 日内，乙方必须采取相应的整改行动，乙方采取的整个行动无论采取什么措施均不得增加甲方的相应费用；否则，甲方有权调整乙方承包范围内的部分工作，委托其它施工方实施，其他施工方实施发生的所有费用均由乙方负责，从甲方应支付给乙方的款项中全额扣除，同时不免除乙方因工作滞后造成的其他责任。

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A cho rằng tiến độ công việc thực tế của Bên B không đáp ứng được yêu cầu của kế hoạch tiến độ của Bên A, Bên B phải thực hiện các biện pháp khắc phục trong vòng 7 ngày sau khi Bên A gửi thư yêu cầu chấn chỉnh cho Bên B. thì Bên B phải áp dụng hành động tương ứng để chỉnh sửa, Bất kể Bên B áp dụng theo biện pháp nào để tiến hành chỉnh sửa thì cũng không được tăng thêm chi phí tương ứng của Bên A; tiến độ của Bên B phải được cải thiện đáng kể trong vòng 14 ngày sau khi Bên A gửi thư yêu cầu chấn chỉnh cho Bên B. Nếu không, Bên A có quyền cắt, điều chỉnh một phần công việc trong phạm vi hợp đồng của Bên B và ủy thác cho bên khác để thực hiện thi công, mọi chi phí phát sinh của bên khác thi công sẽ do Bên B chịu trách nhiệm, và sẽ khấu trừ toàn bộ số tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B, Đồng thời Bên B không được miễn trừ các trách nhiệm khác do công việc chậm trễ gây ra.

4.3 保险 Bảo hiểm

乙方负责购买乙方员工、施工设备、车辆、船舶等所有机具的所有保险，并承担其费用。

Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho tất cả công nhân viên, thiết bị thi công và phương tiện xe của bên B và gánh chịu về các khoản chi phí này.

4.4 质量控制 Kiểm soát chất lượng

乙方应确保按照技术要求和甲方的要求正确执行工作范围内的工作内容。如果质量不符合甲方的要求，乙方应按照甲方的指示，进行纠正并承担所有费用。

Bên B phải đảm bảo thực hiện đúng nội dung công việc trong phạm vi công việc theo đúng yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu của Bên A. Nếu chất lượng không đạt yêu cầu của Bên A, thì Bên B phải theo sự chỉ thị của Bên A để tiến hành chỉnh sửa và gánh chịu mọi chi phí.

甲方工程师检查发现质量问题，在书面整改通知或口头整改通知时间内未整改，将按照甲方项目部相应管理制度对乙方进行扣款或考核。扣款或考核在下一期工程进度结算时扣除。

Nếu kỹ sư của Bên A phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình kiểm tra và không khắc phục trong thời gian thông báo khắc phục bằng văn bản hoặc thông báo khắc phục bằng miệng, Bên B sẽ bị trừ tiền hoặc bị xử phạt theo hệ thống quản lý tương ứng của Ban dự án của Bên A. Việc trừ tiền hay xử phạt sẽ được khấu trừ vào kỳ thanh toán tiến độ công trình tiếp theo.

4.5 转让或转包 Chuyển nhượng hoặc chuyển gói thầu

未经甲方书面同意，乙方不得转让或转包本合同的任何部分。

Nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, thì Bên B không được chuyển nhượng hoặc chuyển gói thầu ở bất kỳ phần nào trong hợp đồng này

4.6 工程量清单和要求 Danh mục khối lượng công trình và yêu cầu

如果任何实际工程量与清单工程量不同，则乙方应按照工作范围和本合同的规定进行工作，而不影响合同单价。如有任何冲突，乙方应立即通知甲方，并遵循甲方的指示工作，相应工程量按合同及



甲方审核为准。

Nếu khối lượng thực tế khác với khối lượng trong danh mục, thì Bên B sẽ tiến hành thực hiện công việc phù hợp với phạm vi công việc được quy định trong bản hợp đồng này mà không ảnh hưởng đến đơn giá của hợp đồng. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào, Bên B sẽ thông báo cho Bên A ngay lập tức và làm theo hướng dẫn của Bên A. khối lượng công trình tương ứng sẽ tùy thuộc vào hợp đồng và Bên A thẩm duyệt của Bên A làm chuẩn.

因乙方原因无法满足甲方施工进度计划, 甲方有权收回剩余工程量, 且乙方应赔付甲方相应的损失。

Nếu do nguyên nhân của Bên B mà không thể đáp ứng được kế hoạch tiến độ thi công của bên A thì bên A có quyền thu hồi khối lượng công việc còn lại, đồng thời bên B sẽ phải bồi thường một khoản tương ứng với tổn thất của bên A.

价格的详细信息详见附表 01 价格表。

Để biết thông tin chi tiết về đơn giá, hãy tham khảo Bảng giá 01 kèm theo

5 开工和完工 Khởi công và hoàn công

5.1 开工时间 Khởi công

具体开工时间以甲方通知时间为准。此后, 乙方应当及时进行合同工程施工, 不得有任何延误, 但甲方有明确批准或指示的除外。

Thời gian bắt đầu cụ thể tùy thuộc vào thời gian do Bên A thông báo. Sau đó, Bên B cần tiến hành thi công công trình theo hợp đồng đúng thời hạn, không được chậm trễ, trừ trường hợp Bên A có ý kiến chấp thuận hoặc chỉ đạo rõ ràng.

5.2 工期和完工日期 Thời gian thi công và thời gian hoàn công

暂定 2026 年 2 月 20 日完工。

Ngày hoàn thành dự kiến là ngày 20 tháng 2 năm 2026.

5.3 工期延误造成的延工 Lỗi tiến độ thi công dẫn đến kéo dài thời gian thi công

1)如果乙方因自身原因造成了工期延误, 甲方有权采取任何行动来赶工, 包括但不限于投入人力、施工设备等。

Nếu nguyên nhân do chính Bên B gây ra sự chậm trễ trong thời gian thi công, thì Bên A có quyền áp dụng các biện pháp để thực hiện đuổi kịp tiến độ, bao gồm nhưng không giới hạn về việc tăng thêm nhân lực và thiết bị thi công v.v.v.

2)赶工的费用应由乙方承担; 费用应记录并从合同价格中扣除。

Chi phí để bắt kịp tiến độ sẽ do Bên B gánh chịu, chi phí sẽ được ghi lại và khấu trừ vào giá trị của hợp đồng.

3) 工期奖励: 无。

Phần thưởng thời gian: Không có.

5.4 工期延误的考核 Xử phạt chậm tiến độ thi công

如果乙方未能遵守第 5 条[开工和完工]在规定时间内完成范围内的工作, 乙方应支付以下工期延误赔偿。

Nếu Bên B không tuân thủ Điều 5 [Khởi công và Hoàn thành] để hoàn thành công việc trong thời gian quy định, Bên B sẽ bồi thường các khoản sau cho thời gian thi công chậm trễ.

因乙方原因导致项目未能如期完工, 乙方将承担合同额 0.5%/天的延期赔偿金。

Nếu công trình không hoàn thành đúng tiến độ do các nguyên nhân của Bên B thì Bên B phải gánh chịu mức đền bù chậm thời gian thi công là 0,5% / ngày trên số tiền của hợp đồng.

延期赔偿金是乙方应就此违约而应支付的唯一赔偿金。这些赔偿金不能免除乙方完成工程的义务, 或乙方根据合同可能承担的任何其他职责, 义务或责任。

Khoản bồi thường chậm tiến độ là khoản bồi thường duy nhất mà Bên B phải trả cho việc vi phạm điều khoản của hợp đồng. Những khoản bồi thường này không thể miễn cho Bên B khỏi nghĩa vụ hoàn thành công trình, hoặc bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào khác mà Bên B đảm nhận theo hợp đồng.

本合同甲、乙双方的违约金累积上限金额均为合同总金额的 10%。

Giới hạn trên lũy kế do vi phạm điều khoản cho cả hai bên Bên A và Bên B trong hợp đồng này là 10% tổng giá trị của hợp đồng.

6 价格和付款 Giá cả và chi trả

6.1 合同价格 Giá cả trong hợp đồng

序号 Số	项目描述 Miêu tả về dự án	合价 Thành tiền
1	安装锅炉工程 C 标 Gói thầu C công trình lắp đặt lò hơi	15,352,500,000VND

2	不含税总价 Tổng giá trị chưa bao gồm thuế.	15,352,500,000VND
合同价格为 15,352,500,000 越南盾（大写：壹佰伍拾叁亿伍仟贰佰伍拾万越南盾，不含税，汇率为越南盾：人民币=3450：1）详情请参阅附表 1 价格表。 Giá trị trong hợp đồng là 15,352,500,000VND (Viết hoa: Mười lăm tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, năm trăm nghìn, Không bao gồm thuế, Tỷ giá hối đoái là Đồng Việt Nam: RMB=3450:1), chi tiết xem phần phụ lục 01 về biểu đơn giá. 合同方式为固定综合单价合同，综合单价不因任何因素变化而变化，详细明细见附件一。 Phương thức hợp đồng là hợp đồng đơn giá tổng hợp cố định, và đơn giá sẽ không thay đổi vì bất cứ nhân tố nào, chi tiết xem phần phụ lục 01. 固定综合单价及按约定方式确定的合同价款均包括为完成所包含的上述各项工作而发生的所有费用，包括但不限于完成本标范围内所发生的人工费（包括完成本工程人工费、措施项目人工费、各种保险费、加班费、食宿费、劳保（工作服、安全帽、鞋、手套、安全带））、辅助材料费、工器具及施工机械费、管理费、动迁费、差旅费、体检费、利润、税金、施工措施费、施工用水用电、设备（材料）的现场转运、保管等费用。合同固定单价不因任何因素变化而改变。 Đơn giá tổng hợp cố định và giá hợp đồng được xác định theo phương thức thỏa thuận bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để hoàn thành công việc nêu trên, Bao gồm nhưng không giới hạn chi phí lao động phát sinh trong phạm vi hoàn thiện tiêu chuẩn này (Bao gồm chi phí nhân công hoàn thiện công trình, chi phí nhân công cho các biện pháp, các loại tiền bảo hiểm, phí làm thêm giờ, phí ăn ở, bảo hộ (quần áo lao động, mũ bảo an, giày, găng tay, dây an toàn). Chi phí vật liệu phụ, chi phí dụng cụ và máy móc thi công, chi phí quản lý, chi phí đi dờ, chi phí đi lại, chi phí khám sức khỏe, lợi nhuận, thuế, biện pháp thi công, điện nước thi công, vận chuyển thiết bị (nguyên vật liệu) tại chỗ, phí bảo quản . v.v. giá định sẵn của hợp đồng sẽ không thay đổi vì bất kỳ nguyên nhân nào. 工程量清单中所列工程量仅为预估量，结算工程量按照正式图纸的工程量进行结算，乙方承诺不因工程量的变化对甲方进行索赔。 Khối lượng công việc ghi trong Bảng khối lượng chỉ là số liệu ước tính, khối lượng công việc quyết toán sẽ dựa vào khối lượng công việc theo bảng vẽ chính thức để quyết toán, Bên B cam kết không khiếu nại Bên A do thay đổi khối lượng công việc.		

6.2 付款条件 Điều kiện thanh toán

合同付款条款如下：

Điều khoản thanh toán của hợp đồng như sau:

(1)本工程预付款：无。

Tiền tạm ứng của công trình này: Không có.

(2)本合同按月支付进度款。乙方每月 25 日申请当月工程款，在满足以下条件的情况下，甲方在 21 天内完成当月产值审核并按审核产值的 80% 扣除各项经济往来后支付工程款，扣留的 20% 作

为各项保证金，详见合同第 7 条：

Hợp đồng này sẽ thanh toán tiền tiến độ theo tháng. Bên B nộp giấy đề nghị thanh toán tiền công trình của tháng hiện tại vào ngày 25 hàng tháng, nếu đáp ứng các điều kiện sau, Bên A sẽ thanh toán 80% giá trị đã được kiểm duyệt sau khi hoàn thành việc đối chiếu thẩm duyệt giá trị sản lượng công trình của tháng và trừ đi các khoản giao dịch kinh tế qua lại trong vòng 21 ngày, giữ lại 20% giá trị xem như tiền đảm bảo thực hiện các hạng mục, xem Điều 7 của hợp đồng để biết thêm chi tiết:

(3) 项目完工，乙方向甲方申请签署工程竣工验收签证表，经甲方验收合格并移交后，甲方签署工程竣工验收签证表，并按照合同条款第 7 条退还 HSE 保证金及雇员工资保证金。

Khi dự án hoàn thành, Bên B làm giấy đề nghị Bên A ký nghiệm thu hoàn công công trình, sau khi thông qua nghiệm thu của bên A và bàn giao, Bên A sẽ ký giấy nghiệm thu hoàn công công trình, đồng thời trả lại tiền bảo đảm thực hiện an toàn HSE và đảm bảo chi trả tiền lương nhân viên theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng.

(4) 项目完工并完成竣工结算审计后，甲方按照合同条款第 7 条退还乙方履约保证金

Sau khi hoàn thành dự án và quyết toán hoàn công xong, thì Bên A có trách nhiệm hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện cho Bên B theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

(5) 甲方保留 10% 的结算金额作为质保金。

Khi thanh toán Bên A giữ lại 10% tiền quyết toán để làm tiền bảo hành chất lượng

(6) 货币和付款方式：

Đồng tiền và hình thức thanh toán

币种为越南盾：Đồng tiền sử dụng để thanh toán Hợp đồng là VND.

付款方式为银行转账：Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản và Tiền mặt.

所有付款的发票应在签发前由甲方确认。

Tất cả các hóa đơn thanh toán sẽ được xác nhận bởi Bên A trước khi phát hành.

甲方信息/Nếu như gửi đến Bên A:

账户名称：中国电建集团四川工程有限公司越南分公司

Tên tài khoản : CHI NHÁNH POWERCHINA SICHUAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED TẠI VIỆT NAM

帐号：100000600290230 (VND)

Số tài khoản: 100000600290230 (VND)

银行：中国银行（香港）有限公司胡志明市分行

Ngân hàng: BANK OF CHINA(HONG KONG)LIMITED HO CHI MINH-CITY BRANCH

税号：0315457618

乙方信息：光荀工业机械建设回填开发有限公司

Thông tin Bên B: Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn

地址：越南胡志明市，安富坊，平福 B 区，N1 街，37A/47A

Địa chỉ: 3A/47A, đường N1, khu phố Bình Phước B, Phường An Phú TP HCM Việt Nam

联系人：陈文定

Người liên hệ: Trần Văn Định

电话/Call : 0354.646.888

收款人：光荀工业机械建设回填开发有限公司

Người thụ hưởng: Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn

帐号：114613076868

Số tài khoản: 114613076868

银行：越南工商银行，平阳工业园区分行

Ngân hàng: Vietinbank Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam Chi nhánh KCN Bình Dương

税号/ Mã số thuế.: 3703042513

7 保证金 Tiền đảm bảo thực hiện

7.1 履约保证金 Tiền đảm bảo thực hiện.

本工程履约保证金等于合同金额的 5%，在每月完成的施工产值中扣留。可由乙方提供等额保函代替，甲方只接受“见索即付”的履约保函，其余保函均不接受。履约保函期限覆盖整个工期，如果乙方违反相应条款影响履约及竣工验收、竣工结算等，甲方有权凭履约保函扣除相应费用。

Trái phiếu thực hiện của dự án này bằng 5% số tiền hợp đồng, được khấu trừ vào giá trị sản lượng xây dựng hoàn thành mỗi tháng. Bên B có thể cung cấp một số tiền bảo lãnh tương đương thay thế, và

Bên A chỉ chấp nhận đảm bảo thực hiện "thanh toán theo yêu cầu", và các thư bảo lãnh còn lại không được chấp nhận. Thời hạn bảo đảm thực hiện bao gồm toàn bộ thời gian xây dựng, nếu Bên B vi phạm các điều khoản tương ứng và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng, nghiệm thu hoàn thành, quyết toán hoàn thành..., Bên A có quyền khấu trừ các chi phí tương ứng với trái phiếu thực hiện..

7.2 HSE 保证金 Tiền bảo lãnh về an toàn HSE

本工程 HSE 保证金为合同额的 2.5%，在乙方每月完成的施工产值中按 2.5% 进行扣留。工程验收、移交后（在合同履行期间发生由乙方责任引起的各类事故、事件及乙方的违章违规、违反本协议条款的行为，甲方有权按照保证金扣款标准扣除乙方相应的 HSE 保证金，不足部分从其他应支付给乙方的款项中扣除），无息返还。

Khoản tiền bảo đảm an toàn HSE cho công trình này là 2.5% giá trị hợp đồng, khoản tiền 2.5% này sẽ được giữ lại theo giá trị sản lượng thi công hoàn thành của mỗi tháng của Bên B. Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình xong (trong trường hợp xảy ra tai nạn và các sự cố do trách nhiệm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B vi phạm nội quy quy định và vi phạm các điều khoản theo bản thỏa thuận này, thì Bên A có quyền khấu trừ vào khoản tiền bảo đảm an toàn HSE tương ứng của Bên B theo tiêu chuẩn khấu trừ vào khoản tiền bảo đảm thực hiện. Nếu khoản còn thiếu thì sẽ được khấu trừ vào các khoản thanh toán khác đáng nhẽ chi trả cho Bên B) và được hoàn trả không tính lãi.

7.3 雇员工资保证金 Khoản tiền đảm bảo chi trả tiền lương cho nhân viên

本工程雇员工资保证金为合同额的 2.5%，在乙方每月完成的施工产值中按 2.5% 进行扣留，工程验收、移交后，无息返还。乙方申请进度款、申请返还雇员工资保证金时，必须向甲方提供雇员工资发放证明资料。若甲方发现乙方没有按时支付雇员工资，甲方有权扣除等额的雇员工资保证金直接支付给乙方员工，不足部分从其他应支付给乙方的款项中扣除。

Khoản tiền bảo đảm chi trả tiền lương cho người lao động của công trình này là 2.5% giá trị hợp đồng, hàng tháng bên B khấu trừ 2.5% giá trị sản lượng thi công hoàn thành. Sau khi công trình được nghiệm thu và bàn giao, sẽ được trả lại không tính lãi suất. Khi Bên B đề nghị thanh toán tiền tiến độ và đề nghị trả lại khoản tiền bảo đảm chi trả tiền lương cho người lao động thì Bên B phải cung cấp cho Bên A chứng cứ đã thanh toán tiền lương cho người lao động. Nếu Bên A phát hiện Bên B không trả lương đúng hạn cho người lao động, thì Bên A có quyền khấu trừ một số tiền tương đương trong khoản tiền lương của người lao động và trả trực tiếp chi trả cho người lao động của Bên B và nếu khoản tiền còn thiếu sẽ được khấu trừ vào các khoản cần phải thanh toán cho Bên B.

7.4 质量保证金 Tiền đảm bảo chất lượng

本工程质量保证金为工程结算款 10%，在乙方每月完成的施工产值中按 10% 进行扣留。甲方在收到乙方开具的有效期为 24 个月的质量保函后的 45 天内将剩余工程结算款 10%（无息）支付给乙方，甲方只接受“见索即付”的质保保函，其余保函均不接受。

Khoản tiền bảo đảm chất lượng cho công trình này là 10% giá trị quyết toán công trình, khoản tiền này sẽ được giữ lại 10% giá trị sản lượng thi công hoàn thành của mỗi tháng. Bên A sẽ thanh toán 10% (không lãi suất) sau khi quyết toán công trình còn lại cho Bên B trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được thư bảo đảm chất lượng do Bên B phát hành có thời hạn hiệu lực là 24

tháng, Bên A chỉ chấp nhận thư bảo đảm chất lượng “khi có yêu cầu đền bù thì chi trả ngay”, các giấy Bảo lãnh khác đều không được chấp nhận.

8 质保 Bảo hành chất lượng

在不损害甲方权利的情况下, 乙方保证:

Trong trường hợp không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi nào của Bên A, Bên B đảm bảo:

(a) 保修期为甲方竣工验收工作后的二年。

Thời hạn bảo hành là một năm kể từ khi Bên A hoàn thành công việc nghiệm thu hoàn công.

(b) 如果因乙方原因导致的任何缺陷, 甲方应按照第 3.3 款[通知和通讯]中规定的通信方式立即通知乙方, 乙方应自费在十(10)天内检查并修补该缺陷。

Nếu có bất kỳ khiếm khuyết nào trong công việc, Bên A căn cứ theo qui định phương thức thông tin trong điều khoản thứ 3.3[Thông báo và thông tin] Bên A sẽ thông báo cho Bên B ngay lập tức và Bên B sẽ kiểm tra và sửa chữa lỗi trong vòng mười (10) ngày bằng chi phí của mình

(c) 如果乙方未按时弥补缺陷, 甲方可以采取补救措施;费用从应支付给甲方的费用中扣除。

Nếu Bên B không khắc phục được những khiếm khuyết, đúng thời hạn, thì Bên A có thể áp dụng các biện pháp để khắc phục, về chi phí này sẽ được khấu trừ vào khoản tiền phải thanh toán cho Bên B.

9 暂停和终止 Tạm dừng và chấm dứt

9.1 暂停 Tạm dừng

甲方需要提前 15 日指示乙方暂停部分或全部工程的进度。在暂停期间, 乙方应保护并保管此类部件或工程, 以免受任何变坏、丢失或损坏, 若因乙方发生部件或工程的损失, 所有责任由乙方承担。

Bên A có thể đưa ra chỉ thị trước 15 ngày yêu cầu Bên B tạm dừng tiến độ một phần hoặc toàn bộ công trình. Trong thời gian tạm dừng Bên B có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các cấu kiện, công trình đó để tránh bị tình trạng xuống cấp, mất mát hoặc hư hỏng. Nếu nguyên nhân do Bên B để xảy ra mất mát về cấu kiện hay công trình thì Bên B phải gánh chịu mọi trách nhiệm.

9.2 终止 Chấm dứt

当业主、总包方终止甲方合同时, 甲方有权终止与乙方的合同, 并有责任确定与支付乙方在截至终止时间前已经执行的价值。

Khi chủ đầu tư và tổng thầu chấm dứt hợp đồng với bên A thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng với bên B Đồng thời có trách nhiệm xác định và thanh toán giá trị mà Bên B đã thực hiện trước thời hạn chấm dứt.

若甲方要求乙方对进度、质量或安全方面的工作进行整改,乙方整改后仍无法满足甲方的要求,整改次数达到2次以上。则甲方有权发出终止合同的通知,并按甲方通知的时间离场,若乙方延误离场时间,甲方将对乙方进行5000美元/天(实付货币以当日汇率折算的越南盾缴纳)的考核。

Nếu Bên A yêu cầu Bên B tiến hành cải thiện về tiến độ, chất lượng hoặc phương diện an toàn, thì sau khi Bên B chỉnh sửa xong mà vẫn không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, với số lần chỉnh sửa lên đến hơn 2 lần thì Bên A có quyền ra thông báo chấm dứt hợp đồng, bên B rời khỏi công trường theo đúng thời gian thông báo của bên A. Nếu bên B lùi thời gian rời khỏi công trường, thì bên A sẽ tiến hành xử phạt bên B với mức tiền 5.000 USD / ngày. (Đồng tiền thanh toán thực tế thanh toán bằng đồng Việt Nam quy đổi theo tỷ giá hối đoái trong ngày).

如果乙方的工作如前所述终止,甲方应按照合同价格计算所有在终止日期之前执行工作的费用并支付,如果合同中有规定的价格,则按合同执行,如果合同中没有规定的价格,双方另行协商,价格应符合当时的市场价格水平。如果对终止后的付款有任何不同的意见,双方另行协商。如果甲方因乙方的过错而造成的任何损失,损失的金额应从乙方的付款中扣除。

Nếu công việc của Bên B bị chấm dứt như đã trình bày ở trên, Bên A phải thanh toán mọi chi phí thực hiện công việc trước ngày chấm dứt theo mức và giá quy định, nếu trong hợp đồng có quy định về giá thì thực hiện theo hợp đồng, còn nếu trong hợp đồng không có quy định về giá, thì Hai bên thương lượng riêng, về giá cả phải phù hợp với mặt bằng giá thị trường. Nếu có bất kỳ ý kiến bất đồng nào về việc thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng, thì hai bên sẽ thương lượng riêng. Nếu có bất kỳ tổn thất nào do lỗi của Bên B gây nên, mọi tổn thất, thì khoản tiền tổn thất đó sẽ được khấu trừ vào khoản tiền phải thanh toán cho Bên B.

10 不可抗力 Bất khả kháng.

“不可抗力事件”是指超出当事方合理控制范围的任何事件、情况或事件与情况的组合,并且在签订合同之时或之后,对该受影响方履行其义务产生重大不利影响;但是,前提是受影响的一方不能通过勤勉尽责和合理的努力方式全部或部分的预防、克服和纠正这种重大的不利影响。但应理解并同意,合理的努力包括采取以下行动和活动:保护工程免受人员伤亡的影响,从事件发生的可能性,事件可能发生的影响以及保护措施的有效性看,这是合理的。在存在此类不可抗力事件期间,乙方不对因履行或依据本合同履行义务而承担任何责任。双方应始终尽一切合理努力将因不可抗力事件导致的合同延误及损失降至最低。发生不可抗力事件时,对于未履行或延迟履行本合同项下的义务,乙方可不承担责任。但如果甲方被要求承担责任时,乙方应按照背靠背原则承担承包合同项下对应甲方(或签约主体)的全部责任、义务和风险。注:COVID-19不属于不可抗力。基于疫情防控的考虑,乙方施工期间有必要对所有项目工作人员提出防疫的要求,包括但不限于核算检测阴性证明、疫苗接种证明(具体视项目当地情况而定)。

"Sự kiện bất khả kháng" đề cập đến bất kỳ sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp của các sự kiện và tình huống nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của các bên và tại thời điểm hoặc sau khi ký kết hợp đồng, có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên bị ảnh hưởng; tuy nhiên, tiền đề

đó là bên bị ảnh hưởng không thể ngăn chặn, khắc phục và sửa chữa toàn bộ hoặc một phần tác động bất lợi lớn này thông qua nỗ lực cần mẫn và hợp lý. Tuy nhiên, cần hiểu và thống nhất rằng các nỗ lực hợp lý bao gồm các hành động và hoạt động sau: để bảo vệ dự án khỏi ảnh hưởng của thương vong, về tính khả năng xảy ra sự cố, tác động có thể xảy ra của sự cố và tính hiệu quả của các biện pháp bảo vệ, Điều này là hợp lý. Trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng đó, Bên B không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc thực hiện hoặc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng này. Cả hai bên sẽ luôn nỗ lực hợp lý tất cả để giảm thiểu sự chậm trễ của hợp đồng và thiệt hại do các sự kiện bất khả kháng gây ra. Trong trường hợp phát sinh bất khả kháng, Bên B không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng này. Lưu ý: COVID-19 không phải là trường hợp bất khả kháng. Trên cơ sở xem xét công tác phòng, chống dịch, Bên B cần đưa ra các yêu cầu phòng chống dịch cho tất cả cán bộ dự án trong suốt thời gian thi công, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc hạch toán giấy chứng nhận xét nghiệm âm tính và giấy chứng nhận tiêm chủng (tùy thuộc vào điều kiện địa phương của dự án).

11 争议的解决 Giải quyết tranh chấp

11.1 解决 Giải quyết

双方应本着诚意进行谈判, 以解决因合同引起的或与合同有关的任何争议或索赔, 除非双方书面通知对方宣布谈判失败, 否则不得提起任何进一步的诉讼。双方之间无法解决由合同引起或与合同有关的任何争议或索赔, 应由双方首先提交仲裁。

Cả hai bên nên tiến hành đàm phán một cách thiện chí, để giải quyết bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng, trừ khi cả hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản rằng thương lượng đã thất bại, nếu không sẽ không có vụ kiện tụng nào nữa. Nếu hai bên không thể giải quyết bất kỳ tranh chấp hoặc bồi thường nào gây ra hoặc liên quan đến hợp đồng, hai bên nên đưa ra trọng tài trước.

11.2 仲裁 Trọng tài

双方同意的任何争议, 最终应根据越南胡志明仲裁机构解决。仲裁地点为胡志明市。

Mọi tranh chấp mà hai bên thỏa thuận cuối cùng sẽ được giải quyết theo cơ quan Trọng tài tại TP Hồ Chí Minh Việt Nam. Địa điểm phân xử là Thành phố Hồ Chí Minh.

附件 1: 价格表

Phụ lục 1: Bảng giá

价格汇总表

单位: VND

Đơn vị: VND

序号	工程项目及费用名称 Tên các hạng mục dự án và chi phí	不含税工程价格 Giá không thuế	备注 nhận xét
一	工程费用 - Chi phí dự án		
1	锅炉本体 (单台炉) Thân nồi hơi (nồi hơi đơn)	13,850,745,780	
2	锅炉辅助设备 Thiết bị phụ trợ nồi hơi	275,235,431	
3	风门、阀门及补偿器 Bộ giảm chấn, van và bộ bù	165,135,461	
4	材料 Vật liệu	902,657,660	
5	其他 Khác	59,810,668	
	小计 - Tổng phụ		
二	其他费用 - Các khoản phí khác		
1	施工单位配合调试费 Đơn vị thi công có phí nghiệm thu	98,915,000	
	合计 - tổng cộng	15,352,500,000	
	其它说明 Hướng dẫn khác		
1	工程量清单中所有固定价格涵盖施工图范围内全部工作内容。该价格为根据施工图、招标文件及其澄清答疑要求、现场实际条件、拟采用施工组织设计和施工技术方案、有关工程施工规范、设计标准与工程验收规范、工程量清单的项目特征等按工程内容分别列项计算出的价格。 Tất cả các đơn giá cố định được liệt kê trong bảng khối lượng đều bao gồm tất cả các công việc trong phạm vi bản vẽ thi công. Các đơn giá này được tính toán dựa trên bản vẽ thi công, hồ sơ mời thầu, các giải thích và câu trả lời cho các câu hỏi được cung cấp, điều kiện thực tế tại công trường, thiết kế tổ chức thi công và phương pháp thi công được đề xuất, thông số kỹ thuật thi công liên quan, tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn nghiệm thu kỹ thuật, cũng như các đặc điểm cụ thể của các hạng mục được liệt kê trong bảng khối lượng.		
2	清单子项包括工作内容以《电力建设工程概算定额》(2013年版), 相应子项应包括内容为准, 合同单价以综合单价计算, 所填入的综合单价和合价, 均已包括人工费、材料费、机械费、其他直接费、间接费、有关文件规定的调价、利润以及现行取费中的有关费用、材料的差价以及采用固定价格的工程所测算的风险等全部费用的现行市场价。 Các hạng mục phụ được liệt kê bao gồm nội dung công việc dựa trên "Định mức dự toán cho các dự án xây dựng điện" (phiên bản 2013), với các hạng mục phụ tương ứng bao gồm các nội dung được chỉ định. Đơn giá hợp đồng được tính toán trên cơ sở đơn giá tổng hợp. Cả đơn giá tổng hợp và tổng giá đều bao gồm chi phí nhân công, chi phí vật tư, chi phí cơ khí, các chi phí trực tiếp khác, chi phí gián tiếp, điều chỉnh giá và lợi nhuận được quy định trong các văn bản liên quan, cũng như giá thị trường hiện hành cho các loại phí liên quan, chênh lệch giá vật tư và rủi ro ước tính cho các dự án giá cố định.		
3	工程量清单价格为完成本工程范围内工程量清单所列项目全部费用: 即含分部分项工程费 (实体项目费)、措施费 (非工程实体项目费)、其他项目费、规费。对于清单工程内容中没有列项, 但施工中必须发生的项目, 视为已经包		

	含在工程量清单的综合单价中。 Giá của bảng tiên lượng là tổng chi phí của các hạng mục được liệt kê trong phạm vi dự án này, bao gồm: chi phí cho phí kỹ thuật phân khu và phụ (hoặc chi phí dự án đơn vị), chi phí cho các biện pháp (hoặc chi phí công tác phí vật chất), các chi phí dự án khác và phí quy định (hoặc phí theo luật định). Các hạng mục không được liệt kê trong bảng tiên lượng nhưng cần thiết cho việc xây dựng được coi là đã bao gồm trong đơn giá toàn diện của bảng tiên lượng.
4	施工措施费（包含赶工费等）已含在各分部分项工程费中；安全文明施工措施费根据项目实际发生量按安全文明施工措施费清单综合单价结算。 Chi phí biện pháp thi công (bao gồm cả chi phí cấp bách) đã được đưa vào chi phí của từng hạng mục công trình; chi phí biện pháp thi công an toàn và dân dụng sẽ được quyết toán theo khối lượng thực tế phát sinh của dự án và sử dụng đơn giá trọn gói cho biện pháp thi công an toàn và dân dụng để quyết toán.
5	热力系统管道安装综合单价中包括管道、管件、阀门及传动装置、支吊架、油漆、管道冲洗、水压试验等安装费用。 Giá tích hợp cho đường ống hệ thống nhiệt bao gồm giá thành tích hợp của ống, phụ kiện, van và bộ truyền động, móc treo, sơn, xả ống, thử thủy lực và các chi phí lắp đặt khác.
6	给排水管道安装包括管件、阀门、管道支架、刷油、冲洗、水压试验及管道内外防腐等。 Lắp đặt hệ thống ống nước bao gồm phụ kiện đường ống, van, giá đỡ đường ống, sơn (hoặc phủ), xả nước, thử áp suất thủy lực và bảo vệ chống ăn mòn cho bên trong và bên ngoài đường ống.
7	乙方自购的材料，应确保质量选用有较好业绩的大型厂家。合同范围内的油漆品牌满足业主要求。 Vật liệu Bên B mua phải có chất lượng tốt và được cung cấp từ các nhà sản xuất quy mô lớn uy tín, có kinh nghiệm lâu năm. Các nhãn hiệu sơn trong phạm vi hợp đồng phải đáp ứng các yêu cầu của chủ đầu tư.
8	明装管道防锈先刷 2 层防锈漆,再刷 2 层油性调和漆。全厂管道及钢结构油漆费用乙方采购。 Để chống gỉ cho đường ống lộ thiên, trước tiên hãy sơn 2 lớp sơn chống gỉ, sau đó sơn 2 lớp sơn hỗn hợp gốc dầu (hoặc sơn men gốc dầu). Chi phí sơn cho đường ống và kết cấu thép do Bên B chịu.
9	除甲方供设备材料外，其余所有材料费均包含在安装单价中。 Ngoài các thiết bị và vật liệu do Bên A (hoặc Chủ đầu tư) cung cấp, tất cả các chi phí vật liệu khác đều được bao gồm trong giá lắp đặt.
10	主材为图纸列出的所有材料，全部由甲方提供，包括：钢材、钢管、管件、风门、支吊架、塑料软管、防火包、防火堵料、防火涂料； Vật liệu chính là tất cả các hạng mục được liệt kê trong bản vẽ, do Bên A cung cấp hoàn toàn, bao gồm: thép, ống thép, phụ kiện, van gió, giá đỡ và móc treo, ống nhựa, gói chống cháy (hoặc gói phòng cháy), vật liệu ngăn cháy và lớp phủ chống cháy.
11	辅材包括：除主材外的其余周转性材料、工具性材料，如麻丝、脚手架、氧气、乙炔、枕木、焊条、垫铁、射钉、铁丝、手套、油漆、涂料、密封胶等（包括但不限于上述材料）； Vật liệu phụ trợ bao gồm: tất cả các vật liệu tái sử dụng và dụng cụ khác ngoài vật liệu chính, chẳng hạn như dây gai dầu, giàn giáo, oxy, axetilen, tạ vệt, que hàn, miếng đệm (hoặc miếng đệm), đinh cho súng bắn đinh, dây, găng tay, sơn, lớp phủ, mỡ bôi trơn, v.v. (bao gồm nhưng không giới hạn ở các vật liệu đã đề cập ở trên).
16	合金焊条等合金材料在乙方工作范围，必须采购来自中国，合同价格已含。如有需要，甲方可以协助乙方采购。 Điện cực hàn hợp kim và các vật liệu hợp kim khác nằm trong phạm vi công việc của Bên B và được mua từ Trung Quốc. Giá hợp đồng đã bao gồm. Nếu cần thiết, Bên A có thể hỗ trợ Bên B mua hàng.
18	合同价格包含仪表校验。 Giá hợp đồng bao gồm hiệu chuẩn thiết bị.
19	各气源引至仪表元件连接范围内，且仪表减压阀均由乙方施工。 Mỗi nguồn khí phải được kết nối với phạm vi các thành phần của thiết bị và van giảm áp của thiết bị phải được Bên B chế tạo.
20	越南和发单位从仓库至项目施工现场或至钢厂厂门口附近加工场地由业主承担运输及起重卸货设备，货物二次倒运均由乙方单位承担（包含车辆运输，卸、装等）。 Việc vận chuyển và thiết bị nâng hạ hàng hóa từ kho đến công trường dự án hoặc đến bãi gia công gần công vào nhà máy thép do CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT chịu trách nhiệm. Việc vận chuyển và xử lý hàng hóa lần hai (bao gồm vận chuyển bằng xe, bốc xếp, v.v.) do Bên B chịu trách nhiệm.
21	乙方单位将加工剩余的废料按和发钢厂业主及甲方要求收集回收收到指定地点，且同时进行货物过磅检查，对于废品、废料缺失按相关罚则进行扣款。 Bên B có trách nhiệm thu gom và tái chế phế liệu còn lại theo yêu cầu của CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT và Bên A, đồng thời tiến hành kiểm tra trọng lượng hàng hóa. Đối với bất kỳ phế liệu nào bị mất hoặc hư hỏng, sẽ được khấu trừ theo mức phạt tương ứng.

22	对于管道、烟道、钢结构、仓等未刷漆产品要求厂外除锈并刷漆方可运输厂内施工；且对于烟道、仓等加工要求厂外制作成成品或半成品（成品一半组合体）方可运输厂内施工，同时满足甲方及业主现场项目部管理要求。 Đối với đường ống, ống khói, kết cấu thép và nhà kho chưa sơn, sản phẩm phải được chống gỉ và sơn ngoài công trường trước khi vận chuyển đến công trường. Đối với ống khói và nhà kho, sản phẩm phải được gia công ngoài công trường thành sản phẩm hoàn thiện hoặc bán thành phẩm (một nửa tổ hợp thành phẩm) trước khi vận chuyển đến công trường. Đồng thời, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu quản lý dự án tại công trường của Bên A và CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT.
23	乙方施工范围内的管道试压压力表效验及管道试验范围满足当地及和发钢厂颁布要求及甲方要求，仪表精度不低于 1.0 级，管道水压设备及临时措施费均包含合同内。 Phạm vi thử áp suất và thử đường ống trong phạm vi thi công của Bên B phải đáp ứng các yêu cầu của quy định của địa phương và Nhà máy sắt thép Hợp Phi, cũng như các yêu cầu của Bên A. Độ chính xác của dụng cụ không được thấp hơn cấp 1,0 và chi phí thiết bị áp suất nước đường ống và các biện pháp tạm thời được bao gồm trong hợp đồng.
24	对于合金钢（或特殊钢）材质安装前需复测材质、安装后由甲乙双方现场共同确认，材质检测仪器由乙方自备，费用均包含在工程量清单的综合单价中。 Đối với vật liệu thép hợp kim (hoặc thép đặc chủng), vật liệu phải được đo đạc lại trước khi lắp đặt và được Bên A và Bên B cùng xác nhận tại công trường sau khi lắp đặt. Thiết bị kiểm tra vật liệu sẽ do Bên B cung cấp, chi phí được bao gồm trong đơn giá tổng hợp của bảng khối lượng thiết kế.
25	所有原材料管材、钢材需出厂除锈、刷漆，经验收合格后方可办理入厂手续施工 Tất cả nguyên liệu thô, ống và thép phải được tẩy gỉ và sơn trước khi xuất xưởng. Chỉ sau khi vượt qua kiểm tra nghiệm thu mới được tiến hành thủ tục nhập kho để thi công.
26	所有原材料出厂重量与进厂重量偏差不得>2%，否则按合同相关条例扣款 Độ lệch giữa trọng lượng nhà máy và trọng lượng đầu vào của tất cả nguyên liệu thô không được lớn hơn 2%, nếu không sẽ bị khấu trừ theo quy định có liên quan của hợp đồng.
27	所有厂外加工材料运输厂外及运回厂内由乙方负责，甲方协助 Bên B sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển tất cả các vật liệu đã chế biến ra khỏi nhà máy và trở lại nhà máy, và Bên A sẽ hỗ trợ



安装工程量清单计价表
Dự án lắp đặt Số lượng Bảng giá

单位: VND
Đơn vị: VND

序号 STT	名称规格及型号 Loại	工程内容 Scope of works	单位 Đơn vị	数量 Số lượng	综合单价 Đơn giá tổng hợp	合价 Tổng giá	备注 REMARKS
	四号锅炉 Nồi hơi số 4						
—	锅炉本体 (单台炉) Thân nồi hơi (nồi hơi đơn)	锅炉炉架: 1、组合、安装; 2、组合平台的搭拆、摊销; 3、起吊加固件的制作、摊销; 4、螺栓连接的锅炉架预固定及高强度螺栓固定。 锅炉本体: 筑炉勾钉制作、安装, 所有锅炉厂供波形彩板、保温外护板 (除燃烧器、汽包、再循环烟道) 及保温支撑金属附件等附件安装 锅炉本体油漆: 除污、调漆、补漆、刷面漆 锅炉厂供其它部件的组合、安装、调试、油漆 锅炉厂供一次阀、二次阀、水位计、电接点、平衡容器等所有需焊接附件的安装, 含打压、热处理、探伤等 锅炉柱脚钢筋的摆正、焊接 Cơ thể nồi hơi: 1. Lắp ráp, cải đặt; 2. Bỏ qua nền tảng lắp ráp, khâu hao; 3. Chế tạo, khâu hao gia cố nâng; 4. Hoạt động thử nghiệm và điều chỉnh các bộ phận quay. Khung nồi hơi: 1. Lắp ráp, cải đặt; 2. Bỏ qua nền tảng lắp ráp, khâu hao; 3. Chế tạo, khâu hao gia cố nâng; 4. Khung nồi hơi thép cố định trước và cường độ cao. Cơ thể nồi hơi: 1. Chế tạo, lắp đặt móng tay; 2. Lắp đặt tất cả các tấm mẫu lượn sóng của nhà sản xuất nồi hơi, tấm nắp ngoài cách điện (không bao gồm đầu đốt, trống hơi nước, ống dẫn khí flue tuần hoàn) và cách nhiệt hỗ trợ các bộ phận kim loại và các phụ kiện khác; 3. Vệ tranh của nồi hơi: làm sạch, trôn sơn, vẽ tranh và	吨 tấn	1313			

4



4	过热蒸汽、蒸发器系统——各级过热器管束、蒸发器及管道、联箱、蒸汽连接管道、生火对空排汽阀、安全阀、反冲装置、疏水、放水、放气管道阀门、过热器（出口）的电动隔离阀和附件、炉顶密封装置、汽温调节装置、悬（支）吊装置等。 Hơi quá nhiệt, hệ thống bay hơi - bó ống quá nhiệt các cấp, dàn bay hơi và đường ống, đầu góp, ống nối hơi, van xả hơi chảy ra không khí, van an toàn, thiết bị rửa ngược, công thoát nước, van ống thông hơi, cách ly điện quá nhiệt van và phụ kiện cho lò (đầu ra), thiết bị bịt kín mặt trên lò, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ hơi, thiết bị treo (hỗ trợ), v.v.	1、组合、安装；2、组合平台的搭拆、摊销；3、起吊加固件的制作、摊销；4、转动部件试运、调试； 1、lắp ráp và cài đặt；2、Xây dựng và tháo dỡ các nền tảng kết hợp, khấu hao；3、Sân xuất và khấu hao các thành phần nâng và gia cố；4、Kiểm tra và gỡ lỗi các thành phần quay.	吨 tấn	111	9,575,950	1,062,930,450	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
5	省煤器系统——各级省煤器管束、联箱及连接管道及其固定装置、省煤器入口管道及阀门、再循环管道和电动阀门、疏水和放水（气）管道阀门和附件、支管装置等省煤器系统的全部部件和相关附件等；联通罩、烟气接口。 Hệ thống tiết kiệm - tất cả các cấp độ của bó ống tiết kiệm, đầu nối và ống nối cũng như các thiết bị cố định của chúng, ống và van đầu vào của bộ tiết kiệm, ống tuần hoàn và van điện, ống và van thoát nước và nước (khí) và các phụ kiện, thiết bị hỗ trợ, và tất cả các bộ phận và các phụ kiện liên quan của hệ thống tiết kiệm, v.v.; vỏ thông tin liên lạc, giao diện khí thải.	1、组合、安装；2、组合平台的搭拆、摊销；3、起吊加固件的制作、摊销；4、转动部件试运、调试； 1、lắp ráp và cài đặt；2、Xây dựng và tháo dỡ các nền tảng kết hợp, khấu hao；3、Sân xuất và khấu hao các thành phần nâng và gia cố；4、Kiểm tra và gỡ lỗi các thành phần quay.	吨 tấn	247	9,575,950	2,365,259,650	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
6	门孔类及杂件——各种人孔、检查孔（窥察孔）、炉内升降检修平台预留孔、测试孔等门孔杂件；锅炉铭牌、膨胀指示器等各种杂件。 Cửa và các bộ phận linh tinh - các hố ga, lỗ kiểm tra (lỗ quan sát), lỗ dành riêng cho bề nâng và sửa chữa lò, lỗ thử nghiệm và các bộ phận linh tinh khác; bảng tên nồi hơi, chỉ báo mở rộng và nhiều bộ phận linh tinh khác.	1、组合、安装；2、组合平台的搭拆、摊销；3、起吊加固件的制作、摊销；4、转动部件试运、调试； 1、lắp ráp và cài đặt；2、Xây dựng và tháo dỡ các nền tảng kết hợp, khấu hao；3、Sân xuất và khấu hao các thành phần nâng và gia cố；4、Kiểm tra và gỡ lỗi các thành phần quay.	吨 tấn	47.3	9,575,950	452,942,435	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp

7	锅炉本体范围内管道及其附件——过热蒸汽管道,汽水取样管道,本体范围内所有疏水、放水、排污、排汽、排气的,过热器反冲洗、停炉保护等所有管路;锅炉范围内雨排水管道;顶棚、司水小室。 Đường ống và các phụ kiện trong phạm vi thân nồi hơi - ống hơi quá nhiệt, ống lấy mẫu hơi và nước, tất cả các đường ống thoát nước, xả nước thải, xả xả khí, rửa ngược bộ quá nhiệt và bảo vệ tất máy trong phạm vi thân nồi hơi; ống thoát nước mưa trong phạm vi lò hơi; trần nhà, phòng chứa nước.	37.2	10,066,780	374,484,216	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
8	烟气进出口补偿器 Bộ bù đầu vào và đầu ra khí thải	5.1	6,040,070	30,804,357	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
9	管道支架 Giá đỡ và móc treo ống	25	18,106,850	452,671,250	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
10	吹灰装置——含设备厂供货的喷吹装置、管道及附件等所有设备和材料 Thiết bị thổi bụi tro - bao gồm tất cả các thiết bị và vật liệu như thiết bị thổi, đường ống và phụ kiện do nhà máy sản xuất thiết bị cung cấp	1	261,736,000	261,736,000	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
11	锅炉本体油漆 Sơn thân nồi hơi	1	96,679,950	96,679,950	油漆投标方供货 Sơn do Bên dự thầu cung cấp
12	锅炉本体保温金属件——所有用于固定锅炉本体(不含管道)保温及锅炉砌筑的金属构件(eg: 筑炉钩钉、彩钢瓦楞板、外护板及其附件、固定角钢或扁钢等) Các bộ phận kim loại cách nhiệt thân nồi hơi - tất cả các thành phần kim loại được sử dụng để cố định lớp cách nhiệt và xây dựng thân nồi hơi (không bao gồm đường ống) (ví dụ: móc xây, tấm tôn, tấm bảo vệ bên ngoài và các phụ kiện của chúng, góc cố định hoặc thép phẳng, v.v.).	51.4	10,213,697	524,984,026	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp Không bao gồm các bộ phận kim loại được hàn sẵn tại nhà máy
13	焊缝检测 Kiểm tra mối hàn	1	1,477,892,889	1,477,892,889	

14	锅炉分部试验及试运 Thử nghiệm và vận hành từng phần nồi hơi	煤器管道) 现场施焊的焊缝: 按 100%比例检测。其中, 管径> Ø32mm 要求采用 PAUT (相控阵超声检) 或 UT 方法, 管径≤Ø32mm 要求采用 RT 方法进行无损检测。标准如有更新, 以最新标准为准。 Sau khi lắp đặt tất cả các thiết bị áp suất như nồi hơi và ống hơi quá nóng được hoàn thành, cần kiểm tra và kiểm tra theo tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN 7704-2007". Đối với các đường ống có áp suất làm việc lớn hơn 1,6 MPa và nhiệt độ lớn hơn 200 °C, bao gồm nước cấp chính, nước khử trùng và ống tiết kiệm, các đường nối hàn phải được kiểm tra tỷ lệ 100%. Trong số đó, các đường ống có đường kính lớn hơn Ø32mm yêu cầu thử nghiệm không phá hủy bằng cách sử dụng PAUT (kiểm tra siêu âm theo từng pha) hoặc phương pháp UT và các đường ống có đường kính nhỏ hơn hoặc bằng Ø32mm yêu cầu phương pháp RT. Nếu có các bản cập nhật cho các tiêu chuẩn mới nhất sẽ được sử dụng. 1、锅炉本体及主蒸汽管道、主给水管道的压力、水压、风压试验、化学清洗(酸洗或 EDTA 清洗)和锅炉本体的蒸汽严密性试验及安全门调整。2、酸洗或 EDTA 清洗临时管道及设备的摊销。清洗范围包括锅炉本体及附属设备、水冷系统、高低压管道的清洗。清洗还包括清洗废液的中和及排放。3、试验后的缺陷处理。4、含锅炉运行备品备件 1、Cơ thể nồi hơi và đường ống hơi chính, kiểm tra áp suất đường ống nước chính, kiểm tra thủy lực, kiểm tra áp suất không khí, làm sạch hóa học (làm sạch axit hoặc làm sạch EDTA), và kiểm tra độ căng của hơi nước và điều chỉnh van an toàn. 2、Đường ống làm hơi và khẩu hao thiết bị để làm sạch axit hoặc làm sạch EDTA. Phạm vi làm sạch bao gồm làm sạch cơ thể nồi hơi và thiết bị phụ trợ, hệ thống làm mát nước, ống áp suất cao và thấp. Làm sạch cũng bao gồm trung hòa và xả chất lỏng chất thải làm sạch. 3 Kiểm tra khuyết tật điều trị sau khi xét nghiệm. 4 bao gồm cả phụ tùng cho hoạt động của nồi hơi.	项 mục	1	1,009,065,982	1,009,065,982
----	---	---	----------	---	---------------	---------------

	小计 - Tam tính					13,850,745,780	未含引风机及电机 Không bao gồm quạt gió cầm ứng và động cơ
二	锅炉辅助设备 Thiết bị phụ trợ nồi hơi						
1	磷酸盐加药装置——两箱两泵, V=1.0m³, Q=40L/H, P=15MPa Thiết bị định lượng photphat - hai bình chứa và hai máy bơm, V=1,0m³, Q=40L/H, P=15MPa	本体及随本体供货的附件的安装、检修、试 运、油漆, 泵调试。 Cài đặt, đại tu, vận hành, thử nghiệm, sơn thiết bị và phụ kiện được cung cấp với cơ thể chính, cũng như gỡ lỗi máy bơm.	台 pcs	1	100,066,780	100,066,780	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
2	汽水取样装置——含高温架、仪表架、 闭式除盐水冷却装置 Thiết bị lấy mẫu nước bằng hơi nước—— bao gồm khung nhiệt độ cao, khung thiết bị và bộ làm mát nước khử muối khép kín.	成套取样架、冷却器、取样阀及其连管路 的检查、水压试验、安装、油漆。 Kiểm tra, kiểm tra áp suất thủy lực, lắp đặt và sơn khung lấy mẫu hoàn chỉnh, bộ làm mát, van lấy mẫu và đường ống được kết nối.	套 set	1	70,467,460	70,467,460	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
3	定排排污扩容器——V=7.5m³ Bình chứa mở rộng nước thải xả có định— —V=7,5m³	本体及随本体供货的附件安装、油漆 Lắp đặt và vẽ các thiết bị và phụ kiện được cung cấp với cơ thể chính.	台 pcs	1	80,534,240	80,534,240	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
4	炉顶单机吊——2t/33m Cần trục monorail đầu lò——2t/33m	本体及随本体供货的附件安装、油漆 Lắp đặt và vẽ các thiết bị và phụ kiện được cung cấp với cơ thể chính.	台 pcs	1	15,106,849	15,106,849	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
5	引风机检修电动葫芦——12t/9m Palăng điện bảo trì quạt gió cầm ứng—— 12t/9m	本体及随本体供货的附件安装、油漆 Lắp đặt và vẽ các thiết bị và phụ kiện được cung cấp với cơ thể chính.	台 pcs	1	9,060,102	9,060,102	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
	小计 - Tam tính					275,235,431	
三	风门、阀门及补偿器 Bộ giảm chấn, van và bộ bù						
1	余热锅炉低温烟道 Lò hơi nhiệt thải nhiệt độ thấp						
1.1	金属补偿器——(4000x3200)1台, (2000x3600)2台 Bộ bù kim loại - (4000x3200) 1 bộ, (2000x3600) 2 bộ	补偿器及附件的检查、组装、安装、调试 Kiểm tra, lắp ráp, cài đặt và vận hành các bộ bù và phụ kiện.	吨 t	2	16,106,848	32,213,696	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
1.2	电动方风门(4000x3200)1台, (3600x3600)2台 Giảm chấn vuông điện (4000x3200) 1 bộ, (3600x3600) 2 bộ	本体、电机及配套件检查、组装、安装、调 试 Kiểm tra, lắp ráp, lắp đặt và vận hành cơ thể, động cơ và phụ kiện.	吨 t	7.5	16,106,848	120,801,360	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
2	余热锅炉本体疏放水系统管道 Đường ống hệ thống thoát nước thân nồi hơi nhiệt thải						

2.1	手动碳钢阀 Van tay (thép carbon)	本体及配法兰安装, 压力试验、解体检查 及研磨, 调试 Cơ thể và hỗ trợ lắp đặt mặt bích, kiểm tra áp suất, kiểm tra và mài phân rã, kiểm tra	吨 t	0.1	34,629,725	3,462,973	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
3	余热锅炉区域工业冷却水管道 Đường ống dẫn nước làm mát công nghiệp khu vực hơi nhiệt thải						
3.1	手动碳钢阀 Van tay (thép carbon)	本体及配法兰安装, 压力试验、解体检查 及研磨, 调试 Cơ thể và hỗ trợ lắp đặt mặt bích, kiểm tra áp suất, kiểm tra và mài phân rã, kiểm tra	吨 t	0.1	34,629,725	3,462,973	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
4	余热锅炉区域氮气及压缩空气管道 Đường ống dẫn nitơ và khí nén khu vực lò hơi nhiệt thải						
4.1	手动碳钢阀 Van tay (thép carbon)	本体及配法兰安装, 压力试验、解体检查 及研磨, 调试 Cơ thể và hỗ trợ lắp đặt mặt bích, kiểm tra áp suất, kiểm tra và mài phân rã, kiểm tra	吨 t	0.05	34,629,725	1,731,486	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
5	加药取样管道 Đường ống lấy mẫu định lượng						
5.1	手动碳钢阀 Van thép (thép carbon)	本体及配法兰安装, 压力试验、解体检查 及研磨, 调试 Cơ thể và hỗ trợ lắp đặt mặt bích, kiểm tra áp suất, kiểm tra và mài phân rã, kiểm tra	吨 t	0.1	34,629,725	3,462,973	甲方供货 Bên mời thầu cung cấp
	小计 - Tạm tính					165,135,461	
四	材料 Vật liệu						
I	余热锅炉高温烟道 Ống khói lò hơi nhiệt thải nhiệt độ cao						
1.1	管材及管道附件、支架 Q235-B, 烟道壁厚 $\delta=10\text{mm}$ Vật liệu ống và phụ kiện ống, giá đỡ Q235-B, độ dày thành ống khói $\delta=10\text{mm}$	烟道制作及安装、管道、管件、支架架等的 安装、渗透检验、并包括管道的冲(吹) 洗、水压试验、油漆 Việc chế tạo và lắp đặt ống khói, cũng như lắp đặt đường ống, phụ kiện đường ống, hỗ trợ và móc treo, thử nghiệm thâm nhập và bao gồm xả ống (hoặc thổi), thử nghiệm thủy tĩnh và vẽ, hình thành hiện trường, 管道及钢支架外壁需刷漆厚度 $\geq 280\mu\text{m}$ Các bộ phận có hình dạng đặc biệt cần được thực hiện tại chỗ, và bức tường bên ngoài của các đường ống và khung hỗ trợ thép cần được	吨 t	41.1	7,946,746	326,611,261	主材由甲方供货 Vật liệu chính do Bên mời thầu cung cấp

		lực, sơn 管道外壁需刷漆厚度 $\geq 280\mu\text{m}$ Bức tường bên ngoài của các đường ống cần được sơn bằng độ dày ≥ 280 .							
3.3	其它 (支管用钢材) Q235-B Loại khác (thép làm giá đỡ) Q235-B	金属结构组合安装、检修、调试、油漆 Cài đặt cấu trúc, bảo trì, vận hành, sơn 钢支架外壁需刷漆厚度 $\geq 280\mu\text{m}$ Bức tường bên ngoài của khung hỗ trợ thép cần được sơn bằng độ dày ≥ 280	吨 t	0.5	16,506,848	8,253,424	主材由甲方供货 Vật liệu chính do Bên mời thầu cung cấp		
4	锅炉区域工业冷却水管道安装图 Số đồ lắp đặt đường ống nước làm mát công nghiệp khu vực lò hơi								
4.1	管材及管道附件 (法兰、弯头、三通、堵头等) 20 钢 Vật liệu ống và phụ kiện đường ống (mắt bích, khuỷu, chữ T, phích cắm, v.v.) Thép 20	管道、管件、支吊架等的安装、热处理及无损检验、并包括管道的冲 (吹) 洗、水压试验、油漆 Ông lắp đặt, phụ kiện đường ống, móc treo và những người khác, xử lý nhiệt và kiểm tra NDT, bao gồm rửa đường ống (thổi), kiểm tra thủy lực, sơn 管道外壁需刷漆厚度 $\geq 600\mu\text{m}$ Bức tường bên ngoài của các đường ống cần được sơn bằng độ dày ≥ 600 .	吨 t	0.8	17,106,848	13,685,478	主材由甲方供货 Vật liệu chính do Bên mời thầu cung cấp		
4.2	其它 (支管用钢材) Q235-B Loại khác (thép làm giá đỡ) Q235-B	金属结构组合安装、检修、调试、油漆 Cài đặt cấu trúc, bảo trì, vận hành, sơn 钢支架外壁需刷漆厚度 $\geq 280\mu\text{m}$ Bức tường bên ngoài của khung hỗ trợ thép cần được sơn bằng độ dày ≥ 240 .	吨 t	0.1	17,106,848	1,710,685	主材由甲方供货 Vật liệu chính do Bên mời thầu cung cấp		
5	锅炉区域压缩空气及氮气管道 Đường ống khí nén và nitơ trong khu vực lò hơi								
5.1	管材及管道附件 (法兰、弯头、三通、堵头等) 20 钢 Vật liệu ống và phụ kiện đường ống (mắt bích, khuỷu, chữ T, phích cắm, v.v.) Thép 20	管道、管件、支吊架等的安装、热处理及无损检验、并包括管道的冲 (吹) 洗、水压试验、油漆 Ông lắp đặt, phụ kiện đường ống, móc treo và những người khác, xử lý nhiệt và kiểm tra NDT, bao gồm rửa đường ống (thổi), kiểm tra thủy lực, sơn 管道外壁需刷漆厚度 $\geq 280\mu\text{m}$ Bức tường bên ngoài của các đường ống cần được sơn bằng độ dày ≥ 280 .	吨 t	0.2	10,066,780	2,013,356	主材由甲方供货 Vật liệu chính do Bên mời thầu cung cấp		
5.2	其它 (支管用钢材) Q235-B Loại khác (thép làm giá đỡ) Q235-B	金属结构组合安装、检修、调试、油漆 Cài đặt cấu trúc, bảo trì, vận hành, sơn	吨 t	0.1	17,106,848	1,710,685	主材由甲方供货 Vật liệu chính do Bên mời thầu cung cấp		

附件 2: 责任划分表

Phụ lục 2: Biểu phân chia trách nhiệm

合同名称: 越南和发榕桔钢厂 4×60MW 余热发电项目锅炉安装工程 C 标分包合同 Tên hợp đồng: HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ GÓI THẦU C CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT LÒ HƠI DỰ ÁN phát điện từ nhiệt dư 4×60MW tại nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất Việt Nam			合同编号/Số hợp đồng: SCECC-CON-JY-[2025]-0846	
工作范围: 锅炉安装 Phạm vi công việc: Thử nghiệm móng cọc				
序号 STT	项目名称 Tên hạng mục	工作范围及主要工作内容 Phạm vi công việc và nội dung chính	工作界限 Giới hạn công việc	备注 Ghi chú
1	锅炉安装工程 B 标 Gói thầu B công trình lắp đặt lò hơi	完成锅炉安装工程 C 标的全部工作, 详见合同条件关于范围和工作内容的描述 Hoàn thành tất cả công việc theo Gói thầu C công trình lắp đặt lò hơi, chi tiết xem mô tả về phạm vi và nội dung công việc trong điều khoản hợp đ	合同范围内所有锅炉安装工程 Toàn bộ công trình lắp đặt lò hơi trong phạm vi hợp đồng	
责任划分表 Biểu phân chia trách nhiệm				
序号 STT	项目名称 Tên hạng mục	责任方 Bên trách nhiệm		备注 Ghi chú
		甲方 Bên A	乙方 Bên B	
—	材料及设备 Vật tư và thiết bị			
1	设备 Thiết bị	√		
2	主要材料 Nguyên liệu chính	√		
3	辅材 (除主材外的其余辅助材料、周转性材料、工具性材料、消耗性材料, 且蓝图材料表中未开列的所有工程所需材料, 均为辅材) Vật liệu phụ (tất cả các vật liệu phụ trợ khác ngoài vật liệu chính, vật liệu luân chuyển, vật liệu công cụ, vật liệu tiêu hao, và tất cả các vật liệu cần thiết cho công trình không được liệt kê trong bảng vật liệu bản vẽ thiết kế, đều là vật liệu phụ)		√	

二	施工机械 Máy móc thi công			
1	大中型机械 Máy móc cỡ lớn và vừa		√	
2	小型机械 Máy móc nhỏ		√	
三	其它 Các mục khác			
1	安全文明施工 An toàn văn minh thi công		√	
2	临建 Công trình tạm		√	
3	水 Nước 、电 Điện		√	
4	网络 Đường mạng		√	

说明：责任划分表中“√”为责任方
Lưu ý: "√" trong bảng phân chia trách nhiệm là bên chịu trách nhiệm

甲方:

Bên A:

甲方代表: TÀI

Đại diện Bên A:

年月日

Ngày tháng năm



乙方:

Bên B:

乙方代表:

Đại diện Bên B:

年月日

Ngày tháng năm



Trần Văn Định

2025

哥

附件 3:

Đính kèm 3:

廉政合同
HỢP ĐỒNG LIÊM CHÍNH

甲方: 中国电建集团四川工程有限公司越南分公司 (以下简称甲方)

BÊN A: CHI NHÁNH POWERCHINA SICHUAN ENGINEERING CORPORATION LIMITED TẠI VIỆT NAM

乙方: 光荀工业机械建设回填开发有限公司

BÊN B: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẤP XÂY DỰNG CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN

为规范双方经营活动, 防止发生各种谋取不正当利益的违法违纪违规行为, 保障国家、集体和当事人的合法权益不受侵害, 根据国家有关法律法规和廉政建设法规制度, 经甲乙双方协商一致, 订立本廉政合同, 以供双方共同遵守。

Để điều quy phạm cho mọi hoạt động kinh doanh của cả hai bên, ngăn chặn việc xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật và kỷ luật thu lợi bất chính, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tránh tập thể và các bên khỏi sự xâm hại, căn cứ theo pháp quy pháp luật có liên quan của Nhà nước và chế độ pháp quy liên chính trong xây dựng, qua việc bàn bạc giữa bên A và Bên B đã đi đến nhất trí ký kết Hợp đồng liên chính cả hai bên đều phải tuân thủ.

甲乙双方的责任

Trách nhiệm của cả hai bên, Bên A và Bên B.

应严格遵守国家相关法律、法规和政策, 以及廉政建设各项规定。涉及境外活动的, 应严格遵守合规性政策规定和国际反腐败政策规定。

Căn nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật có liên quan của nhà nước, các pháp quy và chính sách, và các điều quy định về liên chính trong xây dựng. Những người liên quan đến các hoạt động ở nước ngoài căn nghiêm chỉnh tuân thủ quy định chính sách có tính hợp quy về chống tham nhũng quốc tế.

严格执行双方签订的各个合同文件, 自觉按合同办事。

Nghiêm chỉnh chấp hành các văn bản trong các hợp đồng mà hai bên đã ký kết, tự giác thực thi theo hợp đồng.

经营活动中坚持公开、公平、公正、诚信、透明的原则, 不得以权谋私、徇私枉法, 损害国家、集体和对方利益。

Tuân thủ các nguyên tắc công khai, công bằng, công chính, chân thực và minh bạch trong hoạt động kinh doanh, không được phép sử dụng quyền lực cho lợi ích cá nhân hoặc thiên vị, làm tổn hại đến lợi ích của nhà nước, tập thể và bên đối tác.

甲方及甲方人员的责任

Điều II. Trách nhiệm nhân viên của Bên A và Bên A.

不得向乙方及乙方人员索要或接受回扣、礼金，有价证券、贵重物品和好处费等。

Không được phép yêu cầu hoặc nhận lại quà, tiền quà tặng, chứng khoán có giá trị, các vật phẩm quý giá và tiền bôi trơn....

不得让乙方及乙方人员报销任何应由甲方及甲方人员承担的费用。

Không được để Bên B hay nhân viên của Bên B thanh toán bất cứ chi phí gì mà đáng ra chi phí đó phải là nhân viên của Bên A phải gánh chịu.

不得接受可能影响公正执行公务的乙方及乙方人员提供的宴请、旅游、娱乐、健身等活动。

Không được tham gia vào các buổi tiệc, du lịch hoạt động vui chơi, tập thể hình, nào do Bên B hay nhân viên của Bên B tổ chức mời chào, gây ảnh hưởng đến tính công chính trong việc thực hiện công vụ.

不得以任何方式借用和占用乙方或乙方人员的车辆。

Không được trên bất cứ danh nghĩa gì để mượn gay chiếm dụng xe của Bên B hay nhân viên của Bên B.

甲方人员的配偶、子女、近亲属不得参与乙方相关的任何经济活动。

Vợ / chồng, con cái và người thân của nhân viên bên A không được tham gia bất kỳ hoạt động kinh tế nào liên quan của bên B.

严禁其他不廉洁的行为。

Nghiêm cấm mọi hành vi không liêm chính khác.

乙方及乙方人员的责任

Điều III. Trách nhiệm của Bên B và nhân viên của Bên B.

不得以任何理由向甲方及甲方人员馈赠礼金、有价证券、贵重物品和好处费等。

Không được trên danh nghĩa lý do gì để tặng tiền quà, chứng khoán có giá trị, vật phẩm quý giá hay tiền bôi trơn cho Nhân viên của Bên A và Bên A....

不得以任何理由为甲方及甲方人员报销应由其支付的任何费用。

Không được trên danh nghĩa lý do gì để thanh toán khoản tiền chi phí đó cho Nhân viên của Bên A và Bên A
不得以任何理由为甲方及人员安排可能影响公正执行公务的宴请、旅游、娱乐、健身等活动。

Không được trên danh nghĩa lý do gì để tổ chức các bữa tiệc, du lịch, giải trí, tập thể hình và các hoạt động có thể ảnh hưởng đến việc thực thi công chính của Bên A và nhân viên của Bên B.

不得以任何方式向甲方及甲方人员借用车辆。

Không được trên danh nghĩa lý do gì để mượn xe của Bên A và nhân viên của Bên A.

不得接受甲方人员安排其配偶、子女、近亲属参与乙方相关的任何经济活动。

Nhân viên của Bên A không được phép bố trí cho vợ / chồng, con cái, họ hàng thân thiết của mình tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh tế nào liên quan đến của Bên B.

严禁其他不廉洁的行为。

Nghiêm cấm mọi hành vi không liêm khiết khác.

违约责任

Điều IV. Trách nhiệm vi phạm thỏa thuận.

甲乙双方及双方工作人员应切实遵守本合同条款，如查实任何一方有违反合同约定的行为，即视为违约。

Công nhân viên của cả hai bên, Bên A và Bên B đều phải thiết thực tuân thủ các điều khoản của hợp đồng này. Nếu bất kỳ bên nào bị phát hiện vi phạm điều khoản, thì sẽ bị coi là có hành vi vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

发现一方在经营活动中有违规、违纪、违法行为的，另一方应及时提醒对方，情节严重的，应向上级主管部门或纪检监察机构检举。

Nếu phát hiện một bên vi phạm các quy định, kỷ luật hoặc luật trong hoạt động kinh doanh của mình, thì cần kịp thời nhắc nhở bên kia. Nếu trường hợp nghiêm trọng, sẽ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan giám sát có chức năng cao hơn.

对一方的检举行为，另一方不得打击报复，否则一经查实，视为违约。

Việc truy tố một bên sẽ được thực hiện và bên kia sẽ không được trả đũa, nếu không khi xác minh ra sẽ bị coi là vi phạm điều khoản thỏa thuận.

如一方发生违约情况，另一方有权终止经济合同，由此造成的经济损失由违约方完全承担。

Trong trường hợp một bên vi phạm điều khoản thỏa thuận, thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng kinh tế và mọi thiệt hại kinh tế gây ra sẽ do bên vi phạm hoàn toàn gánh chịu.

本合同作为经济合同附件，与经济合同同时签订，双方签字后立即生效。

Điều V. Bản hợp đồng này là phụ lục của bản hợp đồng kinh tế, cùng được ký kết cùng lúc với bản hợp đồng kinh tế, sau khi hai bên ký kết sẽ lập tức có hiệu lực.

甲方（盖章）：

Party A (seal) :

甲方法人代表：

Legal representative:



日期：

Date:

乙方（盖章）：

Party B (seal) :

乙方法人代表（或授权代表人）：

Legal representative:

(or authorized representative)



Trần Văn Định

日期：

Date:

2025

附件 4:

Đính kèm 4:

反腐败合同条款

ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG CHỐNG THAM NHŨNG

反腐败声明、保证与承诺:

Tuyên bố, đảm bảo và cam kết chống tham nhũng

1、遵守反腐败法律。【光荀工业机械建设回填开发有限公司】声明、保证并承诺:就本协议所规定的活动或交易而言,【光荀工业机械建设回填开发有限公司】和【光荀工业机械建设回填开发有限公司】的关联公司、子公司、董事、高级管理人员、员工、代理、咨询顾问、承包商、指定人、最终受益人和股东以及以【光荀工业机械建设回填开发有限公司】名义开展工作的其它个人或机构,未曾并且将来也不会直接或间接违反或致使四川电建违反《中华人民共和国刑法》第 164 条、经合组织《关于打击国际商业交往中贿赂外国公职人员公约》(由其签约国实施)或任何其它应予适用的反腐败法律(统称“反腐败法律”)。具体而言,【光荀工业机械建设回填开发有限公司】声明、保证和承诺,【光荀工业机械建设回填开发有限公司】或【光荀工业机械建设回填开发有限公司】的关联公司、子公司、高级管理人员、董事、员工、代理、咨询顾问、承包商、指定人、最终受益人和股东以及以【光荀工业机械建设回填开发有限公司】名义开展工作的其它个体或机构,未曾并且将来也不会直接或间接向下述人员支付、提议、批准或承诺任何款项或其他有价值物品:

Tuân thủ luật chống tham nhũng. [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.]
Tuyên bố, đảm bảo và cam kết: Đối với các hoạt động hoặc giao dịch được quy định trong thỏa thuận này, các công ty có liên quan, công ty con, Giám đốc, nhân viên quản lý cấp cao, nhân viên, đại lý, nhà tư vấn cố vấn, nhà thầu, [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.], những người được chỉ định, người thụ hưởng sau cùng và các cổ đông, và các cá nhân hoặc tổ chức khác thực hiện công việc với danh nghĩa [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] chưa bao giờ và sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp vi phạm hoặc khiến cho bên xây dựng điện lực Tứ Xuyên vi phạm Điều 164 Luật Hình sự của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Công ước của OECD về chống hối lộ công chức nước ngoài trong tương tác kinh doanh quốc tế (do các nước ký kết thực hiện) hoặc bất kỳ biện pháp áp dụng nào khác đối với luật tham nhũng (gọi chung là "luật chống tham nhũng"). Cụ thể, các tuyên bố, đảm bảo và cam kết của [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.], các công ty có liên quan, công ty con, nhân viên quản lý cấp cao, giám đốc, nhân viên, người thụ hưởng cuối cùng và cổ đông của [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.], và các cá nhân hoặc tổ chức khác thực hiện công việc với danh nghĩa [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] chưa và sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán cho những người sau đây, Đề xuất, phê duyệt hoặc hứa hẹn bất kỳ khoản tiền nào hoặc các vật phẩm có giá trị khác:

1.1.向任何公职人员及其家属或其它个人或机构支付,旨在:

Thực hiện thanh toán cho bất kỳ viên chức nhà nước nào và các thành viên gia đình của họ hoặc các cá nhân hoặc tổ chức khác nhằm mục đích:

i) 不正当地影响公职人员的行为或决策;

Gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành vi hoặc việc ra quyết định của cán bộ công chức;

ii) 诱使公职人员违反其法定职责, 从事或不从事某项行为;

xúi giục bất kỳ Công chức nào làm hoặc bỏ qua một hành động vi phạm nghĩa vụ hợp pháp của Công chức đó;

iii) 诱使公职人员直接利用自身的影响或通过本国或国外政府或机构共同影响该政府或机构的行为或决策; 或者

xúi giục bất kỳ Công chức nào sử dụng ảnh hưởng của mình trực tiếp hoặc với chính phủ hoặc cơ quan trong nước hoặc nước ngoài của họ, để ảnh hưởng hoặc tác động đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào của chính phủ hoặc cơ quan đó; hoặc

iv) 不正当地协助【光荀工业机械建设回填开发有限公司】或四川电建取得业务、保持业务或谋取任何不正当利益; 或者

Hỗ trợ không chính đáng [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] hoặc Công ty Xây dựng Điện lực Tứ Xuyên trong việc nghiệp vụ, duy trì hoạt động nghiệp vụ hoặc tìm kiếm bất kỳ lợi ích bất hợp pháp nào; hoặc

1.2. 向任何人支付, 不论其是否为公职人员:

Trả tiền cho bất kỳ ai, bất kể người đó có phải là công chức hay không:

i) 其意图在于诱使或酬谢该人对其职责或义务的不当履行; 或者

Mục đích là có ý đồ để xúi giục hoặc đền ơn người thực hiện không đúng với chức vụ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ của mình; hoặc

ii) 意识到或确信收受款项或有价值物品本身即构成该人职责或义务的不当履行.

với sự nhận thức hoặc tin tưởng rằng việc chấp nhận thanh toán hoặc vật có giá trị đã cấu thành việc thực hiện không đúng chức vụ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ của người đó

2、持续性责任。【光荀工业机械建设回填开发有限公司】声明并保证: 【光荀工业机械建设回填开发有限公司】和【光荀工业机械建设回填开发有限公司】的关联公司、子公司、董事、高级管理人员、员工、代理、咨询顾问、承包商、指定人、最终受益人和股东以及以【光荀工业机械建设回填开发有限公司】名义开展工作的其它个人或机构, 将在本协议有效期内始终遵守反腐败法律。

Luôn giữ trách nhiệm. [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] đại diện và đảm bảo rằng [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] các công ty có liên quan, công ty con, giám đốc, nhân viên quản lý cấp cao, đại lý, nhà tư vấn cố vấn, nhà thầu, người được chỉ định, người được thụ hưởng sau cùng, cổ đông và như các cá nhân hoặc tổ chức khác làm việc với danh nghĩa [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.], sẽ luôn tuân thủ luật chống tham nhũng trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận này.

3、无秘密资金。在本协议有效期内, 【光荀工业机械建设回填开发有限公司】没有也绝不会违反反腐败法律或其它相关法律, 就本协议或涉及四川电建或其他相关方的其他业务交易设立或保持旨在进行不正当支付的秘密资金、账户或资产。

Không có quỹ bí mật. Trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận này, [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] không và sẽ không bao giờ vi phạm luật chống tham nhũng hoặc các luật khác có

liên quan và sẽ phải thiết lập hoặc duy trì mục đích tiến hành thỏa thuận này hoặc các giao dịch kinh doanh khác liên quan đến Xây dựng Điện lực Tứ Xuyên hoặc các các bên liên quan. Các quỹ, tài khoản hoặc tài sản bí mật được thanh toán không hợp lệ

4、补偿。【光荀工业机械建设回填开发有限公司】承诺：如自身违反在本协议中做出的关于遵守反腐败法的声明、保证和承诺，从而对四川电建及其代表、高级管理人员、董事、员工和股东造成损害或损失，包括但不限于罚款和其它经济损失，【光荀工业机械建设回填开发有限公司】承诺对其进行赔偿。

Bồi thường. [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] Cam kết: Nếu bản thân vi phạm tuyên bố, đảm bảo và cam kết được đưa ra trong thỏa thuận này về việc tuân thủ luật chống tham nhũng, thì sẽ chống lại Bên xây dựng điện lực Tứ Xuyên và các đại diện, nhân viên quản lý cấp cao, giám đốc, nhân viên và cổ đông. [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] hứa sẽ bồi thường thiệt hại hoặc mất mát, bao gồm nhưng không giới hạn ở tiền phạt và các thiệt hại kinh tế khác.

解约条款:

Điều khoản hủy bỏ:

5、【光荀工业机械建设回填开发有限公司】承诺违反其在本协议中做出的关于遵守反腐败法的声明、保证和承诺即构成严重违约行为，在这种情况下，四川电建可自行终止本协议，无须对【光荀工业机械建设回填开发有限公司】进行任何赔偿或补偿，且公司享有的追索权不受影响。四川电建如有合理根据认为（基于可靠信息，包括但不限于四川电建认为可靠且来源明确的第三方资料）【光荀工业机械建设回填开发有限公司】严重违反其在本协议中做出的关于遵守反腐败法的声明、保证和承诺（无论【光荀工业机械建设回填开发有限公司】是否被认定为违反反腐败法律），有权终止本协议。

[Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] Cam kết vi phạm các tuyên bố, cam kết và cam kết tuân thủ luật chống tham nhũng được đưa ra trong thỏa thuận này là vi phạm hợp đồng nghiêm trọng. Trong trường hợp này, Bên xây dựng điện lực Tứ Xuyên có thể đơn phương chấm dứt thỏa thuận này. Mà không phải đền bù hoặc bồi thường cho [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.], và công ty có quyền truy đòi bồi thường mà không chịu ảnh hưởng. Nếu Bên xây dựng điện lực Tứ Xuyên có cơ sở hợp lý để tin rằng (dựa trên thông tin đáng tin cậy, bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin của bên thứ ba mà Bên xây dựng điện lực Tứ Xuyên tin rằng đáng tin cậy và có nguồn thông tin rõ ràng) [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] đã vi phạm nghiêm trọng sự tuân thủ của mình trong thỏa thuận này Các tuyên bố, bảo đảm và cam kết về luật chống tham nhũng (bất kể [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] có bị nhận định vi phạm luật chống tham nhũng hay không) đều có quyền chấm dứt thỏa thuận này.

调查通知:

Thông báo điều tra:

6、【光荀工业机械建设回填开发有限公司】承诺：一旦意识到执行或监管机构、政府机构、国际组织、证券交易机构或非政府组织在就本协议相关的活动进行调查，将立即通知四川电建。【光荀工业机械建设回填开发有限公司】同时承诺：一旦意识到执行或监管机构、政府机构、国际组织、证券交易机构或非政府组织在进行与反腐败法有关的调查，无论该行为是否与本协议有关，将立即通知四川电建。

[Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] Cam kết: Sau khi biết việc thực hiện hoặc cơ quan giám sát quản lý, cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, cơ quan giao dịch chứng khoán hoặc tổ chức phi chính phủ đang điều tra các hoạt động liên quan đến thỏa thuận này, sẽ thông báo ngay cho Bên xây dựng



điện lực Tứ Xuyên. [Công Ty TNHH Khai Thác San Lấp Xây Dựng Cơ Khí Công Nghiệp Quang Tuấn.] Đồng thời cam kết: Sau khi biết rằng các cơ quan thực thi hoặc quản lý, cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, cơ quan giao dịch chứng khoán hoặc tổ chức phi chính phủ đang tiến hành điều tra liên quan đến luật chống tham nhũng, cho dù hành vi đó có có liên quan đến thỏa thuận này, Bên xây dựng điện lực Tứ Xuyên sẽ được thông báo ngay lập tức.

同属于本协议定义部分或上述条款的内容:

Bao gồm trong Phần Định nghĩa của Thỏa thuận hoặc nội dung điều khoản nêu trên:

公职人员: 指政府或其下属职能部门(包括国有或国家控制公司)、政党、国际公共机构或公共职务候选人的高级管理人员、董事、代理、代表、员工、政府官员, 或以政府、国际公共机构、政党或公职候选人名义开展工作的人士。

Nhân viên công chức: là đề cập đến các nhà quản lý cấp cao, giám đốc, đại lý, đại diện, nhân viên, quan chức chính phủ của chính phủ hoặc các bộ phận chức năng cấp dưới của chính phủ (bao gồm các công ty nhà nước hoặc do nhà nước kiểm soát), các đảng phái chính trị, các tổ chức công quốc tế hoặc các ứng cử viên cho các vị trí công, hoặc Một người làm việc dưới danh nghĩa của một tổ chức công, đảng phái chính trị, hoặc ứng cử viên vào chức vụ công.

甲方(盖章):

乙方(盖章):

Party A (seal):

Party B (seal):

甲方法人代表:

乙方法人代表(或授权代表人):

Legal representative:

Legal representative:

(or authorized representative)

日期:

日期:

Date:

Date:

2025

哥

附件 5:

Đính kèm 5:

合规声明

Tuyên bố tuân thủ

【供应商/分包人全称 光荀工业机械建设回填开发有限公司】（以下简称为“供应商/分包人”）在此，向甲方声明、保证和承诺以下内容：

[Tên đầy đủ của nhà cung cấp/nhà thầu phụ CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẤP XÂY DỰNG CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN] (sau đây gọi là "nhà cung cấp/nhà thầu phụ") Tại đây, chúng tôi tuyên bố, đảm bảo và hứa sẽ đưa ra một nội dung sau:

1、【供应商/分包人】已经收到甲方《道德准则》和《反腐败政策》的复印件并已经了解相关要求。【供应商/分包人】知道并理解《道德准则》、《反腐败政策》的相关规定以及其它类似反腐败原则。

1. [Nhà cung cấp/nhà thầu phụ] đã nhận được các bản sao của "Mã đạo đức" của Bên A và "Chính sách chống tham nhũng" và đã nhận thức được các yêu cầu liên quan. [Nhà cung cấp/Nhà thầu phụ] Biết và hiểu các quy định liên quan của Bộ quy tắc đạo đức và chính sách chống tham nhũng và các nguyên tắc chống tham nhũng tương tự khác.

2、在为本合同甲方提供货物或服务的过程中，【供应商/分包人】同意遵守本合同甲方《道德准则》和《反腐败政策》。具体而言，【供应商/分包人】从未并且未来也不会为了帮助其自身或本合同甲方获取业务、保留业务或获得任何不正当优势而向任何公职人员（包括国有或国家控制企业员工、政党或公职候选人）及其家属直接或间接地提议、承诺、安排或支付任何有价值物品，以诱使公职人员履行或不履行职责。

2. Trong quá trình cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ để tổ chức hợp đồng này, [nhà cung cấp/nhà thầu phụ] đồng ý tuân thủ hợp đồng một hợp đồng này. [Nhà cung cấp/nhà thầu phụ] chưa bao giờ và sẽ không, và trong tương lai, đề xuất, hứa, sắp xếp hoặc thanh toán bất kỳ bài viết có giá trị nào trực tiếp hoặc gián tiếp lợi thế.



3、【供应商/分包人】知道并理解其开展本合同甲方相关业务所在国家的反贿赂和反腐败法律的规定。【供应商/分包人】从未从事任何违反这些国家反贿赂和反腐败法律的行为，并将完全依照这些法律规定履行其职责。

3. [Nhà cung cấp/nhà thầu phụ] biết và hiểu các quy định của luật chống hối lộ và chống tham nhũng ở quốc gia nơi Bên A đang tiến hành kinh doanh có liên quan trong hợp đồng này. [Nhà cung cấp/nhà thầu phụ] chưa bao giờ tham gia vào bất kỳ vi phạm luật chống hối lộ và chống tham nhũng nào của các quốc gia này và sẽ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của mình theo các luật này.

4、【供应商/分包人】声明，本企业或本企业高级管理人员或雇员从未并且目前也没有因受贿、贪污或违反商业实体法律规定等不当行为而在国内或国外接受刑事调查或面临任何民事或刑事诉讼。

4.[Nhà cung cấp/Nhà thầu phụ] tuyên bố rằng doanh nghiệp hoặc quản lý cấp cao hoặc nhân viên của doanh nghiệp này chưa bao giờ và chưa bị điều tra tội phạm ở nhà hoặc nước ngoài hoặc đối mặt với bất kỳ thủ tục tố tụng dân sự hoặc hình sự nào do hành vi sai trái như hối lộ, tham ô hoặc vi phạm luật pháp của các thực thể thương mại.

【供应商/分包人】同意在上述声明、保证和承诺出现不准确、不完整的情况时将立即通知本合同甲方，并提供详述上述变更的补充报告。

Nhà cung cấp/Nhà thầu phụ] đồng ý thông báo ngay cho Bên A về hợp đồng này nếu có các tuyên bố, bảo lãnh và cam kết không chính xác hoặc không đầy đủ và cung cấp một báo cáo bổ sung chi tiết về những thay đổi trên.

【供应商/分包人名称】 光荀工业机械建设回填开发有限公司

[Tên nhà cung cấp/nhà thầu phụ] CÔNG TY TNHH KHAI THÁC SAN LẬP XÂY DỰNG C
Ơ KHÍ CÔNG NGHIỆP QUANG TUÂN

(授权人签名/Có chữ ký của người được ủy quyền)

姓名/Tên 【打印】:

职位/Chức vụ:

日期/ngày:



Trần Văn Định



Trần Văn Định